



NHIỀU TÁC GIẢ

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Là máu thịt Việt Nam



ic
PUBLISHER

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

“Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam là một tập sách có ý nghĩa dành cho bạn đọc, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam, để các em hiểu thêm về nguồn cội, biển, đảo của đất nước và có trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngàn đời yêu dấu”.

(Báo **Nhân dân**, số ra ngày 04-6-2014)

“Cuốn sách được biên soạn công phu, từ các bài viết của nhiều nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực: lịch sử, khảo cứu, đồ bản, địa lý, văn hóa... tạo thành một hệ thống tư liệu, thư tịch phong phú, khoa học, chuẩn xác nhằm khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa từ lâu đã thuộc chủ quyền của Việt Nam”... “Đây là cuốn sách cần cho mọi người mọi nhà, cần cho hôm nay và mai sau!”.

(Báo **Quân đội nhân dân** cuối tuần, số ra ngày 15-12-2013)

NHIỀU TÁC GIẢ

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA *Là màu thịt Việt Nam*

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

Sách cho mọi người, mọi nhà;

Sách cho hôm nay - mai sau.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Là máu thịt Việt Nam

CÁC TÁC GIẢ

TS. MAI HỒNG - PGS. TS. LÊ TRỌNG

(Đồng chủ biên)

Nhà nghiên cứu LS. NGUYỄN ĐẮC XUÂN

Nhà văn HOÀNG QUỐC HẢI

Nhà báo VĂN CƯỜNG

Nhà báo HIỆP ĐỨC

Tiến sĩ Sử học ĐÌNH CÔNG VĨ

Nhà nghiên cứu LS. PHAN DUY KHA

Nhà báo TỪ KHÔI

Nhà báo TRẦN VĂN HẠC

Nhà văn MAI NGỌC VŨ

Luật gia BÙI PHÚC HẢI

CHÂN DUNG HAI VỊ CHỦ BIÊN



TS. MAI HỒNG

- Sinh: Mậu Dần, 1938.
- Quê: Vũ Thư, Thái Bình.
- Nguyên Trưởng phòng Tư liệu Hán Nôm (Viện Hán - Nôm).
- Hiện nay: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng Phả học Việt Nam.

Tiến sĩ Mai Hồng là người hơn 30 năm cất giữ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” - tấm bản đồ cổ của Trung Quốc, công bố năm 1904, không hề có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trong lãnh thổ nước họ.



PGS.TS. LÊ TRỌNG

- Sinh: Bính Dần, 1926.
- Quê: Đảo Lý Sơn.
- Nguyên Viện trưởng Viện Phát triển quốc tế học (I.I.D).
- Hiện nay: Sống và viết tại Hà Nội.

PGS.TS. Lê Trọng là người con của đảo Lý Sơn - tiền đồn canh giữ Hoàng Sa, Trường Sa. Tuổi niên thiếu, hằng năm vào ngày 20 tháng 2 âm lịch, ông thường đội mâm xôi đến Nghĩa Tự cúng tế vong linh những người lính đã hy sinh nơi biển cả khi thi hành nhiệm vụ Vua sai ra đảo Hoàng Sa, Trường Sa khai thác, quản giữ.

Ông đã có nhiều tác phẩm (khảo cứu, báo, văn, thơ) viết về biển đảo quê hương.

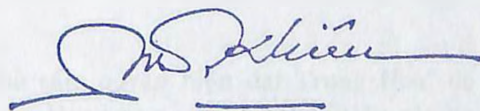
LỜI GIỚI THIỆU

Hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là những vùng đất thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam. Dù cách xa đất liền hàng trăm hải lý nhưng nơi đảo xa ấy luôn chiếm một vị trí quan trọng trong trái tim mỗi người dân đất Việt. Trong ngàn năm lịch sử, biết bao thế hệ cha anh đã chiến đấu quên mình, hy sinh nơi biển cả để giữ vững chủ quyền biển, đảo.

Cuốn sách ***“Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam”*** do Tiến sĩ Mai Hồng và PGS. TS. Lê Trọng đồng chủ biên (Nhà xuất bản *Thông tin và Truyền thông* phối hợp với Trung tâm *Văn hoá Tràn An* xuất bản - phát hành) là một công trình được chuẩn bị hết sức công phu với hệ thống tư liệu phong phú có giá trị khoa học, lịch sử và pháp lý cao. Đặc biệt, việc sưu tầm và công bố hàng loạt những bản đồ cùng các thư tịch cổ của Trung Quốc và tài liệu phương Tây đã chứng minh những yêu cầu về chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là không có căn cứ. Những tư liệu quý giá ấy là bằng chứng hùng hồn để khẳng định chủ quyền từ lâu đời của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Cuốn sách này đã thêm một lần nữa ghi lại những khúc tráng ca về đội hùng binh giữ đảo từ đời này qua đời khác, về cuộc sống sinh động của những con người nơi đầu ngọn sóng hôm nay. Họ là những con người đang viết tiếp bài ca giữ nước của ông cha ta để *Hoàng Sa, Trường Sa mãi mãi là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam*.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013



GS. Vũ Khiêu

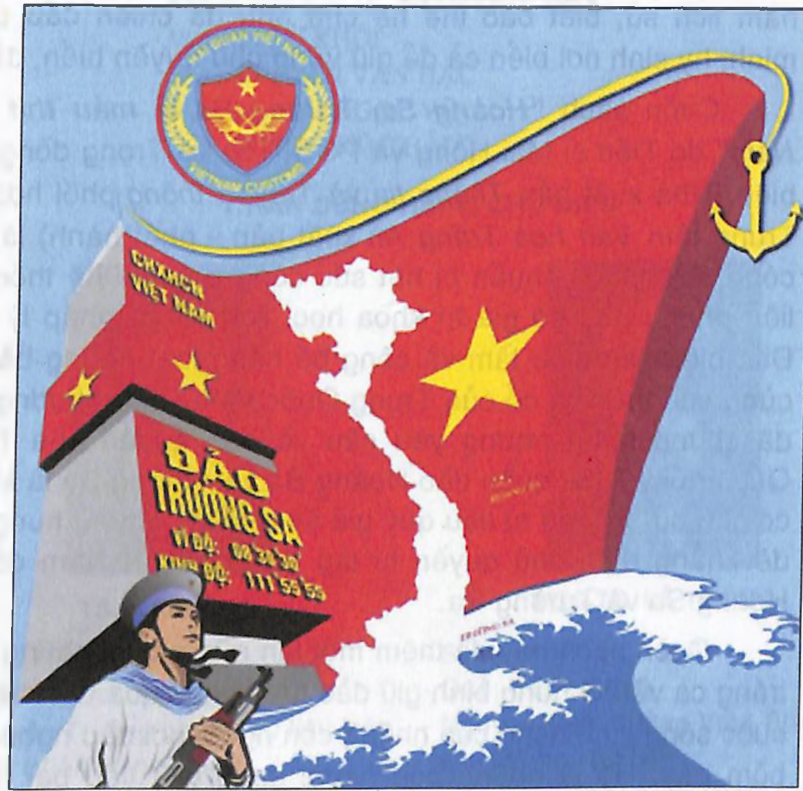
HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

LÀ MỘT PHẦN CỦA VIỆT NAM

CÁC VÁC ĐỒ

ĐIỀU KIỆN SỐNG

Hải quân Việt Nam đã chiếm lĩnh Hoàng Sa và Trường Sa từ trước khi Mỹ và Pháp chiếm đóng. Đây là những vùng biển và đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chúng ta đã và đang bảo vệ vững chắc chủ quyền này.



VINH QUANG THAY HẢI QUÂN VIỆT NAM!

HOÀNG SA - TRƯỜNG SA LÀ MÁU THỊT VIỆT NAM MÃI MÃI KHÔNG THỂ CẮT RỜI

TS. Đinh Công Vĩ

Nhà cầm quyền hiện đại Trung Hoa⁽¹⁾ vài chục năm trở lại đây đã ngày càng lộ rõ tham vọng đối với hai quần đảo Hoàng Sa (quốc tế gọi là Paracels) và Trường Sa (quốc tế gọi là Spratley hoặc Spratly) vốn là máu thịt của Việt Nam mà họ đã “Trung Quốc hóa” dưới các cái tên áp đặt “Tây Sa” và “Nam Sa”.

Thực ra, hai cái tên địa danh đó chỉ mới xuất hiện trên sách vở của Trung Hoa sớm nhất là vào năm 1947 trở đi. Lúc ấy, lợi dụng nước ta đang dồn toàn bộ sức lực cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, họ đã nêu ra chuyện phi lý đó. Mãi tới ngày 30/01/1980, sau cuộc xâm lược phi nghĩa ở biên giới phía Bắc nước ta, nhà cầm quyền hiện đại Bắc Kinh mới lần đầu tiên buộc phải cố đưa ra văn kiện chính thức của Bộ Ngoại giao Trung Quốc về cái gọi là chủ quyền của họ với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam. Trung Quốc làm thế để chuẩn bị cho sự kiện tiếp theo là vào tháng 3/1988, họ đã bất ngờ đánh chiếm trái phép đảo đá Gạc Ma và một số đảo khác do Quân đội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang canh giữ.

Họ dẫn ra một số sách cổ để nói rằng: Trung Quốc đã “phát hiện sớm nhất, khai phá kinh doanh sớm nhất” và “hàng ngàn năm nay, Chính phủ và các triều đại Trung Quốc đã liên tục thực hiện quyền cai quản hai quần đảo đó, nhân dân Trung Quốc là người chủ không thể tranh cãi được của hai

⁽¹⁾ Chúng tôi dùng thuật ngữ: “Nhà cầm quyền hiện đại Trung Hoa” để phân biệt với các nhà cầm quyền Trung Hoa trong quá khứ là tổ tiên của họ cho rằng biên giới tận cùng của Trung Hoa ở phía Nam chỉ đến đảo Hải Nam, không tranh chấp đất ngoài cương giới là Hoàng Sa, Trường Sa.

quần đảo đó". Bất chấp sự thực, họ xuyên tạc rằng: Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam chỉ là những đảo nhỏ và bãi cát ven biển miền Trung của Việt Nam để góp phần minh chứng cho luận thuyết sai trái là: Hai quần đảo ấy không phải là "Tây Sa" và "Nam Sa" của Trung Hoa.

Vậy sự thật là thế nào về cái thuyết vu vơ: "Phát hiện sớm nhất, khai phá kinh doanh sớm nhất" của họ?

Văn kiện của Bộ Ngoại giao Trung Quốc công bố ngày 30/1/1980 đã viện dẫn, cắt xén hai cuốn sách *Nam châu di vật chí* và *Phù Nam truyện* đời Tam quốc (220-265) để chứng minh là: Từ lâu người Trung Hoa đã "phát hiện" Tây Sa và Nam Sa. Văn kiện ấy còn nêu lên 6 cuốn sách: *Mộng Lương lục*, *Đảo di chí lược*, *Đông Tây dương khảo*, *Thuận phong tương tổng*, *Chỉ nam chính pháp*, *Hải quốc văn kiến lục* từ đời Tống đến đời Thanh (Thế kỷ XI đến thế kỷ XIX) để mập mờ nói rằng những cuốn sách đó đã "ghi chép tình hình nhân dân Trung Quốc hàng ngàn năm nay đã đến quần đảo Tây Sa, Nam Sa để làm hàng hải và sản xuất", lần lượt đặt tên cho quần đảo Tây Sa và quần đảo Nam Sa là "*Cửu nhũ loa châu*", "*Thạch Đường*", "*Thiên lý Thạch Đường*", "*Vạn lý Thạch Đường*", "*Trường Sa*", "*Thiên lý Trường Sa*", "*Vạn lý Trường Sa*"... hòng đi tới luận điệu: nhân dân nước họ đã phát hiện, khai phá "*Tây Sa*" và "*Nam Sa*".

Nhưng đọc kỹ mới thấy rằng: Những đoạn trích dẫn trong hai cuốn sách đời Tam quốc của họ là những đoạn cắt xén mơ hồ. Còn sáu cuốn sách sau chủ yếu vẫn chỉ là chép nhặt những hiểu biết của người Trung Quốc đương đại về lịch sử, địa lý, phong tục... của các nước thuộc khu vực Đông Nam Á và Nam Á, và đường hàng hải từ nước họ ra nước ngoài mà không hề có bất kỳ sự ghi lại nào về việc dân Trung Quốc đến hai quần đảo này "*làm hàng hải và sản xuất*". Những cái

tên cổ mà họ cho là các sách đã “đặt” cho hai quần đảo cũng chỉ là những cái tên mà người Trung Quốc thời xưa dùng để tả lại đường hàng hải Biển Đông hoặc về địa lý nước ngoài. Những địa danh ấy không phải là của Trung Quốc và hoàn toàn không có một giá trị pháp lý nào để họ dựa vào đó mà khẳng định liệu rằng những đảo đó của người Trung Quốc. Kể cả sự “phát hiện” của người nước họ dù có thật thì cũng chẳng có cơ sở pháp lý để chứng minh rằng vào các thời ấy hai quần đảo mà họ gọi là “Tây Sa”, “Nam Sa” thuộc chủ quyền Trung Quốc. Và nếu có sự “*khai phá kinh doanh*” của người Trung Quốc ở “Tây Sa”, “Nam Sa” thì đó cũng chỉ là sự khai phá, kinh doanh của tư nhân Trung Quốc ra nước ngoài, chứ không phải là chủ trương của Nhà nước. Vậy cái gọi là chủ quyền của nước họ về hai quần đảo ấy mới mơ hồ làm sao?

Còn các thuyết vu vơ nữa về sự “*cai quản*” của các triều đại Trung Quốc thì thế nào? Điều cơ bản nhất, cần thiết nhất không thể không có sự đòi hỏi của dư luận là: các nhà nước Trung Quốc đã chiếm hữu hai quần đảo ấy từ lúc nào và như thế nào? Trung Quốc đã bất lực, không thể giải đáp được câu hỏi hóc búa ấy. Vậy buộc họ phải nói chung chung rằng “Chính phủ các triều đại Trung Quốc đã liên tục thực hiện quyền cai quản hai quần đảo đó”. Để chứng minh cho luận điệu chung chung đó, họ không thể không nêu ra một số sự kiện từ thế kỷ XI đến XIX, nhấn mạnh hơn là 3 sự kiện sau đây mà họ trích dẫn, cắt xén ở sách cổ:

- Sách “*Vũ kinh tổng yếu*” viết đời Tống Nhân Tông (1023-1063) nêu: Triều đình Bắc Tống “lệnh cho quân nhà vua đi trấn giữ, đặt dinh lũy thủy quân tuần biển” ở Quảng Nam (tức Quảng Đông thời nay) “đóng tàu chiến đao ngư” “từ đồn Mân Sơn, theo gió đông đi về hướng tây nam 7 ngày thì

đến cửa Nhữ Loa Châu”. Họ nói rằng “*Cửa Nhữ Loa Châu*” là “*quần đảo Tây Sa*” nên cái kết luận: “triều đình Bắc Tống đặt quần đảo Tây Sa vào phạm vi cai quản của mình”, “hải quân Trung Quốc đã tuần tra đến vùng quần đảo Tây Sa” cũng chỉ là kết luận không có căn cứ xác đáng. Có nêu lên nguyên văn toàn bộ “*Vũ kinh tổng yếu*” mới thấy cái mưu mẹo trích dẫn và thêm thắt của họ: “Lệnh cho quân nhà vua đi trấn giữ, đặt dinh lũy thủy quân tuần biển ở hai cửa biển phía Đông và phía Tây rộng 280 trượng đến đồn Môn Sơn 200 lý đóng tàu chiến đao ngư. Từ đồn Môn Sơn theo gió đông đi về hướng Tây Nam 7 ngày thì đến *Cửa Nhữ Loa Châu*, đi 3 ngày nữa đến *Bất Lạp Sơn* (thuộc địa giới nước Hoàn Châu, đi 300 hải lý nữa về phía Nam đến *Lăng Sơn Đông*. Phía Tây Nam nơi đó là các nước *Đại Thực Phật*, *Sư Tử*, *Thiên Trúc*, không thể tính được hành trình”. Phải giải thích mới rõ: đồn Môn Sơn có vị trí ở cửa sông Châu Giang (thuộc tỉnh Quảng Đông); Bất Lạp Sơn chính là Cù Lao Chàm ở nước Hoàn Châu (tức Chiêm Thành); Đại Thực Phật được các sách cổ Trung Quốc từng viết là nước Đại Thực, một nước phong kiến thời Trung cổ ở vịnh Ba Tư đời nay. Sư Tử là nước Srilanka, Thiên Trúc là nước Ấn Độ. Các sách *Đường Thư*, *Tống sử*, *Cổ kim đồ thư tập thành* của chính nước họ đã khẳng định sự thực ấy. Vậy, không thể biện bạch được là: Sự kiện trên chỉ nói việc vua Bắc Tống ra lệnh “đặt dinh lũy thủy quân tuần biển” ở cửa biển Quảng Châu, có đoạn tả lại vị trí địa lý nơi đặt dinh lũy thủy quân, có đoạn tả lại đường biển từ cửa biển Quảng Châu sang Ấn Độ Dương, tìm đâu thấy được đoạn văn nói rằng, thủy quân Trung Quốc đi tuần tra đến quần đảo “Tây Sa”? Còn về tên các sách trên, họ cũng dịch sao cho có lợi cho mình khi bịa đặt, như sách “*Đảo di chí lược*” nghĩa là: Xem xét khái lược về các nước man di (tức là nước ngoài theo cách gọi khinh miệt của họ) trên đảo,

thì họ dịch là “Xem xét, khái quát về các đảo”; hoặc sách “*Hải quốc văn kiến lục*” đúng nghĩa là “Những điều tai nghe mắt thấy về nước ngoài”, thì họ dịch là: “Những điều tai nghe mắt thấy về những vùng ven biển”.

- Sách “*Nguyên sử*”, bộ sử chính thức của triều nhà Nguyên từng ghi: “Việc đo bóng mặt trời bốn biển ở hai mươi bảy nơi. Phía đông đến Cao Ly, phía tây đến Điền Trì, phía nam qua Chu Nhai, phía bắc đến Thiết Lặc. Theo đầu đề “*Đo đạc 4 biển*”. “*Nguyên sử*” nêu rõ tên hai mươi bảy nơi đo đạc trong đó có Cao Ly, Thiết Lặc, Bắc Hải, Nam Hải. Phải biết rằng Cao Ly tức Triều Tiên, Thiết Lặc thuộc Xibia của nước Nga, Bắc Hải nay là vùng biển phía bắc Xibia, Nam Hải là Biển Đông nói chung (phần biển Nam Thái Bình Dương). Những vùng ấy nằm trong “bốn biển” chứ không nằm ở “*toàn quốc*” của nước họ. Ngay trong “*Nguyên sử*”, phần *Địa lý chí* và *Lịch đại cương vực biểu* (đời Thanh) cũng nêu rõ “Cương vực” Trung Quốc đời Nguyên, phía nam chỉ đến đảo Hải Nam, phía bắc không quá sa mạc Gôbi. Vậy, làm sao có chuyện quần đảo với tên gọi là “Tây Sa” lúc ấy đã nằm trong cương vực Trung Quốc đời Nguyên?

Phải nói rõ thêm rằng: Tống, Nguyên - hai triều đại gắn với nội dung những cuốn sách trên là những triều đại đã thất bại thảm hại về quân sự tại Việt Nam, đặc biệt là thất bại về mặt thủy quân trên sông Bạch Đằng (“*Đằng giang tự cổ huyết do hồng...*”) thì làm sao mà vươn tới biển được? Đại thần Triều Bô Chí dâng sớ trần tình với Tống Thần Tông và Tống tướng Vương An Thạch rằng: “Quân Tống nhát sóng hơi có gió đã sợ rồi... còn người Giao Chỉ giỏi thủy chiến làm sao địch nổi?”. Các vua Tống, từ Bắc Tống đến Nam Tống yếu hèn, liên tục bị các nước Liêu, Kim, Hạ bắt nạt. Các vua Tống Huy Tông, Tống Khâm Tông bị cầm tù chết nhục ở

nước Kim. Vậy mà họ vẫn quỳ gối xưng thần với phương Bắc, một mặt đàn áp các anh hùng chủ chiến bảo vệ cương giới như Nhạc Phi... Con đường xuống dốc không phanh ấy góp phần làm cho nước Trung Hoa từng vỗ ngực tự hào phải nằm bẹp dưới chân ngựa của người Mông Cổ hàng thế kỷ. Đại thần nhà Tống là Lục Tú Phu phải cống vua Tống là Đế Bính nhảy xuống biển tự tử. Thái hậu nhà Tống cũng chết chìm trên Biển Đông cùng hàng vạn người Trung Hoa khác. Vậy nước họ thời ấy làm sao có thể chiếm lĩnh được Biển Đông?!

Đến các đời sau đó: Họ còn dẫn sự kiện viên phó tướng thủy quân Ngô Thăng đi tuần tiểu biển vào khoảng năm 1710 đến năm 1712 đời Thanh "... từ Quỳnh Nhai qua Đồng Cổ, qua Thất Châu Dương, Tứ Canh Sa, vòng quanh ba ngàn dặm, đích thân đi tuần tra xem xét" để nói là: "Thất Châu Dương là vùng biển quần đảo Tây Sa ngày nay, lúc đó do hải quân tỉnh Quảng Đông phụ trách tuần tiểu". Nhưng họ làm sao chối cãi được sự thật là: Theo các sách của chính nước họ, như *"Trung văn đại từ điển"* (Đài Loan xuất bản năm 1963) ghi rõ: Quỳnh Nhai tức "Đạo binh bị Quỳnh Nhai" (đảo Hải Nam) đời Thanh, lỵ sở ở Quỳnh Sơn, gần thị trấn Hải Khẩu ngày nay, phía bắc đảo Hải Nam; *"Trung Quốc tân dư đồ"* (Thương vụ ấn thư quán Thượng Hải xuất bản năm 1917) cho thấy: Đồng Cổ ở mồm đông bắc đảo Hải Nam... Tứ Canh Sa là bãi cát ở phía tây đảo Hải Nam; *"Hải đồ Trung Quốc"* tỷ lệ 1/500.000 do Trung Quốc in vào tháng 5 năm 1965, bằng chữ Trung Quốc và Việt Nam, mảnh "bán đảo Lô Châu và đảo Hải Nam" cũng cho thấy: Thất Châu Dương là vùng biển có 7 hòn đảo gọi là Thất Châu, nằm ở phía đông đảo Hải Nam. Như vậy, họ đang phản bác lại những điều mà chính miệng họ đã nói, chính tay họ đã viết vẽ ra; và xỏ toẹt vào cái luận điệu: "Thất Châu Dương là vùng biển quần đảo Tây Sa ngày

nay...". Tác phẩm "*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*" của nhà Thanh, công bố 1904, mà mới đây Tiến sỹ Mai Hồng đã hiến tặng cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam sau nhiều năm cất giữ cho thấy: Địa danh cực nam của Trung Quốc là đảo Hải Nam. Nhiều tấm bản đồ khác của chính Trung Quốc vào các đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh đến Trung Hoa Dân quốc trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XX đều thống nhất với cương giới ấy. Vậy Thất Châu Dương ở phía đông đảo Hải Nam làm sao có cánh mà bay ra ngoài, để thành vùng biển quần đảo Tây Sa ngày nay?

Họ còn cho rằng vài cuốn địa phương chí các đời Minh, Thanh như "*Quảng Đông thông chí*", "*Quỳnh Châu phủ chí*", "*Vạn Châu chí*" có nêu: "Vạn Châu có Thiên lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường" để minh chứng "lúc ấy quần đảo Tây Sa và Nam Sa là thuộc Vạn Châu, phủ Quỳnh Châu, tỉnh Quảng Đông". Song, trong bộ sách địa lý chính thức được nhiều người biết là "*Đại Thanh nhất thống chí*" do Quốc sử quán nhà Thanh biên soạn, có lời tựa của vua Tuyên Thống lại không có chỗ nào ghi "Thiên lý Trường Sa", "Vạn lý Trường Sa" thuộc địa hạt Vạn Châu phủ Quỳnh Châu, tỉnh Quảng Đông cả. Hẳn thế, nên họ né tránh đã lờ đi cả một cuốn sách chính thống, vào loại tư liệu quốc gia ấy.

Họ còn cho rằng: Hoàng Sa của Việt Nam không phải là "Tây Sa" của Trung Quốc, Trường Sa của Việt Nam không phải là "Nam Sa" của Trung Quốc. Hai quần đảo của Việt Nam ấy chỉ có thể là "... những đảo và bãi cát ven biển miền Trung Việt Nam". Song, như thế tức là họ vừa phải thừa nhận có các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam; vừa nguy hiểm: cũng có quần đảo Tây Sa và Nam Sa của Trung Quốc. Vậy: *Tây Sa* và *Nam Sa* là gì? Ở nơi đâu?

Sự thực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ rất lâu,

khi Trung Quốc chưa biết hoặc chưa để ý tới thì chúng đã thuộc lãnh thổ Việt Nam rồi. Chúng được in, chép trên nhiều thư tịch cổ Việt Nam và vẽ trên nhiều bản đồ Việt Nam (rõ nhất là ở các Châu bản Triều Nguyễn) và phương Tây (với các tên Paracels và Spratley hoặc Spratly) mà họ nhận lầm là của Trung Quốc, rồi đặt cho chúng những tên “Tây Sa”, “Nam Sa”. Sách “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn đã nêu rất rõ đảo Đại Trường Sa ở phía ngoài cù lao Ré đi 3 ngày đêm mới đến. Bản “*Đại Nam nhất thống toàn đồ*” cũng hẳn rõ nét vẽ “Hoàng Sa”, “Vạn lý Trường Sa” ở ngoài các đảo ven biển Việt Nam như cù lao Ré, cù lao Chàm, cù lao Xanh, cù lao Thu... chứ đâu có phải chỉ là “*những đảo và bãi cát ven biển miền Trung Việt Nam*”? Năm 1838, Giám mục Taberd đã in tấm “*An Nam Đại quốc họa đồ*” trong cuốn *Từ điển La tinh - Việt Nam*. Trong bản đồ đó, bên ngoài các đảo chính ở ven biển miền Trung Việt Nam như cù lao Chàm, cù lao Ré, cù lao Xanh, cù lao Thu, Hòn Tre... đã ghi rất rõ “Paracel hay cát vàng” (Paracel xen cát vàng). Còn nhiều bản đồ khác của các nhà hàng hải phương Tây ở các thế kỷ XVI, XVII, XVIII cũng vẽ *Pracel* hay *Parcel* đều ở khu vực các quần đảo *Parcels* và *Spratly* ngày nay, ở bên ngoài các đảo ven biển miền Trung Việt Nam. Những thư tịch, đồ bản đó là sự thực không thể chối cãi. Năm 1959, 82 ngư dân nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đi 3 chiếc thuyền đồ bộ trái phép lên 3 đảo của Hoàng Sa (Paracels) là Quang Hòa, Hữu Nhật, Duy Mộng đã bị Quân đội Việt Nam cộng hòa bắt giữ. Bộ Ngoại giao Trung Quốc ngày 29/2/1959 đã ra tuyên bố “phản đối” nhà cầm quyền Sài Gòn. Các ngư dân nước họ nói trong bản tuyên bố ấy rõ ràng bị bắt đâu phải ở những đảo ven biển miền Trung mà chính là ở 3 đảo trong quần đảo Hoàng Sa của nước ta. Ngày 19/1/1974 nhà cầm quyền Sài Gòn đã tố cáo các lực

lượng võ trang Trung Quốc đánh chiếm bất hợp pháp quần đảo Hoàng Sa và Bộ Ngoại giao Trung Quốc ra tuyên bố ngày 20/1/1974, đã biện hộ cho hành động xâm lược đó của họ. Cuộc xung đột ấy với sự hy sinh anh dũng của 74 chiến binh Việt Nam cộng hoà đã xảy ra trên quần đảo Hoàng Sa mà họ gọi là Tây Sa, chứ đâu phải là ở trên các đảo ven biển Trung Bộ Việt Nam? Sau sự thật lịch sử đó, cho đến nay, họ vẫn ngang nhiên chiếm đóng Paracels, tức xâm lược Hoàng Sa, ở phía đông các đảo ven biển nước ta.

Rõ ràng, Hoàng Sa và Trường Sa từ xưa đến nay chưa bao giờ là của Trung Quốc. Đó chính là máu thịt của Việt Nam. Hai quần đảo ấy nhất quyết không phải vì cái tên áp đặt "*Trung Quốc hóa*" để trở thành lãnh thổ của họ và hòng lấp liếm, hoặc bằng cách thay đổi vị trí địa lý theo sự dàn dựng của nước lớn.

Cái mơ hồ nhất của phía Trung Quốc là từ trước đến nay họ chưa bao giờ có được bằng chứng để nói một cách đàng hoàng rằng: Nhà nước Trung Quốc đã từng bước thực hiện và xác lập chủ quyền chính đáng của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Trong khi đó, chúng ta có đầy đủ chứng cứ lịch sử, pháp lý để khẳng định rằng: "Nhà nước Việt Nam qua nhiều thời đại đã liên tiếp thực hiện và tỏ rõ chủ quyền chính đáng của mình đối với hai quần đảo ấy".

Sau đây là những minh chứng:

Từ rất lâu, Nhà nước Việt Nam qua các thời đại đã liên tục chiếm hữu và thực hiện đầy đủ chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đến thế kỷ XVII, hai quần đảo ấy đã được xác định rất rõ trên bản đồ lãnh thổ Việt Nam.

Với *tâm mắt Việt Nam*: Hàng loạt sách địa lý và bản đồ cổ của Việt Nam đã ghi rõ: Hoàng Sa, Vạn lý Trường Sa, hoặc Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa, Bãi Cát vàng từ lâu đã là lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam. Trong *"Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư"*, tập bản đồ Việt Nam do Đỗ Bá soạn vẽ vào thế kỷ XVII ghi rõ ràng trong lời chú giải bản đồ vùng phủ Quảng Nghĩa, xứ Quảng Nam như sau: "Giữa biển có một bãi cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng", "... họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến lấy hóa vật, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn". Trong *"Giáp Ngọ bình Nam đồ"*, bản đồ xứ Đàng Trong do Đoàn quận công Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774, khi ông làm Đốc suất Bình Nam Đại tướng quân theo lệnh Chúa Trịnh Sâm đi đánh Đàng Trong thì Bãi Cát vàng cũng được vẽ là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam. *"Phủ biên tạp lục"*, cuốn sách do nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) đích thân soạn trong thời gian ông được triều Lê - Trịnh bổ nhiệm vào trấn trị tại phía Nam đã ghi: đảo Đại Trường Sa (tức Hoàng Sa và Trường Sa) thuộc phủ Quảng Ngãi: "Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa, ở ngoài cửa biển có núi gọi là cù lao Ré, rộng hơn 30 dặm, có phường Tứ Chính, dân cư trồng đậu, ra biển bốn canh thì đến, phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa. Trước kia có nhiều hải vật và hóa vật của tàu biển, lập đội Hoàng Sa để lấy, đi ba ngày đêm mới đến, là chỗ gần xứ Bắc Hải". *"Đại Nam nhất thống toàn đồ"*, bản đồ nước ta vẽ vào thời Minh Mạng (năm 1834) có ghi "Hoàng Sa" - "Vạn Lý Trường Sa" thuộc lãnh thổ Việt Nam. Cuốn *"Đại Nam nhất thống chí"* do Quốc sử quán nhà Nguyễn soạn xong năm 1882 đã ghi rõ: Hoàng Sa là bộ phận lãnh thổ Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Nghĩa. Đoạn viết về hình thể tỉnh này là: "Phía Đông có đảo cát - đảo Hoàng Sa -

liền với biển làm hào; phía Tây là miền sơn man, có lũy dài vững vàng; phía Nam liền với tỉnh Bình Định, có đèo Bến Đá chặn ngang; phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam có ghềnh Sa Thổ làm giới hạn”.

Tâm mắt Việt Nam đó đã gặp *tâm mắt phương Tây*: nhiều nhà hàng hải, giáo sỹ phương Tây mấy trăm năm trước đều thừa nhận Hoàng Sa (Pracel hay Paracel) thuộc lãnh thổ Việt Nam. Một vị giáo sỹ phương Tây vào năm 1701 đi trên tàu Amphitrite từ Pháp sang Trung Quốc đã viết thư trong đó có dòng: “Paracel là một quần đảo thuộc vương quốc An Nam”. Năm 1820, cuối đời vua Gia Long, cố vấn của vua, ông J.B Chaigneau đã ghi trong phần chú bổ sung vào cuốn *Hồi ký về nước Cochinchine*: “Nước Cochinchine mà nhà vua bấy giờ đã lên ngôi hoàng đế gồm xứ Cochinchine và xứ Đông Kinh.. một vài đảo có dân cư không xa bờ biển và quần đảo Paracel do những đảo nhỏ, ghềnh và đá không có dân cư hợp thành..”. Danh từ Cochinchine (tiếng Pháp) hoặc Cochinchina (tiếng Anh) trích dẫn ở đây là chỉ chung nước ta thời ấy hoặc chỉ xứ Đàng Trong bấy giờ. Còn xứ Đông Kinh là Đàng Ngoài (Le Ton Kin) khu vực các chúa Trịnh thống trị dưới danh nghĩa vua Lê. Giám mục J.L.Taberd trong bài “ghi chép về địa lý nước Cochinchine” xuất bản năm 1837 đã tả lại: “Pracel hay Paracels” là phần lãnh thổ nước Cochinchine và nói rõ người Cochinchine gọi Pracel hay Paracels là “cát vàng” (Paracel/ xen Cát Vàng) ở bên ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam, thuộc khu vực quần đảo Hoàng Sa thời nay. Trong bài *Địa lý vương quốc Cochinchina* của Gutzlaft xuất bản năm 1849 có đoạn chỉ rõ Paracels thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên theo cách gọi của người nước ta thuở ấy là “Kát Vàng”.

Còn *tâm mắt Trung Quốc*, trước thời kỳ của nhà cầm quyền Trung Quốc hiện đại, chưa có một văn kiện nào hay

một tấm bản đồ nào của tổ tiên họ nói đến Hoàng Sa, Trường Sa (hay Tây Sa, Nam Sa) là của Trung Quốc. Vào năm 1890, tàu Himeji của Nhật Bản bị tai nạn chìm ở Hoàng Sa; vào năm 1895 tàu Bellona của Đức va vào đá ngầm cũng bị đắm tại Hoàng Sa. Chủ của hai con tàu Nhật và Đức gặp nạn, bản cùng họ đều đã đánh tín hiệu cho nhà chức trách ở Hải Nam (vùng đảo nằm trong cương giới của nhà Thanh Trung Quốc quản lý). Nhưng chính quyền ở Nam Hải đã làm ngơ, vì họ cho rằng họ không có trách nhiệm với nơi ở ngoài hải phận của họ. Với hai vụ việc đó, Chính phủ nước Anh đã gửi công hàm phản đối, nhưng nhà Thanh (Trung Quốc) đã tuyên bố chính thức rằng quần đảo này (Hoàng Sa) không thuộc về Trung Quốc.

Trên cơ sở nhận thức ấy, với tư cách của người làm chủ, trong mấy trăm năm, nhà nước phong kiến Việt Nam đã liên tiếp tiến hành điều tra khảo sát địa hình, tài nguyên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhiều tài liệu thư tịch Việt Nam đã ghi lại sự thực ấy. Ở toàn tập *"Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư"* đã nêu: "Giữa biển có một bãi cát dài, gọi là bãi cát vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển từ cửa Đại Chiêm (nay là cửa Đại, thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng - tác giả bài này chú) đến cửa Sa Vinh; mỗi lần có gió Tây Nam thì thương thuyền các nước đi ở phía trong trôi dạt vào đây, có gió Đông Bắc thì thương thuyền đi ở phía ngoài cũng trôi dạt vào đấy, đều cùng chết đói hết cả, hàng hóa thì đều để lại ở nơi đó".

Ở các bộ sách từ đời Lê đến đời Nguyễn cũng chỉ rõ sự thật như: *"Phủ biên tạp lục"* của Lê Quý Đôn ghi: "Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa ở gần biển, ngoài biển về phía Đông Bắc, có nhiều cù lao, các núi linh tinh hơn 130 hòn cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày hoặc vài canh thì đến. Trên núi có chỗ có nước

ngọt. Trong đảo có bãi cát vàng, dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng, rộng lớn, nước trong suốt tới đáy. Trên đảo có vô số tổ yến, các thứ chim có hàng ngàn hàng vạn, thấy người thì đậu vòng quanh không tránh, trên bãi vật lạ rất nhiều. Ốc hoa thì có ốc tai voi, to như chiếc chiếu, bụng có hạt to bằng đầu ngón tay, sắc đục không như ngọc trai, cái vỏ có thể đeo làm tấm bài được, lại có thể nung vôi xây nhà, có ốc xà cừ dễ khảm đồ dùng; lại có ốc hương. Các thứ ốc đều có thể muối và nấu ăn được”. “*Đại Nam thực lục tiền biên*” (do Quốc sử quán nhà Nguyễn soạn) có ghi: “Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa, ở ngoài biển, có hơn 130 bãi cát, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn lý Hoàng Sa. Trên bãi có giếng nước ngọt. Sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vích...”. “*Đại Nam nhất thống chí*” ghi: “Đảo Hoàng Sa phía Đông cù lao Ré huyện Bình Sơn. Từ bờ biển Sa Kỳ ra khơi thuận gió, ba bốn ngày đêm có thể đến. Ở đó có đến hơn một trăm ba mươi đảo nhỏ, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh. Trong đảo có bãi cát vàng, liên tiếp kéo dài không biết mấy ngàn dặm tục gọi là Vạn lý Trường Sa. Trên bãi có giếng nước ngọt, chim biển tụ tập không biết cơ man nào. Sản xuất nhiều hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vích... Họa vật của các tàu thuyền bị nạn bão trôi giạt ở đây”. “*Đại Nam thực lục chính biên*” (cũng do Quốc sử quán nhà Nguyễn soạn) ghi về việc: Sau khi hoàn thành việc đo đạc, vẽ bản đồ Hoàng Sa trở về, Đội trưởng giám thành Trương Phúc Sĩ đã tâu với vua Minh Mạng rằng Hoàng Sa “là những bãi cát giữa biển, man mác không bờ bến”.

Các tác phẩm lịch sử, địa lý nổi tiếng đời Nguyễn, như: “*Lịch triều hiến chương loại chí*”, “*Hoàng Việt địa dư chí*”, “*Việt sử cương giám khảo lược*”... đều cũng tả lại Hoàng Sa có nét tương tự như thế.

Vì những lợi ích và những đặc điểm như thế, nên các nhà nước phong kiến nước ta từ rất lâu đã tổ chức quản lý và khai thác liên tục hai quần đảo ấy với tư cách chủ thể có đầy đủ chủ quyền và quyền chủ quyền của một quốc gia ở đó. Ở *"Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư"* đã cho thấy: "Họ Nguyễn, mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến (Bãi Cát Vàng) lấy hóa vật, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn".

"Phủ biên tạp lục" cũng cho thấy: "Trước, họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cất phiên mỗi năm cứ tháng Ba nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền tiểu câu (loại thuyền của ngư dân nước ta dùng đánh cá ngoài khơi - tác giả chú) ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến các đảo ấy rồi ở lại đó. Tha hồ kiếm lượm, bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu, như gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ dùng, thiếc khối, chì đen, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên cùng là kiếm, lượm mai đồi mồi, mai hải ba, hải sâm, hột ốc hoa, rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp. Cân và định hạng xong mới cho đem bán riêng các thứ ốc hoa, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về"; "... Họ Nguyễn đặt đội Bắc Hải không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận, hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần dò, cho đi thuyền tiểu câu ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm hóa vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản". Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* làm rõ thêm: "Hồi đầu dựng nước, đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hàng năm đến tháng 3 đi thuyền ra biển, độ 3 ngày đêm thì đến, thu lượm hóa vật đến tháng 8 trở về

nộp. Lại có đội Bắc Hải mộ dân ở phường Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh đi thuyền ra các vùng Bắc Hải, Côn Lôn thu lượm hóa vật. Đội này cũng do đội Hoàng Sa kiêm quản”.

Thời Tây Sơn, có tờ sai đề vào năm 1786 của quan Thượng tướng công ghi việc: “Sai Hội Đức hầu đội Hoàng Sa dẫn 4 chiếc thuyền câu vượt biển đến thẳng Hoàng Sa và các cù lao trên biển thu lượm đồ vàng bạc, đồ đồng và đại bác, tiểu bác (loại pháo cỡ nhỏ - tác giả chú), đổi mỗi hải ba, cùng cá quý mang về kinh đô dâng nộp theo lệ”.

Sau khi tiêu diệt nhà Tây Sơn, lên nắm quyền (năm 1802) đến khi mất chủ quyền vào tay Pháp sau hòa ước Partner (1884) các vua nhà Nguyễn nối tiếp nhà Tây Sơn vẫn ra sức giữ vững và hơn nữa còn mở rộng chủ quyền của nước ta với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Sách “*Đại Nam thực lục chính biên*” ghi lại một số hành động của các vua nhà Nguyễn với hai quần đảo đó như sau:

Năm 1815, vua Gia Long “cử Phạm Quang Ảnh dẫn đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để khảo sát, đo đạc đường biển”.

Năm 1816, vua Gia Long “lệnh cho thủy quân cùng đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa tiếp tục làm những việc năm 1815”.

Năm 1833, vua Minh Mạng chỉ thị cho Bộ Công chuẩn bị thuyền để năm sau sẽ phái tới Hoàng Sa dựng miếu, lập bia, trồng nhiều cây cối.

Năm 1834, vua Minh Mạng cử Đội trưởng giám thành Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân 20 người ra Hoàng Sa vẽ bản đồ.

Năm 1835, vua Minh Mạng sai cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính và thợ giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định chuyên chở vật liệu đến Hoàng Sa dựng miếu. Bên trái miếu dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong.

Năm 1836, chuẩn y lời tâu của Bộ Công, vua Minh Mạng sai Suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền ra Hoàng Sa đo đạc, vẽ bản đồ. Sách *"Đại Nam thực lục chính biên"* ghi lại việc này cụ thể như: "Không cứ là đảo nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến cũng xem xét xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tận đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào đường đi tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ biển, đối thẳng là vào tỉnh, hạt nào, phương hướng nào, đối chênh lệch là tỉnh, hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm, nhất định nói rõ, đem về dâng trình"... , "... Năm Bính Thân (1836) này, Thủy quân Chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật vâng lệnh ra Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ". Lưu dấu tức là dùng những bài gỗ mang theo cắm xuống để đánh dấu chủ quyền.

Cao cả hơn nữa: Các vua triều Nguyễn không phải chỉ lo đến chủ quyền, lợi ích của nước mình ở Hoàng Sa, Trường Sa mà hơn nữa còn lo đảm bảo an toàn cho tàu thuyền các nước khác qua lại vùng biển nơi này. Năm 1833 Minh Mệnh dụ Bộ Công: "Trong hải phận Quảng Nghĩa, có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây thuyền buôn thường hay bị nạn. Nay, nên dự bị thuyền mạnh đến sang năm sẽ phái người tới đó... trông nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người ta dễ nhận biết, có thể tránh được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời".

Quả đây là ý thức và trách nhiệm của một vương triều đã thật sự làm chủ hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đối với sự an toàn của hàng hải quốc tế trong khu vực này. Qua

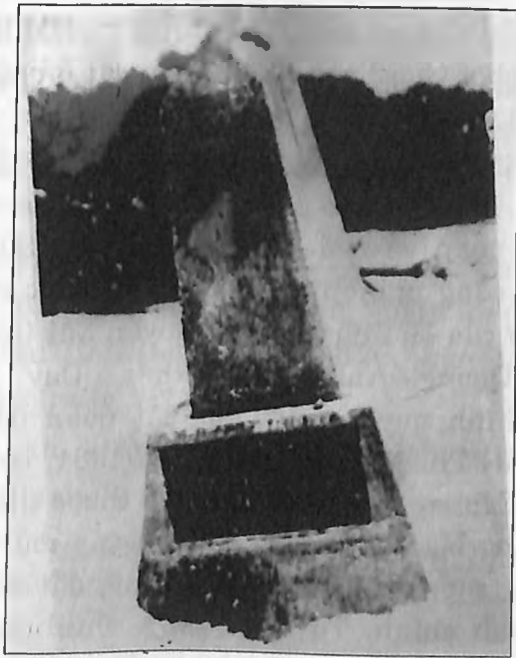
thời gian dài mấy trăm năm ấy, việc làm chủ, chiếm hữu, khai thác như vậy của chính quyền phong kiến nước ta không bao giờ gặp phải sự phản đối của bất cứ một quốc gia nào trên thế giới, kể cả Trung Hoa. Vì vậy, càng khẳng định: hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ rất lâu đã được quốc tế (kể cả Trung Hoa) mặc nhiên thừa nhận và thực sự là lãnh thổ không thể phủ nhận của nước Việt Nam.

Sau khi triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước Patonốt 6/6/1884, Pháp đại diện cho quyền lợi của Việt Nam, tiếp tục thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, thể hiện ở những sự kiện lịch sử không thể xóa nhòa sau đây:

Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đề nghị Paris xây tại đảo Hoàng Sa (Pattle) trong quần đảo Hoàng Sa một cây đèn biển để hướng dẫn các tàu biển qua lại vùng này, song kế hoạch không thành vì thiếu ngân sách. Năm 1920 trở đi các tàu hải quân Đông Dương tăng cường tuần tiễu ở vùng Hoàng Sa để ngăn chặn buôn lậu. Từ năm 1925, Viện Hải dương học Nha Trang cử tàu De Lanessan ra khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về hải dương học... Nhiều nhà khoa học Pháp nghiên cứu về địa chất, về sinh học... (cũng trong năm 1925), ngày 3/3, Thượng thư Bộ Binh triều đình Huế Thân Trọng Huề khẳng định dứt khoát Hoàng Sa là lãnh thổ Việt Nam. Năm 1927, tàu De Lanessan ra khảo sát khoa học quần đảo Trường Sa. Năm 1929, phái đoàn Perrier - De Rouville đề nghị đặt 4 cây đèn biển ở 4 góc của quần đảo Hoàng Sa (bãi Bom Bay, đảo Tri Tôn, đảo Linh Côn, đảo Đá Bắc). Năm 1930, tàu thông báo La Malicieuse tới quần đảo Hoàng Sa. Vào các thời điểm: 3/1931, 6/1931, 5/1932 đều có tàu hoặc pháo hạm Pháp ra quần đảo Hoàng Sa. Từ 13/4/1930 đến 12/4/1933 Chính phủ Pháp đã cử các đơn vị hải

quân lần lượt ra đóng ở các đảo chính trong quần đảo Trường Sa. Ngày 21/12/1933, Thống đốc Nam Kỳ M.J. Krantheimer ký Nghị định sáp nhập các đảo trong quần đảo Trường Sa: An Bang, Itu Aba, nhóm Song Tử, Loại Ta Tu và Thị Tứ vào địa phận tỉnh Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai nước ta - theo tác giả). Năm 1937, chính phủ Pháp cử kỹ sư công chính Gauthier ra quần đảo Hoàng Sa nghiên cứu chỗ xây dựng đèn biển, lập bãi thủy phi cơ. Tháng 3/1937, tuần dương hạm Lamotte Piquet do Phó đô đốc Istava chỉ huy thăm quần đảo Hoàng Sa. Ngày 30/3/1938, vua Bảo Đại ra sắc dụ tách quần đảo Hoàng Sa khỏi địa hạt tỉnh Nam Nghĩa, đặt vào tỉnh Thừa Thiên đều trong cương giới nước ta. Ngày 15/6/1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie ký Nghị định thành lập một đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên. Năm 1938, Pháp đại diện cho Việt Nam dựng bia chủ quyền, xây dựng xong đèn biển, trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Hoàng Sa (I Le Pattle) trong quần đảo Hoàng Sa, xây dựng trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Itu Aba trong quần đảo Trường Sa. Ngày 5/5/1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie ký Nghị định sửa đổi Nghị định ngày 15/6/1938 nói trên và thành lập tại quần đảo Hoàng Sa hai cơ quan đại lý “Croissant và các đảo phụ thuộc”, “Amphitrite và các đảo phụ thuộc”.

Suốt thời gian đại diện cho Việt Nam về đối ngoại, nhà nước Pháp cầm quyền ở Đông Dương luôn luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và phản kháng những hành động xâm phạm chủ quyền Việt Nam tại các nơi đó, như ngày 4/12/1931 và ngày 24/4/1932, Pháp phản kháng chính phủ Trung Quốc về việc chính quyền Quảng Đông lúc ấy có ý định cho đầu thầu khai thác phần chìm trên quần đảo Hoàng Sa...



Bia chủ quyền trên đảo Hoàng Sa do người Pháp dựng năm 1938

Từ Chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay: Sau Chiến tranh thế giới thứ 2 nhà cầm quyền Pháp đã phái chiến hạm ra quần đảo Hoàng Sa, xây dựng lại trạm khí tượng trên đảo Hoàng Sa và chống các hành động lấn chiếm của Trung Quốc. Đặc biệt, ngày 14/10/1950 Chính phủ Pháp chính thức chuyển giao quyền quản lý hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cho chính quyền Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng. Ngày 7/9/1951, Trưởng đoàn đại biểu của Chính phủ Bảo Đại, ông Trần Văn Hữu tuyên bố tại Hội nghị San Francisco về việc ký Hòa ước với Nhật Bản rằng: Từ lâu quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam. Ông nói: "... và cũng cần phải dứt khoát lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa". Tuyên bố hùng hồn và trịnh trọng đó không hề gặp sự chống đối hoặc ý kiến bảo lưu nào của đại diện 51 quốc gia (kể cả Trung Quốc) tham dự Hội nghị.

Năm 1953, thống nhất với Chính phủ Bảo Đại, tàu Ingénieur en chef Giord của Pháp khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về địa chất, địa lý, hải dương và môi sinh.

Năm 1956, Hải quân của chính quyền Sài Gòn tiếp quản từ Chính phủ Bảo Đại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi Pháp rút quân về nước. Cũng năm này, Sở hầm mỏ, kỹ nghệ và tiểu công nghiệp miền Nam tổ chức cuộc khảo sát với sự bảo trợ của Hải quân chính quyền Sài Gòn trên 4 đảo: Hoàng Sa, Quang Ảnh, Hữu Nhật, Duy Mộng. Ngày 22/10/1956, chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy. Ngày 13/7/1961, chính quyền ấy đặt quần đảo Hoàng Sa, trước kia trực thuộc tỉnh Thừa Thiên vào tỉnh Quảng Nam và thành lập tại đây một xã lấy tên là xã Định Hải, trực thuộc quận Hòa Vang, đặt dưới quyền một phái viên hành chính. Từ năm 1961, chính quyền Sài Gòn lần lượt cho xây bia chủ quyền ở các đảo chính của quần đảo Trường Sa: Trường Sa, An Bang, Song Tử Tây, Song Tử Đông, Thị Tứ, Loại Ta. Ngày 21/10/1969, chính quyền Sài Gòn sáp nhập xã Định Hải vào xã Hòa Long cũng thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Tháng 7/1973 Viện khảo cứu nông nghiệp thuộc Bộ Phát triển nông nghiệp và điền địa Sài Gòn tiến hành khảo sát đảo Nam Ai (Nam Yit) thuộc quần đảo Trường Sa. Tháng 8/1973 với sự hợp tác của công ty Nhật Maruben Corporation, Bộ Kế hoạch và phát triển quốc gia Sài Gòn tiến hành khảo sát phốt phát ở quần đảo Hoàng Sa. Ngày 6/9/1973 chính quyền Sài Gòn sáp nhập các đảo của Trường Sa: Itu Aba, An Bang, Song Tử Tây, Song Tử Đông, Loại Ta, Thị Tứ, Sinh Tồn, Nam Ai và các đảo phụ cận vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Đáng chú ý là: Vì có ý thức sâu sắc về chủ quyền từ lâu đời của nước ta đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, nên Chính phủ Việt Nam cộng hòa đã quyết tâm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng ấy mỗi khi ngoại bang có ý đồ tranh giành hay lấn chiếm bất cứ đảo nào trong hai quần đảo ấy:

Ngày 16/6/1956, khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Đài Loan và Cộng hòa Philippines đều nhận quần đảo Trường Sa là của họ, Bộ Ngoại giao Việt Nam cộng hòa lại ra tuyên bố để một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam với Trường Sa;

Ngày 20/4/1971, đáp lại đòi hỏi về chủ quyền của Malaysia đối với một số đảo trong quần đảo Trường Sa, Chính quyền Sài Gòn lại ra tuyên bố khẳng định quần đảo này thuộc về lãnh thổ Việt Nam;

Năm 1974, khi lực lượng quân sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chiếm đóng trái phép nhóm đảo tây nam của quần đảo Hoàng Sa, Chính quyền Sài Gòn (ngày 19/1/1974) ra tuyên bố lên án Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam;

Ngày 28/6/1974 Chính quyền Sài Gòn một lần nữa lại tuyên bố tại khóa họp thứ nhất Hội nghị luật biển lần thứ 3 ở Caracas rằng, *các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam...*

Sau khi giang sơn thu về một mối, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nhiều lần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điều đó thể hiện rõ trong các công hàm gửi các nước có liên quan, trong các tuyên bố của Bộ Ngoại giao, hoặc được khẳng định tại các Hội nghị của Tổ chức khí tượng thế giới ở Genève (6/1980)..., hay trong cuộc đàm phán cấp Thứ trưởng ngoại giao ở Bắc Kinh (bắt đầu từ tháng 10/1977).

Từ những cứ liệu, luận chứng trên, chúng ta có thể rút ra kết luận bốn điểm như sau:

1. Từ rất lâu, các nhà nước phong kiến Việt Nam đã thật sự chiếm hữu và thực thi chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, khi mà các quần đảo đó chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào. Trong suốt quá trình chiếm hữu lâu dài

đó, các nhà nước phong kiến Trung Quốc cũng như tất cả mọi quốc gia trong khu vực đều không có bất cứ ý kiến nào phản đối, tức là họ mặc nhiên thừa nhận hai quần đảo đó là của Việt Nam.

2. Từ các triều đại phong kiến xa xưa tới bây giờ, suốt mấy trăm năm, các nhà nước Việt Nam (kể cả nhà nước Thực dân bảo hộ Pháp đại diện cho nước ta) đều đã tỏ rõ, đã thực hiện đầy đủ và liên tục chủ quyền của mình đối với các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

3. Cũng từ đó đến nay, các nhà nước Việt Nam không ngừng dồn sức lực, cả máu xương để bảo vệ một cách kiên quyết chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa và Trường Sa; kiên quyết phản đối mọi âm mưu và hành động của ngoại bang xâm phạm tới sự toàn vẹn lãnh thổ của nước ta đối với hai quần đảo đó.

4. Đặc biệt, cho tới nay chúng ta đã có đầy đủ mọi chứng lý để khẳng định rằng: *Với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa không thể và không bao giờ được dùng từ “tranh chấp”*. Các quần đảo đó là “máu thịt Việt Nam”, chưa bao giờ thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Kẻ nào lấn chiếm, động đến chủ quyền là xâm lược. Những luận chứng của họ đưa ra không đủ sức thuyết phục và hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Vì vậy nếu đa phương công khai đưa ra Tòa án quốc tế xét xử và xử công bằng thì chắc chắn Trung Quốc sẽ thất bại hoàn toàn. Và đó là giải pháp tốt nhất để nước ta giữ vững quốc thể, lấy lại uy tín trên trường quốc tế, tạo niềm tin cho toàn dân tộc.

BẢN ĐỒ TRUNG QUỐC 1904 KHÔNG CÓ HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

TS. Mai Hồng

I. Giá trị khoa học, lịch sử và pháp lý của bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*”*

Bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” do nhà Thanh Trung Quốc công bố năm 1904. Theo *Lời dẫn*, chúng ta hiểu rõ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” là một công trình khoa học có giá trị khoa học, lịch sử và pháp lý rất cao, do các hoàng đế nhà Thanh trực tiếp huy động lực lượng giáo sĩ phương Tây, những người tài giỏi tinh thông về thiên văn địa lý và toán pháp, thực chất là những học giả có trình độ học vấn cao đi điều tra điền dã, sưu tầm tài liệu để tạo tác nên tấm bản đồ này.

Công trình “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” này được thừa hưởng kho tư liệu địa dư rất lớn chất chứa hơn 10 thế kỷ suốt từ thời Tần sang Hán với câu chuyện “Tiêu Hà”⁽¹⁾ thu lượm được đồ tịch⁽²⁾ của nhà Tần, mà nhà Hán có cái đại quát về địa dư. Tiếp qua thời nhà Tùy, nhà Đường, sang tới các nhà Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Nhưng các tư liệu địa dư thời cổ còn thô sơ, với nhiều khiếm khuyết: đất đai hỗn tạp, thiết kế dư đồ không chia tỷ lệ, chưa khảo chính theo mực thước

* Trả lời phỏng vấn báo chí (câu thứ 4, tr.33).

⁽¹⁾ Tiêu Hà người đất Bái, giúp Cao Tổ nhà Hán định thiên hạ. Cao Tổ vào đất Quan Trung, một mình Tiêu Hà thu lượm Đồ tịch của nhà Tần. Lúc Cao Tổ làm vua nhà Hán, Tiêu Hà làm Thừa tướng. Khi Cao Tổ đánh nhau với Hạng Vũ, Tiêu Hà thường giữ đất Quan Trung chuyển vận quân lương. Lúc bình xong thiên hạ, tính công Tiêu Hà liệt vào hạng nhất được phong tước Toàn hầu.

⁽²⁾ Đồ tịch (Tuân Vũ): Đồ tịch bất tri kì nghĩa (chú) Đồ là sơ đồ mô tả về hình thế đất đai; Tịch là sách (sổ) chép Hộ khẩu – Sổ hộ khẩu.

chuẩn, không đặc dụng nhiều cho việc trắc địa thẩm hình của người tạo tác bản đồ đời sau.

Vậy nên, vua Khang Hy đã phải huy động các giáo sĩ⁽³⁾: Bạch Tấn, Lôi Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ, Phan Như, Mạch Đại Thành, Thang Thượng Hiền, Phùng Bình Chính, Đức Mã Nặc, Phí Ẩn... đi về các địa phương khắp 13 tỉnh đo đạc đất đai, sưu tầm tài liệu địa dư để tạo tác bản đồ. Sau hơn một năm, các giáo sĩ đều được triệu tập về Kinh đô để báo cáo kết quả điền dã, phác họa bản đồ. Hơn hai năm sau *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”* được định hình với 15 tỉnh theo dạng nguyên cỏ, tấu trình dâng vua ngự lãm. Vua vui vẻ tuyên dương các nhà khoa học trong nghi lễ hết sức trọng thể. Từ đấy các giáo sĩ phương Tây và các nhân sĩ Trung Hoa lại tiếp tục sưu tầm, khảo cứu các tài liệu địa dư của Trung Quốc, để gia cố, bồi tập vào nguyên cỏ của các giáo sĩ đã khắc họa những năm trước đây.

Trước khi sai phái các giáo sĩ đi điều tra điền dã, vua Khang Hy sai các giáo sĩ làm hai công đoạn cho *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”*.

Một là, vào năm Khang Hy 47 (1708) nhà vua cử 3 giáo sĩ: Bạch Tấn, Lôi Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ vẽ *Vạn lý thành đồ* (thành quách khắp đất nước Trung Quốc). Hơn một năm công việc hoàn thành.

⁽³⁾ Các giáo sĩ trực tiếp tham gia vẽ tám bản đồ *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”*:

1. Bạch Tấn (白 晉) - Joachim Bouvet (1656-1730), người Pháp
2. Lôi Hiếu Tư (雷 孝 思) - Jean Baptiste Regis (1663-1738), người Pháp.
3. Đỗ Đức Mỹ (杜 德 美) - Petrus Pierre Jartoux (1668-1720), người Pháp.
4. Phan Như (潘 如) - Fabre Boujour (1670-1714), người Pháp.
5. Mạch Đại Thành (麥 大 成) - Cardoso (1677-1723), người Bồ Đào Nha.
6. Thang Thượng Hiền (湯 尚 賢) - De, Tarter (1669-1714), người Pháp.
7. Phùng Bình Chính (馮 秉 正) - De Maillac (1669-1748) người Pháp
8. Đức Mã Nặc (德 瑪 諾) - Hinderer (1668-1744), người Pháp.
9. Phí Ẩn (費 隱) - Xavier Fridelli (1673-1743), người Áo.

Hai là, nhà vua sai bốn giáo sĩ: Phan Như, Lôi Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ và Mạch Đại Thành vẽ bản đồ Mông Cổ (Nội Mông) và Mãn Châu với (bản đồ) của hai tỉnh Trục Lệ và Sơn Đông.

Tới đây chúng ta thấy rõ, "*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*" là một công trình khoa học lớn, từ việc điều tra điền dã, sưu tầm sử dụng tư liệu địa dư lịch sử đến việc họa vẽ, tạc biên, tạc bổ tám bản đồ trong thời gian kéo dài gần hai thế kỷ, đều do các giáo sĩ phương Tây thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các Hoàng đế Trung Hoa. Khởi đầu từ năm 47 (1708) đời vua Khang Hy qua các đời vua Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh, Đạo Quang cho tới mùa xuân năm Quang Tự Giáp Thìn (1904) đời vua Thanh Đức Tông, lịch trình 196 năm, tám bản đồ toàn vẹn địa dư lãnh thổ đến tỉnh của triều đình nhà Thanh được ấn hành dựa trên nền kỹ thuật in ấn hiện đại của phương Tây, có phân định mốc giới đông-tây-nam-bắc mà ranh giới cực Nam của Trung Quốc chỉ tới đảo Hải Nam. Với cái tên rành mạch: "*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*" mang tính chất pháp lý rất cao của Nhà nước đã nói rõ rằng, lãnh thổ quốc gia Trung Quốc từ trước cho tới thời điểm năm 1904, biên giới cực Nam chỉ tới đảo Hải Nam, không có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời chính là sự khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ của Việt Nam.

Cùng với mấy lời kết ngữ của tác giả bài dẫn, để tỏ trách nhiệm của vị Chủ biên Đài thiên văn Trung Quốc ở Xà Sơn, người đọc duyệt cuối cùng là ông Sái Thượng Chất⁽⁴⁾ rằng: Tám

⁽⁴⁾ Sái Thượng Chất (蔡尚質) (1852-1930), nguyên tên là Stanislaus Chevalier, hiệu là Tư Đạt, linh mục Thiên chúa giáo, nhà thiên văn học Pháp.

Năm Quang Tự thứ 9 (1883) đời Thanh, ông đến Thượng Hải, làm việc tại Đài thiên văn Từ Gia Hối, tính toán và phụ trách khâu (bộ phận) báo giờ chuẩn. Ông đã dùng 2 năm để trắc định kinh vĩ độ của 50 thành phố ven sông Trường Giang, đồng thời biên soạn xuất bản sách *Dương Tử giang thượng du địa đồ tập* (Tập địa đồ thượng du sông Dương Tử) nhằm phục vụ thuyền bè đi lại.

bản đồ này rất hoành tráng, rất cẩn trọng, nên rất mỹ mãn và rất hài lòng: “Ta không do dự về kiến văn thô lậu nông cạn của mình để mô tả bức họa đồ này, lại không dám tự khoe rằng chỉ một mình ta có nhiều công hơn các tiền nhân. Duy về cương vực của các thôn ấp, quận, huyện ở các tỉnh trong mấy trăm năm đã có thay đổi đôi chút, cho nên xem chỗ nào thiếu thì bổ sung cho đủ, chỗ nào nhầm lẫn thì đính chính sửa sang, nhằm làm bớt sai suyn và làm cho sáng sửa hơn lên, để nay nhìn vào thấy rõ ràng như nhìn vào lòng bàn tay, tại các cửa biển ở các miền duyên hải đều phỏng họa theo các đường thủy tàu thuyền lên xuống ra khơi vào cảng. Tự hỏi nếu mắc một lỗi thì không biết lấy gì bù đắp làm thỏa mãn cho cách nhìn (pháp nhãn) của vạn con mắt người đời”.

(Trả lời phỏng vấn báo chí ngày 15-8-2012, tại Hà Nội)

Năm Quang Tự thứ 25, ông phụ trách trụ bị xây dựng Đài thiên văn Xà Sơn và lần đầu tiên giữ chức đài trưởng đài này. Dưới sự chủ trì của ông, đài đã lắp đặt kính viễn vọng lớn nhất châu Á lúc bấy giờ, đồng thời triển khai quan trắc và chụp ảnh các đề tài về lỗ đen mặt trời, tai lửa mặt trời dài sáng và đã thu được nhiều thành quả.

Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910) đời Thanh, khi sao chổi Halây quay về, ông đã triển khai quan trắc định vị theo sát và đã chụp được bức ảnh quý giá. Về sau ông phụ trách Đài thiên văn Từ Gia Hối giữ chức đài trưởng lần thứ hai.

Năm Dân quốc thứ 14 (1925), khi liên trắc kinh độ quốc tế lần thứ nhất, ông phụ trách công tác của cơ sở Thượng Hải, một trong ba cơ sở lớn về kinh độ của thế giới. Ông cùng với những người khác hợp tác hoàn thành bảng đối chiếu tên sao giữa Trung Quốc và phương Tây. Đó là bộ bảng sao Trung Quốc biên soạn bằng hình thức hiện đại đầu tiên. Tác phẩm của ông mang tựa đề *Xích đạo đối chiếu tương tình biểu* (Bảng sao đối chiếu tương ứng với Xích đạo) từng nhận được giải thưởng của Viện khoa học Pháp. (Mạng vương triều wangchao.net.cn).

II. Những câu hỏi dành cho người công bố tấm bản đồ *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”*

1. Cơ duyên nào mà ông có được tấm bản đồ này?

Từ ngày hiến tấm bản đồ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* của triều đình nhà Thanh Trung Quốc (ấn hành năm 1904) cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia thì các phóng viên báo chí (báo viết, báo mạng); các phương tiện thông tin: Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội... đã đặt cho tôi nhiều câu hỏi xoay quanh việc tấm bản đồ trên được công bố. Câu hỏi đầu tiên là điều kiện, hoàn cảnh, cơ hội, cơ may nào mà tôi có được tấm bản đồ này? Rồi chợt một phóng viên dùng từ “cơ duyên”, hỏi: “Cơ duyên nào mà ông có được tấm bản đồ này?”. Tôi liền nói như reo lên: “Đúng, đúng, là cơ duyên, cơ duyên...”. Ngẫm ra đúng là cơ duyên. Chả là vào những năm cuối thập kỷ 70 thế kỷ XX, tôi được Giáo sư Phạm Huy Thông và Giáo sư Nguyễn Đồng Chi giao làm Trưởng phòng Tư liệu thư viện để quản lý kho sách Hán Nôm cổ, có cả nhiệm vụ vừa bảo quản kho sách, vừa sưu tầm và bổ sung cho kho sách. Khi ấy thường có mấy cụ già ở huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây (cũ) chuyên đi sưu tầm tư liệu Hán Nôm trong dân gian về bán cho Viện Hán Nôm. Vào một ngày có một cụ ông chừng 75-76 tuổi râu dài tới gặp tôi. Cụ bảo: “Lão đi gần một tuần nay, chẳng kiếm được sách vở gì mà chỉ kiếm được tập sách này, cậu cứ xem đi”. Tôi mở ra xem qua thì biết đó là một tấm bản đồ cổ Trung Quốc, trên trán bản đồ có tám chữ Hán cổ tiêu đề viết theo thể chữ triện (khó đọc): *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”* và bài đề dẫn bằng văn ngôn (cổ văn) 500 chữ. Tôi ái ngại nghĩ cụ già vất vả nên mới ướm hỏi cụ muốn bán với giá bao nhiêu? Cụ đáp: “Nếu bán 100 đồng thì mới kiếm được một vài cân gạo”. Nghe cụ nói thế tôi không

chần chừ, liền mở túi lấy ra 100 đồng đưa cho cụ, rồi nhận lấy bản đồ bỏ vào cặp. Lương tháng của tôi ngày ấy mới chỉ có 70 đồng, 100 đồng là gần tháng rưỡi lương, ảnh hưởng lớn đến chi tiêu của gia đình. Chiều hôm ấy, sau giờ tan tầm, tôi đi một mạch từ cơ quan về nhà, cất ngay tấm bản đồ vào tủ tư liệu riêng, trước tiên là giấu “bà xã” *chỉ một mình mình biết một mình mình hay*, giữ gìn bí mật hơn 30 năm qua. Bởi công việc sự vụ lúc đó rất bận, thú thực tôi không quan tâm lắm, chỉ thảo lảo xem qua như xem một tờ báo mới, như một bức tranh lạ vậy thôi, rồi xếp vào đáy hòm sách.

2. Vậy sao tới bây giờ ông mới quyết định công bố tấm bản đồ “Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”?

Cuối tháng 4 đầu tháng 5 tôi thấy Trung Quốc gây áp lực căng thẳng cho hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vốn là lãnh thổ từ lâu đời của Việt Nam, trong khi *Hoàng đồ trực tỉnh địa dư toàn đồ* do triều Thanh ấn hành năm 1904 cũng đã xác nhận rằng lãnh thổ cực Nam của Trung Quốc chỉ tới đảo Hải Nam. Lãnh thổ quốc gia của đất nước ta bị ngoại bang ngang nhiên xâm phạm như thế khiến tôi vô cùng bức xúc. Đến tháng 5/2012, tôi gọi điện cho một anh bạn trong tình sư đệ của tôi tới, nhờ anh đem tấm bản đồ quý giá ấy hiến tặng cho Quốc gia, anh ấy mang tấm bản đồ đi chừng hơn hai tuần lễ, rồi anh mang trả lại và dặn thêm: “Thầy cứ yên tâm, chờ dịp”. Khoảng cuối tháng 6/2012, anh bạn trẻ của tôi đưa một nhóm phóng viên Báo mạng An ninh Thủ đô tới nhà và đầu tháng 7 (4/7/2012) có cuộc phỏng vấn giữa tôi với các phóng viên Báo mạng An ninh Thủ đô. Sáng 5/7 có cuộc phỏng vấn VTV1 của Đài truyền hình Việt Nam. Hai ngày 4 và 5 tháng 7 ấy đã thổi bùng lên cao trào của báo chí truyền thông đủ loại (phát thanh truyền hình, báo viết, báo mạng...) đồng loạt đưa tin về tấm bản đồ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*.

3. Ông có nguyện vọng gì sau khi hiến tặng tám bản đồ “Hoàng đồ trực tỉnh địa dư toàn đồ” cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia?

Từ lâu nhà nước Trung Quốc đã tuyên truyền xuyên tạc cho nhân dân họ rằng Biển Đông là của họ mà Việt Nam đã lấn chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Quân ủy Trung ương Trung Quốc ngang ngược quyết định thành lập Cơ quan chỉ huy quân sự trên quần đảo Trường Sa, bầu đại biểu cơ quan lập pháp phụ trách các đảo và vùng biển ở Biển Đông, đó là một hành động khiêu khích nghiêm trọng. Tám bản đồ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* do đích thân các Hoàng đế nhà Thanh huy động lực lượng các giáo sĩ phương Tây, họ là những học giả tài giỏi về thiên văn và toán pháp đi điều tra điền dã thực hiện và tám bản đồ đó được ấn hành năm 1904. Do vậy, tám bản đồ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* ngoài giá trị lịch sử, giá trị khoa học còn là cơ sở pháp lý rất cao giúp cho các học giả Việt Nam và Trung Quốc nghiên cứu, sau đó công bố rộng rãi cho nhân dân Việt Nam, nhân dân Trung Quốc và cả nhân loại hiểu rằng: Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là thuộc chủ quyền của Việt Nam, mà tổ tiên người Trung Quốc từ lâu đã khẳng định. Hiểu được ý nghĩa đó sẽ tránh được nạn can qua binh lửa, tránh làm tổn hại tới bao sinh linh của hai dân tộc Việt - Trung, đồng thời củng cố tình hữu nghị Việt - Trung ngày càng bền vững mà Bác Hồ và Bác Mao đã dày công vun đắp.

4. Xin ông cho biết về tính pháp lý và giá trị khoa học, lịch sử của tám bản đồ này? **

^{**} Nội dung trả lời phỏng vấn xem phần I (tr. 27).

III. Toàn văn lời đề dẫn gồm 500 chữ Hán cổ (văn ngôn) của vị giáo sĩ người Pháp - Chủ biện Đài thiên văn của Trung Quốc ở Xà Sơn Thượng Hải - Sái Thượng Chất 蔡尚質 (Stanislaus Chevalier)^{***}

Lời dẫn⁽⁵⁾: HOÀNG TRIỀU TRỰC TỈNH ĐỊA DƯ TOÀN ĐỒ
皇朝直省地輿全圖

Phiên âm:

Địa vực luận vị: “Tiêu Hà đắc Tần chi đồ tịch, Hán nhân nãi hữu quát địa dư. Địa dư tạp, đồ nhiên bất thiết phân suất, hựu bất khảo chính chuẩn vọng, hoặc xưng ngoại hoang vu dẫn chi ngôn, bất hợp sự thực. Quan thị tắc cổ thời diệc hữu địa dư đồ, nhi bất năng độ thế thẩm hình, lịch lịch bất sảng dã. Hậu thế chế đồ giả, đại bất chi nhân, nhi kinh vĩ bất minh, vị miễn thất hào mậu. Lý nhiên, tắc dục tri đại địa tinh vi, phi thông thiên văn, suy toán tam ngưng lượng đẳng học bất khả tố. Tự Trung Quốc thanh uy hất ư Tây Hải, Thiên chúa giáo sĩ: Lợi Mã Đậu, Thang Nhược Vọng, Nam Hoài Nhân chư công viễn thiệp trùng dương lai Hoa truyền đạo. Khang Hy tứ thập thất niên Mậu Tý, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế giản phái giáo sĩ: Bạch Tấn, Lôi Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ đẳng chế Vạn Lý Thành đồ, việt nhất niên nhi công thuyên.

Thượng hỷ phục hạ luân âm trú Phan Như, Lôi Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ, Mạch Đại Thành hoạ Mông Cổ, Mãn Châu ký Trục Lệ, Sơn Đông nhĩ tỉnh đồ.

Ngũ thập niên Tân Mão, Thượng mệnh giáo sĩ biến hành thập tam tỉnh, lượng địa tạo đồ: Mạch Đại Thành, Thang Thượng Hiền vãng Thiểm Tây, Sơn Tây, Giang Tây,

^{***} Phiên âm, dịch nghĩa, chú thích do TS. Mai Hồng thực hiện.

⁽⁵⁾ *Lời dẫn*: do người dịch thêm vào.

HOÀNG TRIỀU TRỰC TỈNH ĐỊA DƯ TOÀN ĐỒ



“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ” là bản đồ địa dư toàn bộ các tỉnh trực thuộc của Hoàng triều, xuất bản năm 1904, ghi rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam, không hề có Hoàng Sa, Trường Sa trong lãnh thổ của nước họ.

Quảng Đông, Quảng Tây chư tỉnh; Phùng Bình Chính, Đức Mã Nặc vãng Hà Nam, Chiết Giang, Phúc Kiến, Giang Nam chư tỉnh; Phí Ẩn hòa Phan Như vãng Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Hồ Quảng chư tỉnh; tứ duyệt tỉnh sương, quy mô thủy định. Chư giáo sĩ cộng tập kinh sư, huy hào miêu hội dĩ nhị tải cáo thành. Nãi dĩ thập ngũ tỉnh toàn đồ tấu trình, ngưỡng thừa Thánh lăm mậu thưởng đặc long. Tự thị Trung Tây nhân sĩ khảo cầu *Trung Hạ dư đồ*, đại để tập tiền giáo sĩ nguyên cáo, dư bất sủy cô lậu mô tả thử bức, phi cảm vị phẩn bản độc công, giá ư tiền nhân chi thượng. Duy sở bách niên gian, các tỉnh, quận, ấp cương thổ sảo cánh, cổ tương khuyết giả, bổ chi; ngộ giả, chính chi. Vụ sử lũy thêm bất sai liễu như chỉ chương, kỳ diên hải các khẩu, quân phổng hành chu đồ tăng nhập. Tự vấn quả nhất lậu vạn bất túc dĩ cung pháp nhãn. Nhiên hữu tri tất cáo diệc dữ nhân đồng thiện ý dã.

Quang Tự Giáp Thìn xuân, Xà Sơn Thiên văn đài Chủ biện Sái Thượng Chất chí.

✱

Dịch nghĩa: **ĐỊA DƯ TOÀN ĐỒ TỚI CÁC TỈNH
CỦA TRIỀU ĐÌNH (NHÀ THANH)**

Lời bàn về Địa vực kể rằng: Tiêu Hà^{****} thu lượm được Đồ tịch^{****} của nhà Tần, nên người nhà Hán mới có cái đại quát về địa dư. Đất đai hỗn tạp, nên thiết kế dư đồ không chia tỉ lệ, lại không khảo chính theo mực thước chuẩn, có người bảo đó là lời nói viển vông xằng bậy không đúng sự thực. Xem đó cũng biết thời cổ đã có địa dư đồ, nhưng không đặc dụng cho việc trắc địa thẩm hình, nên luôn áy náy không yên. Kẻ chế bản đồ đời sau không phải là người kế thừa, kinh vĩ bất tường tránh sao khỏi nhờ lời sót nhẽ. Nhưng muốn biết sự tinh túy vi diệu của miền đất rộng lớn, phi vốn học thức

^{****}, ^{****} Xem chú thích tr. 27.

thông thiên văn, suy tính được tam ngưng⁽⁶⁾ thì không thể suy tưởng về trước, từ khi uy thanh của Trung Quốc truyền lan tới các giáo sĩ Thiên Chúa giáo ở Tây Hải⁽⁷⁾: Lợi Mã Đâu, Thang Nhượng Vọng, Nam Hoài Nhân vượt trùng dương tới Trung Hoa truyền đạo. Năm Mậu Tý Khang Hy 47 (1708) đời vua Thanh Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, Thánh Tổ nhà Thanh tuyển phái các giáo sĩ Bạch Tấn^{*****}, Lôi Hiếu Tư^{*****}, Đỗ Đức Mỹ^{*****} chế tác *Vạn lý thành đồ*, sau hơn một năm (1710) thì công việc hoàn thành. Vua vui mừng lại xuống

⁽⁶⁾ *Tam ngưng*: 3 góc (*Luận ngữ*) chép lời thời thầy Khổng dạy: “Cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản, tắc bất phục dã” (Chỉ cho một góc mà không biết suy ra ba góc kia, thì ta còn nói gì nữa đây?).

⁽⁷⁾ Các vị giáo sĩ phương Tây giúp vua Khang Hy nhà Thanh lập bản đồ là:

1. Lợi Mã Đâu (利瑪竇) - Matteo Ricci. Theo từ điển *Từ Nguyên*: Ông là giáo sĩ Ý Đại Lợi vào Trung Quốc năm Vạn Lịch thứ 8 (1580) đời vua Minh Thần Tông. Lúc đầu Matteo Ricci tới Quảng Đông, sau đó tới Bắc Kinh xây dựng giáo đường Thiên Chúa giáo làm nhiệm vụ truyền giáo. Đó là giáo đường Thiên Chúa giáo đầu tiên ở Trung Quốc. Ông tinh thông chữ Hoa và ngữ ngôn, trước tác *Cần Khôn thể nghĩa* bằng chữ Hán (2 tập) đều không cần phiên dịch. Lại phiên dịch *Cơ hà nguyên bản* (6 tập) cũng không phiên đến phiên dịch. Có lẽ là bút tích của Từ Quang Khải trao cho. Vậy nên, thiên văn toán pháp nhập vào Trung Quốc khởi đầu cũng từ đây (*Từ nguyên*, tr.1954).

2. Thang Nhượng Vọng (湯若望) - Joannes Adam Schall Von Bell. Theo từ điển *Từ Nguyên*: Ông là người của Hội giáo sĩ Đức đến Trung Quốc truyền giáo vào thời Minh, đời Trang Liệt đế. Vua Minh đối với ông là kỳ ngộ. Sang đời vua Thanh cũng được vua rất tín dụng. Do ông tinh thông Thiên văn, toán pháp, được ban cho chức Giám sự ở Đài Khâm thiên giám. Không bao lâu nhân xảy ra chuyện chẳng lành, bị giam vào ngục mà chết (*Từ nguyên*, tr.900/5).

3. Nam Hoài Nhân (南懷仁) - Ferdinandus Verbiest. Theo từ điển *Từ Nguyên*: Ông là Tuyên giáo sư của Hội truyền giáo Bỉ Lợi thời nhân tới Trung Quốc đầu triều Thanh để truyền giáo, được Thánh Tổ (Khang Hy) tín nhiệm, được giao chức phó Đài Khâm thiên giám, chết được ban thụy là Cần Ý (*Từ Nguyên*, tr.236/5).

***** Xem chú thích trang 28.

chiếu cho [các giáo sĩ] Phan Như *****, Lôi Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ, Mạch Đại Thành ***** vẽ bản đồ của Mông Cổ, Mãn Châu với [bản đồ của] hai tỉnh Trục Lệ và Sơn Đông.

Đến năm Tân Mão Khang Hy thứ 50 (1711), vua sai các giáo sĩ đi tới khắp 13 tỉnh, đo lường đất đai tạo bản đồ. Mạch Đại Thành, Thang Thượng Hiền ***** đi về các tỉnh Thiểm Tây, Sơn Tây, Giang Tây, Quảng Đông, Quảng Tây; Phùng Bình Chính *****, Đức Mã Nặc ***** đi về các tỉnh Hà Nam, Chiết Giang, Phúc Kiến, Giang Nam; còn Phí Ấn ***** cùng với Phan Như đi về các tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Hồ Quảng. Trải qua một năm bốn lần đọc duyệt, quy mô bắt đầu định hình. Các giáo sĩ đều được triệu tập về Kinh đô để họ múa bút họa vẽ, sau hai năm công việc cáo thành, bản đem bức Toàn đồ 15 tỉnh, tấu trình lên vua ngự lãm, ngài vui mừng tuyên dương bằng nghi lễ long trọng. Từ đấy các nhân sĩ Trung Hoa và Phương Tây sưu tập khảo cứu các dư đồ Trung Quốc. Đại để là gia cố bồi tập thêm vào các nguyên cáo của các giáo sĩ đã soạn thảo trước đây. Ta không do dự về kiến văn thô lậu nông cạn của mình để mô tả bức họa này, lại không dám tự khoe rằng chỉ một mình ta có nhiều công hơn các tiền nhân. Duy về cương vực của các thôn ấp, quận, huyện ở các tỉnh trong mấy trăm năm đã có thay đổi đôi chút, cho nên xem chỗ nào thiếu thì bổ sung cho đủ, chỗ nào nhầm lẫn thì đính chính sửa sang, nhằm làm bớt sai suyn và làm sáng sửa hơn lên, để nay khi nhìn vào đó thấy rõ ràng như nhìn vào lòng bàn tay, tại các cửa biển ở các miền duyên hải đều phỏng họa các đường thủy tàu thuyền ra khơi vào cảng. Tự hỏi nếu mắc một lỗi thì sẽ lấy gì để thỏa mãn cho cách nhìn của vạn con mắt? Nhưng nếu có tri thức tất sẽ nói được lời nói gồm chung thiện ý với mọi người.

Mùa xuân năm Quang Tự nhà Thanh, Giáp Thìn (1904).

GD [Chủ biên] *Đài Thiên văn Xà Sơn Sái Thượng Chất* ***** chép.

***** Xem chú thích trang 28.

***** Sái Thượng Chất: Xem chú thích tr. 29.

GIÁ TRỊ KHOA HỌC CỦA “HOÀNG TRIỀU TRỰC TỈNH ĐỊA DƯ TOÀN ĐỒ”*

Phan Duy Kha

Ngày 4.7.2012 là một ngày đặc biệt trong cuộc đời Tiến sĩ Mai Hồng (*Mai Hồng* là bút danh, tên thật của ông là *Mai Ngọc Hồng*). Đó là ngày ông quyết định hiến tặng tám bản đồ đặc biệt quý báu mà ông đã gìn giữ suốt 35 năm qua, bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” (Bản đồ địa dư các tỉnh của Triều đình nhà Thanh) cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam. Tám bản đồ đó không chỉ còn là báu vật của riêng ông mà đã trở thành báu vật vô giá của tất cả người Việt Nam chúng ta, của tất cả những ai có lương tri trên toàn trái đất về sự tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia, để gìn giữ hòa bình trong khu vực và trên toàn thế giới. Bởi nó là bằng chứng hùng hồn không thể chối cãi để khẳng định rằng, *Hoàng Sa, Trường Sa từ xưa chưa bao giờ là của Trung Quốc, rằng cái “đường lưỡi bò” là hoàn toàn áp đặt, không có một chút cơ sở pháp lý nào*. Sau khi làm các thủ tục cần thiết, ngày 25.7.2012 Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã tổ chức trọng thể lễ tiếp nhận và công bố tám *Bản đồ Quốc bảo* có một không hai này.

“*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” là một tám bản đồ quý, có giá trị tối thượng vì nó do đích thân các Hoàng đế nhà Thanh chỉ đạo thực hiện trong gần hai thế kỷ, họ đã mời các giáo sĩ phương Tây cùng những người giỏi địa lý, toán pháp trong nước đi đo đạc điền dã, điều tra thực địa, tập hợp

* Bài đã đăng trên báo *Khoa học và Đời sống* các số 95 (9/8/2012), 96 (11/8/2012) và tạp chí *Thế giới mới* số 31 (13/8/2012), có bổ sung.

tư liệu, can vẽ lại mà thành. Năm 1904, bản đồ hoàn tất, được Nhà xuất bản Thượng Hải chính thức xuất bản. Bản đồ có kích thước 115x140cm, được tạo thành từ 35 miếng ghép dán (bôi) trên vải bố, mỗi miếng có kích thước 20x30cm. Do bôi trên vải, nên bản đồ bảo quản được lâu dài, không bị rách, hỏng. Sau khi tấm bản đồ này do TS. Mai Hồng hiến tặng được công bố đã gây xúc động lớn đối với nhân dân trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài và với cả với bạn bè quốc tế khắp năm châu bốn biển.

Những bản đồ cổ của Trung Quốc không hề có Hoàng Sa, Trường Sa.

Thật ra, không phải chỉ riêng tấm bản đồ này mới thể hiện cương giới cực Nam của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam, mà tất cả các bản đồ lãnh thổ Trung Hoa do người Trung Quốc vẽ, cho đến đầu thế kỷ XX đều thể hiện cực Nam của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam. Lần theo dấu tích suốt chiều dài lịch sử, chúng ta có thể thấy điều này. Cụ thể:

- **Đời Tống:** Tấm bản đồ được xem là cổ nhất của Trung Quốc thể hiện cương vực lãnh thổ quốc gia của họ là "*Cửu vực thú lệnh đồ*" được khắc trên đá, từ đời Tống, vào năm 1121. Theo bản đồ khắc đá này, giới hạn cực Nam của Trung Quốc đến Quỳnh Châu, tức đảo Hải Nam.

- **Đời Nguyên:** Trong sách "*Quán Như đồ*" do La Hồng Tiên soạn (1561) có in "*Dư địa đồ*" đời Nguyên do Chu Tư Bản thực hiện, vẽ phần cực Nam của Trung Quốc là đảo Hải Nam.

- **Đời Minh:** Các bản đồ *Thiên hạ thống nhất chi đồ* (1461) được in trong "*Đại Minh nhất thống chí*" (1461); "*Quảng dư đồ*" khắc in năm 1555; "*Hoàng Minh đại thống nhất tổng đồ*" được in lại trong "*Hoàng Minh chúc phương địa đồ*" của Trần Tổ Thụ (1635); "*Hoàng triều chúc phương*

địa đồ” khắc in năm 1636, đều thể hiện cực Nam của Trung Quốc là đảo Hải Nam.

- **Đời Thanh:** “Hoàng triều phủ sảnh châu huyện toàn đồ” đời Thanh (1862) vẽ “Nội phủ địa đồ” gồm 26 mảnh mang tên “Đại Thanh kích tỉnh toàn đồ” không hề có Hoàng Sa, Trường Sa. “Quảng Đông tỉnh đồ” trong “Quảng Đông dư địa toàn đồ” vẽ năm 1897 không có quần đảo nào. “Đại Thanh đế quốc vị trí khu hoạch đồ” vẽ năm 1909 phần cực Nam là đảo Hải Nam.

- Thời kỳ **Trung Hoa dân quốc:** “Trung quốc tân hưng đồ” vẽ năm 1917, cũng thể hiện cực Nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

Mãi sau này, các bản đồ “Trung Quốc địa lý các duyên đồ” vẽ năm 1922, “Trung Quốc tân hình thế đồ” (1922), “Trung Quốc triết loại phân tỉnh đồ” (1931), “Trung Hoa dân quốc tân địa đồ” (1934) mới vẽ đến quần đảo Hoàng Sa. Năm 1948, “Bản đồ khu vực hành chánh Trung Hoa dân quốc” mới thấy vẽ “đường mười một đoạn” bao chiếm Biển Đông. Năm 1953, từ bản đồ trên, Trung Quốc lại vẽ “đường chín đoạn” (bỏ hai đoạn trong vịnh Bắc Bộ, được gọi là “đường lưỡi bò”, vì giống như cái lưỡi bò liếm xuống phía Nam). “Đường chín đoạn” bao trọn nhóm quần đảo, bãi ngầm lớn trên Biển Đông là Hoàng Sa, Trường Sa, Đông Sa và bãi Macclesfield chiếm khoảng 80% diện tích mặt nước của Biển Đông, chỉ còn lại 20% cho tất cả các nước Philipin, Malaysia, Brunei, Indonesia và Việt Nam. Mỗi nước trung bình được 5%. Đây chính là sự thể hiện những tham vọng bành trướng vô lý và ngược ngạo của nhà cầm quyền Trung Quốc. Họ đã bất chấp luật pháp quốc tế.

Giá trị khoa học của “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*”

Đây là tấm bản đồ do Sái Thượng Chất, Chủ biện (một chức quan như Giám đốc) Đài Thiên văn Xà Sơn thực hiện, được tổng hợp từ kết quả điều tra, đo vẽ, bổ sung liên tục trong vòng gần hai thế kỷ, từ đời vua Khang Hy đến đời vua Quang Tự, do đích thân các Hoàng đế Trung Hoa chỉ đạo. Cụ thể, vào năm Mậu Tý Khang Hy thứ 47 (1708) vua Khang Hy tuyển chọn các giáo sĩ phương Tây như Bạch Tấn, Lô Hiếu Tư, Đỗ Đức Mỹ ban đầu với mục đích chế tác *Vạn Lý thành đồ*. Năm 1711, vua sai các giáo sĩ đi tới 13 tỉnh để đo đạc đất đai, tạo bản đồ... “Trải qua một năm, (vua) bốn lần đọc duyệt, quy mô bắt đầu định hình. Các giáo sĩ được triệu tập về Kinh đô để họ múa bút vẽ họa, sau hai năm công việc cáo thành, bàn đem bức toàn đồ 15 tỉnh, tấu trình lên vua ngự lãm, ngài vui mừng tuyên dương bằng nghi lễ long trọng” (trích *Lời giới thiệu bản đồ* của Sái Thượng Chất). Từ đấy, trong gần 200 năm, các giáo sĩ phương Tây, các nhân sĩ Trung Hoa tiếp tục sưu tập, khảo cứu, gia cố, bồi tập thêm. “Duy về cương vực của các thôn ấp quận huyện ở các tỉnh có thay đổi đôi chút, cho nên xem chỗ nào thiếu thì bổ sung, chỗ nào nhầm lẫn thì đính chính sửa sang, làm bớt sai suẩy và làm sáng sửa hơn lên, để nay nhìn vào đó thấy rõ ràng như nhìn vào lòng bàn tay...” (trích *Lời giới thiệu bản đồ*). Cho đến năm 1904 mới hoàn thành trọn vẹn tấm bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*”. Điều đó cho thấy sự cẩn trọng, tỷ mỉ, công phu, khoa học của những người lập bản đồ này.

Tấm bản đồ này theo phương pháp đo vẽ tiên tiến của các nước phương Tây, có lưới tọa độ địa lý (kinh độ, vĩ độ), có tỷ lệ xích chặt chẽ, thống nhất trên toàn bộ bản đồ. Đặc biệt, do bản đồ quy thành hình chữ nhật (115x140cm) như chúng ta đã biết,

trong lúc đó thì ranh giới lãnh thổ (hay nói cách khác là địa giới hành chính) lại có chỗ lồi ra, lõm vào, nếu vẽ liền mảnh với bản đồ thì sẽ mở rộng kích thước ra rất lớn, không hợp lý. Các nhà chế tạo bản đồ thời ấy đã khắc phục sự lồi lõm đó bằng cách cắt những phần nhô ra ngoài khung bản đồ vẽ riêng ra thành những khung bản đồ phụ và đặt vào bên trong bản đồ. Nhìn toàn bộ bản đồ, chúng ta thấy có hai vùng như thế. Đó là vùng Mãn Châu ở phía đông bắc. Vùng này ở trong bản đồ được ghi là He Long Kiang (tức Hắc Long Giang) và được vẽ vào góc dưới bên phải. Bản đồ phụ này vẽ đến phần phía bắc của bán đảo Triều Tiên. Vùng thứ hai nhô ra ngoài bản đồ và được vẽ trong khung riêng là vùng Tân Cương (trong bản đồ ghi địa danh là Sin Kiang) và được đặt ở góc trên bên trái. Lúc này, vùng đất Tây Tạng chưa thuộc về Trung Quốc, nên phần đất Tân Cương nhô dài ra ngoài.

Điều đặc biệt thứ hai của tấm bản đồ này là, ở góc dưới bên trái của bản đồ có vẽ bán cầu phía đông, trên đó vẽ vị trí nước Trung Hoa trong tổng thể của quả Địa cầu. Bản đồ bán cầu này vẽ toàn bộ châu Á, toàn bộ châu Âu, một phần châu Phi, phần phía bắc Canada, bán đảo Alatska và đảo Grinlan. Như vậy, toàn bộ các nước Đông Nam Á của chúng ta nằm lọt trong bản đồ này. Tuy nhiên, ở trên phần Biển Đông không hề thể hiện một “*đường lưỡi bò*” hay một đường gì tương tự để ghi nhận chủ quyền của nhà Thanh. Điều đó chứng tỏ rằng, trong suốt quá trình 200 năm điều tra nghiên cứu để lập bản đồ này, các Hoàng đế cũng như các quan lại nhà Thanh không hề có khái niệm gì về vùng biển phía nam đảo Hải Nam, tức Biển Đông của chúng ta.

Về kỹ thuật, bản đồ này ứng dụng kỹ thuật trắc địa bản đồ phương Tây với hệ thống kinh độ vĩ độ khá chuẩn xác, gần giống như các bản đồ ngày nay.

Về nội dung, đây là bản đồ hành chính vẽ đến từng tỉnh (*trực tỉnh*) trên toàn quốc (*toàn đồ*), vì vậy nó mang tính chính thống. Trên bản đồ, ta thấy thể hiện từng tỉnh, mỗi tỉnh một màu để dễ phân biệt “*như nhìn vào lòng bàn tay*” (Lời giới thiệu). Những phần lãnh thổ nhô ra ngoài giới hạn khung bản đồ đều được vẽ thành bản đồ phụ. Nếu hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của chúng ta mà nằm trong cương vực lãnh thổ Trung Quốc thì các nhà lập bản đồ đã phải vẽ thêm một bản đồ phụ (như đã làm với các vùng Tân Cương và Mãn Châu). Tuy nhiên, ta không hề thấy phần vẽ thêm đó. Mặt khác, trong bản đồ bán cầu (vẽ một nửa quả đất đặt ở góc trái phía dưới) toàn bộ phần Biển Đông và Đông Nam Á nằm hoàn toàn trong đó, nhưng cũng không có một chỉ dẫn hay thậm chí một ký hiệu nào để chứng tỏ rằng vùng biển này thuộc quyền quản lý của nhà Thanh. Điều đó cho phép khẳng định nhà Thanh chưa hề có khái niệm gì về chủ quyền Biển Đông và các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Cái mà Trung Quốc gọi là Nam Hải chỉ là để chỉ vùng biển phía đông của đảo Hải Nam mà thôi (xem bản đồ)⁽¹⁾. Các nhà cầm quyền Trung Quốc đã cố tình mập mờ đánh đồng Nam Hải của Trung Quốc với Biển Đông của chúng ta, rồi vẽ ra “*đường lưỡi bò*” để bao chiếm Biển Đông, điều đó chỉ là sự thể hiện tham vọng bành trướng của Trung Quốc, nhằm biến Biển Đông thành “*ao nhà*” của họ mà thôi. Nhưng họ không lường được, cũng không thể xóa được những chứng cứ từ xưa đã lật tẩy tham vọng đó.

Biển Đông không phải là “*ao nhà*” của Trung Quốc

Câu trên không phải của tác giả bài viết này mà là của một học giả Trung Quốc, GS. Sun Zhe ở trường Đại học Thanh

⁽¹⁾ Chữ “Nam Hải” nằm vào khoảng trống giữa đảo Hải Nam và khung ghi chú ký hiệu bản đồ.

Hoa, Bắc Kinh. Ông viết: “Nam Hải (Biển Đông) không phải là “ao nhà” (Internal Lake) của Trung Quốc, bởi phần nhiều vùng biển này thuộc vùng biển quốc tế”.

Như chúng ta đã biết, các bản đồ Trung Quốc từ đầu thế kỷ XX trở về trước đã chỉ rõ, cực nam của nước này chỉ đến đảo Hải Nam. Triều đình nhà Thanh chưa hề có khái niệm về chủ quyền biển đảo trên vùng phía nam đảo Hải Nam. Năm 1948, dưới thời Trung Hoa Dân quốc của Tưởng Giới Thạch mới tự vẽ thêm đường 11 đoạn, với ý đồ bao chiếm Biển Đông. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập năm 1949 đã “kế thừa di sản” của họ Tưởng, từ đường 11 đoạn đã vẽ thành “đường lưỡi bò” 9 đoạn (do bỏ hai đoạn nằm trong vịnh Bắc Bộ). Như vậy cái “đường lưỡi bò” đó mới manh nha từ thời quân phiệt Quốc dân đảng, hoàn toàn không có căn cứ lịch sử và cơ sở pháp lý nào.

Năm 1946, dựa trên tuyên bố Cairo và tuyên bố Potsdam, quân Tàu Tưởng ở trong phe Đồng Minh, được vào giải giáp quân Nhật ở miền Bắc Việt Nam. Nhân cơ hội đó, bốn tàu chiến của Trung Hoa dân quốc đã đổ bộ lên chiếm đảo Phú Lâm, thuộc quần đảo Hoàng Sa. Chính phủ Pháp đã phản đối và đưa quân trở lại đảo. Tháng 4-1950, quân Tưởng rút khỏi đảo Phú Lâm. Ngày 14-10-1950, Chính phủ Pháp chính thức chuyển giao quyền quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Quốc trưởng Bảo Đại đứng đầu. Năm 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời. Hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nằm ở phía nam vĩ tuyến 17, thuộc quyền quản lý của Chính phủ Quốc gia Việt Nam. Tháng 4-1956, Việt Nam Cộng hòa kế thừa chính quyền Bảo Đại, quản lý hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Tuy nhiên, trong khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa chưa kịp đưa quân ra đóng giữ, thì chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

đã lập tức đưa quân ra chiếm giữ trái phép hai đảo Phú Lâm và Lin Côn thuộc nhóm đảo phía đông của quần đảo Hoàng Sa. Đây chính là hành động xâm chiếm, lợi dụng lúc chủ nhà đang lúng túng trong việc chuyển giao quyền lực, chưa kịp để mắt đến vùng phen giậu xa xôi. Thế là, họ đã lợi dụng thời cơ đặt chân sang đất nước người⁽²⁾.

⁽²⁾ Sau khi đã đứng được một chân trên quần đảo Hoàng Sa, Chính phủ CHND Trung Hoa ra tuyên bố (được thông qua trong kỳ họp thứ 100 của Quốc vụ viện Trung Quốc ngày 4-9-1958):

1. Bề rộng lãnh hải của nước CHND Trung Hoa là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước CHND Trung Hoa, bao gồm phần đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (tức Hoàng Sa của Việt Nam - tác giả chú), quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa (tức quần đảo Trường Sa của Việt Nam - tác giả chú) và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

2. Các đường thẳng nối liền mỗi điểm căn bản của bờ biển trên đất liền và các đảo ngoài biên ngoài khơi được xem là các đường căn bản của lãnh hải dọc theo đất liền Trung Quốc và các đảo ngoài khơi. Phần biển 12 hải lý tính ra từ các đường căn bản là hải phận Trung Quốc. Phần biển bên trong các đường căn bản kể cả vịnh Bohai và eo biển Giongzhou là vùng nội hải của Trung Quốc. Các đảo bên trong các đường căn bản, kể cả đảo Dongyin, đảo Gaodeng, đảo Mazu, đảo Baiquan, đảo Niaogin, đảo Đại và Tiểu Jinmen, đảo Dadam, đảo Erdan và đảo Dongding là các đảo thuộc nội hải Trung Quốc.

3. Nếu không có sự cho phép của Chính phủ CHND Trung Quốc, tất cả máy bay ngoại quốc và tàu bè quân sự không được xâm nhập hải phận Trung Quốc và vùng trời bao trên hải phận này. Bất cứ tàu bè ngoại quốc nào di chuyển trong hải phận Trung Quốc đều phải tuân thủ các luật lệ liên hệ của Chính phủ CHND Trung Quốc.

4. Điều 2 và 3 bên trên cũng áp dụng cho Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Tây Sa, quần đảo Nam Sa và các đảo khác thuộc Trung Quốc”.

Bản tuyên bố này, sau này ta thường nhắc đến với tên gọi *Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ CHND Trung Hoa*.

Mười ngày sau tuyên bố 4-9 của Chính phủ CHND Trung Hoa, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi Công thư cho chính phủ CHND Trung Hoa, sau này ta quen gọi là Công hàm 14-9-1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng (nguyên văn):

Năm 1972, với Thông cáo Thượng Hải, Trung Quốc chính thức bắt tay với Mỹ, đó chính là cơ hội có một không hai để họ chiếm nốt Hoàng Sa của chúng ta. Ngày 19-1-1974, lợi dụng lúc quân đội Việt Nam Cộng hòa đang ở thế suy yếu, tan rã, Trung quốc dùng không quân và hải quân tấn công đội quân đồn trú của Việt Nam Cộng hòa đang đóng ở nhóm đảo phía tây của quần đảo Hoàng Sa. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ ở đây sức yếu, thế cô, trong giao tranh, một tàu hải quân bị bắn chìm, 74 chiến sĩ hi sinh, nhiều người bị bắt. Số còn lại đã phải rút chạy khỏi đảo. Từ đấy, quân Trung Quốc chiếm đóng trái phép toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

"Thưa đồng chí Chu Ân Lai, Tổng lý Quốc vụ viện nước CHND Trung Hoa.

Chúng tôi xin trân trọng thông báo để đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước CHND Trung Hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước CHND Trung Hoa trên mặt biển.

Chúng tôi xin gửi đến đồng chí lời chào rất trân trọng.

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958

PHẠM VĂN ĐỒNG

Thủ tướng chính phủ nước VNDCCH

(Đã ký)

Nhà cầm quyền Bắc Kinh sau này thường căn cứ vào Công thư 14-9 để cho rằng, chúng ta đã đồng ý, đồng tình với tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước CHND Trung Hoa. Thật ra trong Công thư này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ nhắc đến phạm vi hải phận 12 hải lý của Trung Quốc mà không nhắc gì đến các hải đảo, quần đảo nào cả. Mặt khác, vào thời điểm 1958, các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang thuộc quyền quản lý của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Chúng ta (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) làm gì có quyền "cho" họ cái mà mình không có! Chúng tôi nghĩ, đã đến lúc chúng ta cần công khai minh bạch Công thư này.

Không phải bây giờ, mà ngay từ thời xa xưa, Trung Quốc cũng luôn tìm cách thôn tính dần những nước nhỏ xung quanh, sáp nhập thành quận huyện của họ. Thời nhà Hán, họ thôn tính các nước, như nước Thục (nay là vùng Tứ Xuyên), nước Ba (nay là Trùng Khánh), nước Dạ Lang (nay là Quý Châu). Thời nhà Nguyên thôn tính nước Đại Lý (nay là tỉnh Vân Nam). Thời nhà Thanh sáp nhập vùng Mãn Châu, Tân Cương. Năm 1952 thì sáp nhập vùng đất Tây Tạng. Đất nước Trung Hoa “*cận tranh, viễn giao*” cứ thế bành trướng ra mãi, rộng lớn như ngày nay. Riêng đối với Việt Nam ta, từ Hán, Đường đang còn lệ thuộc, đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh, thời nào họ cũng đưa đại binh sang đánh nước ta, mong biến nước ta thành quận huyện của họ. Tuy nhiên, dân tộc Việt Nam quật cường, hết đời này đến đời khác, đều anh dũng kháng chiến bẻ gãy ý đồ xâm lược của họ. Các đạo quân xâm lược, triều đại nào cũng thế, lúc ra đi thì hùng hùng hổ hổ, lúc trở về thì tả tơi, “*về đến nước còn tìm đập chân run*” (Nguyễn Trãi - *Đại Cáo bình Ngô*)! Không khuất phục được dân tộc Việt Nam thì họ lấn từng tấc núi sông của ta. Thậm chí, dòng sông chảy giữa hai nước thì bên phía họ, họ cũng kè cho thật chắc, lái dòng chảy cho xói mòn sang bên ta, để dòng sông gặm dần từng li đất của ta. Mục đích của họ là gì, chúng ta đều biết cả. Họ tự vẽ ra cái “*đường lưỡi bò*” ở Biển Đông, bất chấp lịch sử, bất chấp đạo lý, bất chấp pháp lý quốc tế cũng là nằm trong tham vọng bành trướng đó mà thôi. Nhưng, chúng ta có thể nói thẳng ra rằng: *Biển Đông đâu phải là “ao nhà” của Trung Quốc!*

Chúng ta có đủ bằng chứng lịch sử, cơ sở pháp lý và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp gìn giữ và bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc!

“Đường lưỡi bò” chỉ là sự bộc lộ một tham vọng vô lý và mong muốn muốn từng bước thực hiện việc lấn chiếm biển đảo nước người của Trung Quốc⁽³⁾ mà thôi!

⁽³⁾ Những năm gần đây, nhà cầm quyền Trung Quốc đã có nhiều hoạt động liên tiếp vi phạm chủ quyền biển đảo của chúng ta:

- Ngày 21-11-2012, nhà cầm quyền Trung Quốc cho in “Đường lưỡi bò” 9 đoạn lên hộ chiếu. Hành động này bị dư luận nhiều nước phản đối. Đây là việc làm chưa từng có tiền lệ trong quan hệ quốc tế.

- Ngày 23-11-2012, Trung Quốc cho xuất bản bản đồ Tam Sa, phạm vi bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và vùng đặc quyền kinh tế thêm lục địa của Việt Nam.

- Ngày 27-11-2012, chính quyền tỉnh Hải Nam thông qua bản sửa đổi “Điều lệ quản lý trị an biên phòng ven biển tỉnh Hải Nam” trong đó đưa hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam vào phạm vi áp dụng.

- Ngày 30-11-2012: Trong khi tàu Bình Minh 02 của Việt Nam đang tiến hành thăm dò địa chấn bình thường trong vùng đặc quyền kinh tế thêm lục địa của mình, chỉ cách đảo Cồn Cỏ 43 Hải lý, thì bị hai tàu cá của Trung Quốc cản trở và làm đứt dây cáp.

- Ngày 2-2-2013: Ba chiến hạm của Hạm đội Bắc Hải hải quân Trung Quốc đã tiến vào Biển Đông để thực hiện cái gọi là “Tuần tra và tập trận”, bao gồm tàu khu trục mang tên lửa Thanh Đảo và hai tàu hộ vệ Yên Đài và Diêm Thành. Tân Hoa xã và Nhân Dân nhật báo của Trung Quốc ngày 4-2, sau khi đưa tin này đã thách thức dư luận bằng một câu đầy vẻ hăm dọa: “Đây là cái tát vào mặt một số quốc gia chỉ trích Quân đội Trung Quốc thiếu minh bạch”.

- Ngày 9-3-2013, ba tàu và một trực thăng Hải giám Trung Quốc “tuần tra cả trên không và trên biển toàn bộ khu vực Hoàng Sa của Việt Nam”.

- Ngày 10-3-2013, Lực lượng ngư chính Trung Quốc điều động 21 tàu và hơn 3.000 nhân viên kéo ra Biển Đông, thực hiện cái gọi là “Tuần tra bảo vệ chủ quyền, bảo hộ ngư dân”.

- Ngày 13-3-2013, tàu Hải giám Trung Quốc số 262 và 263 đã rượt đuổi hai tàu đánh cá Việt Nam là tàu QNg 96417 TS và tàu QNg 96382 TS suốt hơn 3 giờ, buộc hai tàu cá của ta phải rời xa khu vực này.

- Ngày 20-3-2013, tàu cá mang số hiệu QNg 96382 TS của ngư dân Quảng Ngãi đang hoạt động bình thường tại ngư trường truyền thống thì bị tàu Trung Quốc truy đuổi và nổ súng bắn cháy ca-bin.

- Ngày 20-5-2013, tàu cá QNg 90917 TS của Quảng Ngãi cùng 15 ngư dân đang hoạt động đánh cá bình thường trong vùng đặc quyền kinh tế thêm lục địa Việt Nam đã bị các tàu Trung Quốc ngăn cản. Tàu Trung Quốc mang số hiệu 264 đã đâm thẳng vào tàu cá 90917 TS gây hỏng mạn tàu, đe dọa tính mạng của ngư dân.

- Ngày 01-5-2014, Trung Quốc ngang nhiên đưa dàn khoan Hải Dương 981 có tàu quân sự và máy bay yểm trợ hạ đặt trái phép trong thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

V.V...

**DỰ LUẬN SAU KHI TS. MAI HỒNG
TRAO TẶNG “HOÀNG TRIỀU TRỰC TỈNH
ĐỊA DƯ TOÀN ĐỒ” CHO BẢO TÀNG
LỊCH SỬ QUỐC GIA VIỆT NAM**

TS. Đinh Công Vĩ

Ngày 25 tháng 7 năm 2012, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam đã long trọng làm lễ tiếp nhận tám bản đồ: *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”* do Tiến sĩ Mai Hồng, nguyên Trưởng phòng Tư liệu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Phả học Việt Nam trao tặng, sau hơn 30 năm lưu giữ và bảo vệ cẩn thận.

Việc làm cao cả thể hiện lòng yêu nước thiết tha của TS. Mai Hồng lúc này là rất hợp thời, đúng vào khi đang xảy ra tranh chấp gay gắt về chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc; xem đây như một lời tuyên bố hùng hồn, rõ nhất và đúng nhất về vấn đề Biển Đông đang sục sôi rằng: *Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam không thể tranh cãi.*

Thực ra, còn rất nhiều tư liệu lịch sử, địa chí của Trung Quốc cũng khẳng định như thế. Nhưng phía Trung Quốc cố tình lờ đi, vờ như không biết; còn ở nước ta thì không ai nói đến. Nay, Tiến sĩ Mai Hồng đã khơi nguồn đúng lúc, điểm vào yếu huyệt của họ. Việc làm này của Tiến sĩ Mai Hồng đã được dư luận cả nước ta hoan nghênh nhiệt liệt, bè bạn trong Nam ngoài Bắc, Việt kiều ở nước ngoài, tới tấp gọi điện chúc mừng, cảm ơn tấm lòng nghĩa hiệp của ông.

Trước sự đóng góp to lớn, hữu ích của Tiến sĩ Mai Hồng, hàng loạt báo chí ở Trung ương và địa phương đã đưa tin về sự kiện lịch sử rất có ý nghĩa này.

Số 170 (1289)

THỨ HAI

30.7.2012 - (12.6 Nhâm Thìn)

Email: toasoan@baodaviet.vn

VAPR0002 headline

Đất Việt

TIÊU ĐIỂM

Tiền phong

Vụ án 2 PHƯƠNG VÂN VỢ

CÁCH CHỨC**ĐÔI PHÓ****CÔNG AN HUYỆN****VĂN HÓA**VỊ NHẤT NÊN
VĂN HÓA VIỆT NAM
TIỀN TIẾN, DÂN GINăm thứ
55

Vi bản dân phục 137

**Quân đội nhân dân**Số 19123
THỨ NĂM
28-7-2012**Đại đoàn kết****DƯỜNG DÂY NÓNG:**

0918033133

(08) 39971010

tuoiitre.vn
m.tuoiitre.vn
tuoiitrenews.vn**tuổi trẻ**

Số 196/2012 (6950)

CHỦ NHẬT

22-7-2012

(Hàng tuần, Nhâm Thìn)

Giá: 3.700 đồng

CƠ QUAN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TP.HCM

**Nhiều hoạt
động kỷ niệm
65 năm
Ngày thương
bình liệt sĩ**

THỂ THAO 10-16

**Học quần vợt
mắc hơn học
Harvard**

THỜI SỰ 10-16

圖全輿地省直新雲

(phong cảnh hiện nay dựa trên tư liệu trong bộ đồ bản Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ)

BẢN ĐỒ TOÀN LANH THỔ TRUNG QUỐC NĂM 1904:**Không có
Hoàng Sa,
Trường Sa**

Các báo đồng loạt đưa tin: Ngày 25/7/2012, TS. Mai Hồng hiện tặng tám bản đồ đặc biệt quý báu "Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ" cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam. Bản đồ này do Trung Quốc ấn hành 1904, chỉ rõ không có Hoàng Sa, Trường Sa.

Báo *"Tuổi trẻ"* - cơ quan ngôn luận của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ra số 196 ngày 22/7/2012 đã thông báo việc TS. Mai Hồng cho công bố tám bản đồ toàn lãnh thổ Trung Quốc ấn hành năm 1904 mang tên: *"Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ"*. Trên tám bản đồ chính thống này của Trung Quốc không có Hoàng Sa, Trường Sa. Việc *"Tuổi trẻ"* kịp thời đưa tin như vậy đã thể hiện tính tiên phong, hăng hái bảo vệ Tổ quốc của tuổi trẻ Việt Nam trước tình trạng biển đảo bị xâm lấn đe dọa sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Tiếp đó, báo *"Tiền phong"* số 208 ra ngày 26/7/2012, cũng với khí thế tiên phong như báo *"Tuổi trẻ"*, tiếp tục công bố việc làm vì lợi ích quốc gia của TS. Mai Hồng. Báo còn đề nghị hệ thống thông tin tuyên truyền cần phổ biến sâu rộng trong nhân dân cả nước và giới thiệu tám bản đồ lịch sử này cho cộng đồng quốc tế được biết.

Cũng trong ngày 26/7, báo *"Quân đội nhân dân"* (số 18423) đưa tin với hàng tit lớn: *"Tám bản đồ góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam"*; báo *"Đại Đoàn Kết"* (số 208) sau khi thông tin như các báo trên, đã nhấn mạnh thêm: *"Bản đồ thời nhà Thanh (Trung Quốc) không có Hoàng Sa, Trường Sa"*.

Tiếp đến, ngày hôm sau (27/7/2012), báo *"Đại Đoàn Kết"* (số 209) lại có bài nhấn mạnh lời nói chuẩn xác của TS. Mai Hồng khi ông trao đổi với báo: *"Nếu nói rằng bản đồ nhà Thanh của Trung Quốc không có Trường Sa, Hoàng Sa là chưa đầy đủ. Phải nói như thế này mới chuẩn xác: - Bản đồ thời nhà Thanh của Trung Quốc xác nhận chủ quyền nước họ tới cực nam là đảo Hải Nam"*. Trong mục *"Thời luận"* của báo này còn có bài *"Lấy gậy ông đập lưng ông"* của Văn Úc. Bài viết rất sâu sắc chỉ rõ trong thời gian dài vừa qua Trung Quốc đã bằng thủ thuật cắt dán, sửa chữa lại những bản đồ, tài liệu cũ rồi giải thích mập mờ, sai lệch, để nguy tạo nhầm vợ vào mình hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của

Việt Nam. Qua đó phê phán Trung Quốc rằng, luận thuyết của họ không những không có giá trị pháp lý mà còn là sự phủ định lịch sử của chính cha ông họ; rằng việc làm ấy chẳng khác gì “*Lấy gậy ông đập lưng ông*” sau khi sự thật được bóc trần qua tám bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” của Trung Quốc ấn hành năm 1904 không có Hoàng Sa - Trường Sa được công bố.

Cùng ngày (27/7/2012), báo “*Văn hóa*” (số 2089) đã ca ngợi “*Tám bản đồ biết nói*” do TS. Mai Hồng hiến tặng Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và hào hứng nhấn mạnh: “*Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*”.

Ngày 30/7/2012, báo “*Đất Việt*” (diễn đàn của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) số 170 có bài viết với một đầu đề rất mạnh mẽ, sống động: “*Trung Quốc có dám phản lại tổ tiên?*” để khẳng định sức mạnh chân lý đằng sau tám bản đồ Trung Quốc do TS. Mai Hồng đã lưu giữ trên 30 năm. Bài viết nêu rõ: “Nếu Trung Quốc không chấp nhận bằng chứng này tức là họ đã phản lại tổ tiên họ”. Tám bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” hoàn toàn đủ cơ sở pháp lý để chúng ta kiện Trung Quốc khi họ đã và đang trái phép xâm phạm hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Tháng 8 vào ngày 11 cùng năm, báo “*Khoa học và đời sống*” số 56 đã nêu rõ: - Cơ sở khoa học của “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” với tầm nhìn khái quát: Đây là sự “tổng hợp từ kết quả điều tra, đo vẽ, bổ sung liên tục trong suốt gần 2 thế kỷ, kể từ đời vua Khang Hy đến đời vua Quang Tự, do đích thân các Hoàng đế Trung Hoa chỉ đạo” (nói như nhà nghiên cứu lịch sử Phan Duy Kha).

Hẳn còn nhiều báo, tạp chí, sách vở nữa nói về tầm quan trọng và giá trị lịch sử vô song của tám bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” này, nó gắn liền với công lao và lòng ái quốc của TS. Mai Hồng!

Vinh dự thay! Ngày 10/8/2012, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã trao tặng Tiến sĩ Mai Hồng Bằng khen, vì ông đã hiến tặng Bản đồ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*, một bằng chứng lịch sử, pháp lý cao, đóng góp tích cực cho cuộc đấu tranh vì chủ quyền biển đảo Việt Nam.



Ngày 10 tháng 8 năm 2012, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tặng Bằng khen cho Tiến sĩ Mai Ngọc Hồng vì đã hiến tặng Bản đồ Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ, có tác dụng đóng góp tích cực cho cuộc đấu tranh vì chủ quyền biên giới, lãnh thổ, đặc biệt là chủ quyền biển đảo Việt Nam.

CƠ DUYÊN CHO “ÔNG BẢN ĐỒ”⁽¹⁾

Hiệp Đức

Cả cuộc đời đam mê vốn cổ, thâm lặn với công việc nghiên cứu Hán Nôm, bạn bè đồng nghiệp và người dân vẫn thường gọi TS. Mai Hồng, nguyên cán bộ Viện Hán Nôm là ông gia phả. Vậy mà, kể từ khi sự kiện tám bản đồ cổ “Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ” được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, trở thành tâm điểm chú ý của người dân trong nước và bạn bè quốc tế, ông còn được nhắc đến với tên gọi “ông bản đồ”...

Một chiều cuối năm, ông Tiến sĩ 75 tuổi trải lòng với những câu chuyện gia phả dòng họ hay giải mã văn bia..., nhưng với tám bản đồ, báu vật ông lưu giữ trước khi trao cho bảo tàng lại mang đến dấu ấn đặc biệt. “Với tôi, phải chăng *hồn thiêng sông núi* cho mình may mắn được gìn giữ nó. Điều này giống như một cơ duyên vậy”, ông bày tỏ.



TS. Mai Hồng (trái) và vị đại diện Bảo tàng LSQG bên tám bản đồ quý

Và cứ thế, như thể “chạm” vào mạch nguồn cảm xúc, TS. Mai Hồng kể: “Ngày trước, nguồn sách, tư liệu của Viện Hán Nôm chủ yếu được sưu tầm trong dân, khắp chốn cùng quê. Vào khoảng

⁽¹⁾ Bài đăng trên *Nhân Dân* hằng tháng, Xuân Quý Tỵ - số 190/2-2013

những năm 1977-1978, là cán bộ tư liệu, hôm ấy, đen đủi thế nào mà cả gánh hàng của cụ già bán sách quen đến từ Phú Xuyên (Hà Tây cũ) chỉ có duy nhất tấm bản đồ”. Thấy bản đồ còn nguyên vẹn, ông cán bộ quyết giấu vợ hơn tháng lương để mua bằng được, chỉ mong muốn làm phong phú kho tư liệu của riêng mình. Nếu để dành, khoản tiền ấy nhẽ ra có thể mua được cả gánh sách. Cũng từ bấy đến nay, ông cẩn thận cất tấm bản đồ, thi thoảng mang ra lau chùi nhẹ nhàng rồi lại đặt nghiêm ngặt một góc kín trong nhà.

Hơn ba mươi năm qua, bản đồ in màu do NXB Thượng Hải (Trung Quốc) xuất bản năm 1904 cũng chỉ là tư liệu bìa cứng, lạ mắt nếu không được chủ nhân của nó dành thời gian “khám phá” nội dung bên trong. Như có động lực hồi thúc ông tìm hiểu về nó, “đến lúc phải giải mã bản đồ”, ông dứt khoát. Chỉ gần hai tháng trước khi hiến tặng *Bảo tàng Lịch sử Quốc gia* vào tháng 8 năm vừa qua⁽²⁾, TS. Mai Hồng mới bắt đầu nghiên cứu, dịch bài dẫn và ghi chú bằng chữ Hán trên bản đồ. Thời gian “giải mã” nội dung in trên bản đồ tuy ngắn ngủi nhưng khoảng 500 chữ Hán cũng giải thích rõ ràng xuất xứ, khẳng định đây là công trình kỳ công, được triều đình trung ương Trung Quốc khi đó lập với khối tư liệu đồ sộ. Ông dẫn giải lời của nhà thiên văn Sái Thượng Chất, người viết bài kệ cho bản đồ, rằng các đời vua nhà Thanh nhiều lần cử người đi đo đạc, thu thập tài liệu bổ sung, chỉnh sửa, với sự tham gia của các giáo sĩ phương Tây giỏi thiên văn, toán pháp...

TS. Mai Hồng chia sẻ: “Lời dẫn mang đến những bất ngờ về nội dung thông tin và giá trị pháp lý của bản đồ. Ngay cả nhiều người nghiên cứu lâu năm cũng hiếm khi tiếp cận được bản đồ có lời dẫn chi tiết như thế. Một lần nữa, chẳng khác nào cơ duyên đến với mình sao?”. Ông lại nhắc đến “cơ duyên” về tâm đắc, coi đó là sự may mắn mà nghề nghiên cứu vốn thâm lặng nhưng không

⁽²⁾ Chính xác vào ngày 25/7/2012 (BT chú).

buồn chán mang lại. Nói về chứng cứ lịch sử này, ông Dương Trung Quốc, Tổng Thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam cũng nhấn mạnh, tám bản đồ hơn trăm năm này không chỉ mang đến những thông tin lịch sử giá trị mà tự bản thân nó nói lên một thông điệp rằng, từ năm 1904, trong nhận thức của người Trung Quốc, cực nam đất nước của họ chỉ đến đảo Hải Nam. Đồng nghĩa, đây là một bằng chứng tư liệu do chính Trung Quốc xuất bản khẳng định *quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc chủ quyền của Trung Quốc*.

Việt Nam có nhiều tư liệu lịch sử để khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Rõ ràng, trong số khá nhiều bản đồ do các nước phương Tây và Trung Quốc vẽ, điều đáng chú ý, "*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*" được vẽ theo kỹ thuật tiên tiến, có ghi rõ tọa độ, phù hợp với ngôn ngữ bản đồ hiện đại ngày nay. Tám bản đồ cổ được trưng bày trong vòng bốn tháng tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, hàng nghìn lượt người thuộc nhiều thế hệ, đến từ khắp mọi miền đất nước có cơ hội chiêm ngưỡng và tận mắt chứng kiến sức lan tỏa có ý nghĩa của tư liệu giá trị này trong cuộc sống hôm nay.

Hiện đảm nhiệm vai trò Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng phả học Việt Nam, TS. Mai Hồng bận rộn với những dự án còn dang dở, tiếp tục cho kế hoạch năm mới, đồng hành với những cuộc nghiên cứu, dịch gia phả, những vốn cổ còn chưa được khai thác nhiều trong nhân dân. "Việc nghiên cứu, dịch gia phả của các bậc tiền nhân phải chắc chắn, cẩn trọng và khách quan", "ông bản đồ" hôm nay luôn dạy học trò như thế. Trần trở với thực tế ngày càng ít người trẻ quan tâm, yêu thích Hán Nôm, nhất là Hán cổ, ông sẵn sàng dành một phần đất vườn nhà làm nơi thành lập Trung tâm nghiên cứu phả học Việt Nam để thu hút những người cùng tâm huyết.

HAI NGƯỜI BẠN GIÀ TRÒ CHUYỆN VỀ MỘT TẤM BẢN ĐỒ

Mai Ngọc Vũ

Qua các phương tiện thông tin đại chúng cho biết, ngày 25/7/2012 Tiến sĩ Hán - Nôm Mai Hồng, hiện nay là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng Phả học Việt Nam, với tư cách cá nhân đã trao tặng cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia tấm bản đồ cổ Trung Quốc có tên *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*, do triều đình nhà Thanh công bố năm 1904. Tấm bản đồ này nói rõ cực nam của Trung Quốc chỉ đến hết đảo Hải Nam, không hề có các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lãnh thổ nước họ.

Người viết bài này - Mai Ngọc Vũ (MNV), bạn thân của Tiến sĩ Mai Hồng (TSMH) từ ngày tóc còn *"để chỏm"*, nay đều qua ngưỡng *"thất thập cổ lai hy"* có cuộc trò chuyện ngắn xung quanh tấm bản đồ cổ này.

MNV: *Làm thế nào mà ông có được tấm bản đồ, báu vật đặc biệt quý hiếm này?*

TSMH: Ban đầu tôi có biết nó là quý hiếm đâu. Số là vào cuối những năm 70 thế kỷ trước, lúc đó tôi là Trưởng phòng Tư liệu Thư viện của Ban Hán Nôm (chưa gọi là Viện như bây giờ). Sếp trực tiếp lúc đó là Giáo sư Nguyễn Đồng Chi, cấp trên nữa là Giáo sư Sử học Phạm Huy Thông (người quê Hưng Yên). Nhiệm vụ của tôi là bảo quản kho sách Hán - Nôm cổ và sưu tầm tìm mua bổ sung cho kho sách những tài liệu chữ Hán - Nôm viết tay hoặc in mộc bản của Việt Nam....

Lúc bấy giờ thường xuyên có từ 4 đến 5 người hàng tháng cứ mang sách đến bán cho tôi. Một hôm, ông lão quê ở huyện Phú Xuyên đến gặp tôi với dáng vẻ không vui lắm, ông nói:

- Cả tuần này lão chẳng mua được quyển sách nào cho cậu, nhưng có cái này lạ lắm, cậu cứ xem đi, liệu có giúp được gì cho lão không?

Tôi đón đồ vật ông lão đưa cho. Nó na ná như một quyển sách, bìa cứng cỡ 19x27 cm. Nhưng khi mở ra nó lại là tấm bản đồ diện tích rộng bằng 35 tờ giấy khổ A4, in màu, được bồi dán trên nền vải bố dai bền, nên gấp lại mở ra nhiều lần vẫn không bị rách nát, chỉ để lại những vết mòn mờ nhạt như hiện nay. Tấm bản đồ này có tên *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* do 15/16 Giáo sĩ phương Tây vào Trung Quốc truyền đạo Thiên Chúa giáo giúp triều đình nhà Thanh thực địa, đo đạc, vẽ và in ấn. Vì không phải là sản phẩm cần mua, cần sưu tầm cho cơ quan nên tôi cũng chẳng bận tâm gì. Chỉ ái ngại ông già vất vả nên mới hỏi ông muốn lấy giá bao nhiêu? Ông lão nói rằng, nếu bán 100 đồng mới mong mua được vài ba cân gạo.

Ông biết không, lương tôi lúc đó là 70 đồng, may mà có tí vốn còn tiết kiệm từ trước, tôi giấu bà xã rút ra trả cho ông lão đủ 100 đồng, xem qua rồi nhét vào tủ sách gia đình, đã hơn 30 năm qua không ngỡ ngàng tới nó.

MNV: Ông vừa nói ông mua tấm bản đồ này vì sự cảm thông với ông lão đã vất vả cả tuần đi bán sách cũ, còn lý do nào khác không ông?

TSMH: Nhìn nó rất đẹp, được ấn loát theo công nghệ in màu đã đạt tới trình độ rất cao và nhất là tính chính xác có được của nó ở đầu thế kỷ XX.

MNV: Ông còn có phát hiện gì ở tấm bản đồ đó?

TSMH: Vì lúc đó với công việc sự vụ rất bận rộn, thú thực tôi không chú ý lắm, chỉ lướt qua như xem báo, xem bức tranh lạ vậy thôi, rồi xếp nó vào góc tủ.

MNV: Tại sao vào thời điểm này ông lại nảy ra ý định trao tặng nó cho Nhà nước?

TSMH: Cũng có phóng viên Đài tiếng nói Việt Nam đã hỏi như vậy. Tôi đã trả lời: "*Quốc gia hữu sự, sĩ phu hữu trách*". Trung Quốc cậy nước lớn, họ lộng ngôn, lộng hành quá, không coi luật pháp quốc tế ra gì cả. Gần đây Trung Quốc thành lập thành phố Tam Sa trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... của ta; rồi họ lại tổ chức bầu cử ra cái gọi là *Hội đồng Nhân dân khóa I* của thành phố

ấy (!?). Lộng ngôn nói rằng, giới hạn phần biển đảo của nước họ là “*Đường lưỡi bò*”, không khéo đến một thời điểm nào đó họ lại công bố là đường biên giới nước họ mang hình “*lưỡi voi*” hay lưỡi gì gì đó nữa cũng nên. Ông cũng biết từ những năm 70 của thế kỷ XX về trước, họ đã làm cái việc không được làm này rồi. Hành động của họ chẳng khác nào như nhằm vào lúc nhà hàng xóm đang bị hỏa hoạn, nếu là láng giềng tốt thì anh phải đến dập đám cháy giúp mới phải. Đằng này, nhân cơ hội nhốn nháo mượn gió bẻ măng, lại xông vào hôi của của nhà người ta. Chuyện Hoàng Sa là như vậy đó.

Năm 1956, khi ở Hoàng Sa chưa kịp bàn giao chính quyền, Trung Quốc liền dùng vũ lực đánh chiếm trái phép phần đông; năm 1974 khi chính quyền Việt Nam cộng hoà đang lúng túng vì chiến sự, Trung Quốc lại dùng vũ lực xâm lược nốt phần tây quần đảo Hoàng Sa. Lãnh thổ quốc gia đã phân định rành rành ra đấy, vậy mà họ vô lối vẽ ra cái “*Đường lưỡi bò*” để vơ vào mình gần trọn Biển Đông, trong đó có Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam.

Trước tình hình căng thẳng, bức xúc như thế, tôi hiến tặng *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* cho đất nước để góp thêm một tiếng nói cùng nhân dân ta bác bỏ yêu sách vô lý, vô căn cứ của Trung Quốc về Hoàng Sa, Trường Sa. Và *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* - bản đồ chính thống do ông cha họ dày công đo vẽ, công bố năm 1904 thì đã chỉ rõ ra rằng nước họ không có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Sự thật, hai quần đảo ấy từ rất lâu đã thuộc chủ quyền của Việt Nam.

MNV: Là tiến sĩ Hán - Nôm, ông rất am tường về con người và đất nước Trung Hoa. Ông có dự đoán gì về thái độ ứng xử khi họ nhìn lại tấm bản đồ này?

TSMH: Dò sông, dò biển nông sâu không khó, nhưng mấy ai dò được lòng người? Cũng như ông là họa sĩ chắc ông cũng biết câu: “*Họa hổ họa bì nan họa cốt; Tri nhân tri diện bất tri tâm*” (Vẽ hổ chỉ vẽ được da lột bên ngoài, khó mà vẽ được xương cốt bên trong; Nhìn người chỉ biết mặt, chưa biết

lòng dạ ra sao). Tôi nghĩ Hoàng Sa, Trường Sa là vùng biển đảo có vị trí đặc biệt về an ninh quốc phòng, về kinh tế nữa. Đó là phần lãnh thổ quốc gia mà ông cha chúng ta đã khẳng định từ nhiều thế kỷ trước, các nhà nước phong kiến Việt Nam đã liên tục, kế tiếp khai thác, quản giữ, đã nằm trong một đất nước có chủ *"Nam quốc sơn hà nam đế cư..."*. Vùng biển đảo ấy nay lại phát hiện dưới có mỏ dầu với trữ lượng rất lớn, rất hấp dẫn, khiến ta nhớ đến câu Kiều của cụ Nguyễn Du: *"Máu tham hễ thấy hơi đồng là mê!"*.

MNV: *Như vậy tám bản đồ "Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ" đã trở thành vật vô giá. Tôi thấy có chuyện ăn theo là hiện giờ người ta đang chào bán bản đồ Trung Quốc sao chép trên mạng? Vậy bản đồ thật thì thế nào nhỉ?*

TSMH: Tôi đã nói rồi, không biết nó có giá đến bao nhiêu, nhưng cho dù là bạc tỉ tôi cũng vẫn tận tâm hiến tặng cho Nhà nước. Là một công dân Việt Nam tôi ghi tạc câu danh ngôn *"Tổ quốc là trên hết"*. Vừa rồi, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có tặng tôi một tấm bằng khen, thế là tôi thấy toại nguyện và vui sướng lắm rồi.

MNV: *Có người nói Mai Hồng vừa làm một việc dũng cảm?*

TSMH: Phải thay từ *dũng cảm* bằng từ *ý nghĩa* thì mới đúng.

MNV: *Mai Hồng không nhận nhưng tôi cũng đồng tình với nhận xét đó. Mai Hồng dũng cảm và cương trực như ngày còn bé ấy, cái ngày chúng ta còn đang học ở Trường cấp II của huyện (gần chợ Sóc Sơn xã Vũ Quý). Nghe nói đêm ấy có đội văn nghệ xã Vũ Lâm về diễn vở cải lương, vai diễn Tráng sĩ Kinh Kha dâng tám bản đồ dẫm máu lên Chúa công dưới ánh đèn măng-xông nhuộm nhóa lúc sáng trắng lúc đỏ lừ. Xem xong, mấy hôm sau Mai Hồng vẫn còn ca nhại lại câu vọng cổ của vai Kinh Kha nghe khá mùi mẫn. Hẳn Mai Hồng còn nhớ?*

TSMH: Ở ờ,... Nhớ nhớ!... Nhưng đấy là chuyện những năm 50 của thế kỷ trước. Nhanh thật! Đúng như người đời đã nói: *"Thời gian trôi như bóng bạch câu bay qua cửa sổ!"*.

Tp. Hòa Bình, tháng 9/2012 – MNV

LỊCH SỬ DẠY TA QUA NHỮNG MÂM CỖ CÚNG, TẾ VONG LINH BINH LÍNH HOÀNG SA - TRƯỜNG SA

PGS.TS. Lê Trọng

Là người con của Đảo Lý Sơn⁽¹⁾, sự ghi nhớ công lao của cha ông đã khai sáng cù lao Ré, gắn liền với việc quản giữ các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên Biển Đông của Tổ quốc ta - đã thấm vào máu thịt suốt đời tôi từ thuở ấu thơ cho đến tận bây giờ.

Ở bài viết này, bước đầu ghi lại mấy điều mà tôi ngày đêm khắc sâu trong tâm khảm để các thế hệ con, cháu mãi mãi tưởng nhớ; với các đề mục sau:

- *Nhớ những mâm cỗ cúng vong linh binh lính Hoàng Sa, Trường Sa trên đảo Lý Sơn.*

- *Nhớ Lễ khải tế và cúng thể linh Hoàng Sa - Trường Sa trên đảo Lý Sơn.*

- *Lịch sử đã dạy ta qua những mâm cỗ cúng, tế vong linh binh lính Hoàng - Trường Sa.*

- *Phụ lục*

I. NHỚ NHỮNG MÂM CỖ CÚNG VONG LINH BINH LÍNH HOÀNG SA, TRƯỜNG SA ⁽²⁾

Một truyền thống trên hòn cù lao Ré quê tôi, nay là đảo Lý Sơn, khi còn ở tuổi niên thiếu, tôi đã thấy cứ đến ngày rằm, ngày tết, ngày kỵ lập, là cha tôi lại dâng lên bàn cúng ngoài sân nhìn ra hướng đông nam và hướng nam phía Biển Đông (trước nhà cha tôi là Biển Đông) hai mâm cỗ rất thịnh soạn và lắm rằm khấn. Vốn có tính tò mò, tôi chấp tay đứng sau lưng cha để lắng nghe

⁽¹⁾ Đảo Lý Sơn xưa gọi là cù lao Ré.

⁽²⁾ Bài in trên báo Tết Quảng Ngãi – số Xuân Tân Ty 2001. Trong bản in này có sửa chữa, bổ sung cho phù hợp với thời điểm 2014.

lời khẩn. Cha tôi vốn thông Nho học, bận áo rộng xanh, đội khăn đóng, khăn và vái lạy rất nghiêm trang. Trong lời khẩn lúc to, lúc nhỏ, nhưng tôi lắng nghe được rất rõ lời cha "... Cung thỉnh vong linh binh lính Hoàng Sa, Trường Sa trong nhiều thế kỷ, vâng lệnh Vua đi canh giữ các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, đã vì nước mà bỏ mình trên đảo, đồng lai thụ hưởng lễ vật với tất cả tấm lòng thành của gia đình chúng tôi dâng lên hiến cúng và cầu xin các vị phù hộ cho toàn gia quyến chúng tôi được khỏe mạnh, làm ăn, học hành tiến tới..."

Nghe nhiều lần cha cúng như vậy và mỗi lần lại nảy sinh một vài thắc mắc, tôi lại hỏi cha: - Cung thỉnh là gì? Vong linh binh lính là ai? Hoàng Sa và Trường Sa ở đâu, sao con không nhìn thấy? Các chú lính đi bằng cách nào? Đi bao nhiêu ngày thì đến? Đến đó nhà đâu mà ở? Ăn uống bằng gì? Ốm, bệnh thì làm sao? v.v... và... v.v... Mỗi lần hỏi, cha tôi lại giảng giải cho tôi từng ý nhỏ. Khi tôi đến tuổi đi học lớp dự bị, lớp đồng ấu, cha tôi lại vừa đọc vừa giải thích, bảo tôi viết và học thuộc các câu ca:

"Hoàng Sa lắm đảo, nhiều cồn

Chiếc chiếu bó tròn, mấy sợi dây mây".

Tôi lại hỏi: - Thưa cha, "*Hoàng Sa lắm đảo nhiều cồn*" thì con hiểu. Nhưng tại sao ở đó lại có "*Chiếc chiếu bó tròn mấy sợi dây mây*"? Cha tôi diễn giải: "*Chiếc chiếu bó tròn mấy sợi dây mây*" là những vật tùy thân cho người lính đi canh giữ, khai thác Hoàng Sa, Trường Sa do người thân sắm cho họ mang theo, để sống thì nằm, chết thì bó chôn. Rồi cha tôi đọc tiếp (để giải thích) vì: "*Hoàng Sa đi có về không; Lệnh vua sai phải quyết lòng ra đi*". Chứ ra đi thì hầu hết là bỏ mạng! Vì đói, lạnh và bệnh rồi chết, tội lắm con ơi!

Một lần khác, cha tôi lại đọc và diễn giải cho tôi về quần đảo Trường Sa và bảo tôi học thuộc các câu:

"Trường Sa trời biển mênh mông

Người đi thì có mà không thấy về!

Trường Sa mây nước bốn bề

Tháng Hai khao lễ, thế lính Trường Sa..."

Đã được cha giảng giải nhiều về quần đảo Hoàng Sa nên tôi hiểu và học thuộc bốn câu ca này về Trường Sa nhanh hơn.

*

* *

Nhớ xưa mà ngẫm nay. Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là của đất nước Việt Nam, là máu thịt của Tổ quốc thân yêu của chúng ta! Từ thuở lên 5 lên 7 tuổi, tôi đã nghe cha khẩn, cha kể qua những mâm cỗ cúng vong linh binh lính Hoàng Sa, Trường Sa. Đến nay (năm 2014 - BT chú) đã ở tuổi 88, nhưng vẫn còn in đậm trong trí nhớ của tôi một nghi lễ truyền thống linh thiêng và vẫn nhớ thuộc lòng các câu ca da diết nói về quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Tổ quốc thân yêu!

II. NHỚ LỄ KHẢO TẾ VÀ CÚNG THỂ LÍNH HOÀNG SA, TRƯỜNG SA TRÊN ĐẢO LÝ SƠN

1. Lễ khảo tế trước ngày xuất quân

Trước ngày xuất quân, đình làng phải làm lễ cầu khẩn chư vị thần linh, vong hồn các chiến sĩ đã hy sinh từ trước, phù hộ cho “dân binh” có mặt ở “*phiên dịch*” này ra đi được bình yên trở về (còn gọi là lễ tế sống).

Lễ này do ông Cả làng làm Chủ tế, tất cả hào mục, hương chức tân cựu đều có mặt đông đủ dự tế. Lễ có chiêng trống, có văn tế, có phẩm vật dâng lên theo nghi thức trọng thể.

Phẩm vật: Gà trống, chè xôi, bánh, hoa quả, hương đăng, trầu, tẩu... đầy đủ nghi thức theo tục lệ.

2. Lễ cúng thể lính Hoàng Sa – Trường Sa

Tục lệ chung:

Tục xưa - trước 1945, hằng năm cứ vào ngày 20 tháng Hai âm lịch, làng tổ chức lễ Kỳ Yên trong Đình, đồng thời cúng thể lính Hoàng Sa - Trường Sa ở ngoài Nghĩa Tự. Lễ này có mời Pháp sư lễ đàn, có văn xướng, phướn triệu vót

các vong linh bị trầm luân nơi biển cả được trở về với dòng họ, tổ tiên. Lễ vật có: hình nộm - thuyền bè, có phẩm vật hiến cúng cho người đã khuất như: Xôi (xem phần Phụ lục “*Nhớ đội mâm xôi...*”), gạo, muối, v.v... Cúng xong thì nghênh thuyền thả ra biển để thế mạng.



Nghĩ lễ đưa thuyền đi Hoàng Sa trong Lễ *Khao lễ thế lính Hoàng Sa* ở đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi

Ảnh in trong: *Kỷ yếu Hoàng Sa* (NXB TT&TT, tháng 1/2012)

Cũng vào ngày ấy (20 tháng Hai - âm lịch) ngoài lễ chung của làng, các họ tộc có người hy sinh, có miếu thờ như đình ông Thẩm thờ cai đội Hoàng Sa Võ Văn Khiết; miếu thờ cai đội Phạm Quang Ảnh; nhà thờ tộc Phạm Văn thờ cai đội Phạm Hữu Nhật... và nhiều gia đình họ tộc khác có người đã hy sinh trong đội Hoàng Sa hoặc có lòng thành đều có lễ cúng thế lính Hoàng Sa - Trường Sa. Thêm vào đấy còn thấy nhiều nhà (cả làng hoặc người có lòng thành) vào những ngày tết, ngày kỵ lập còn có những mâm cỗ cúng đặt ngoài sân để dâng cúng vong linh binh lính đã bỏ mình ở Hoàng Sa, Trường Sa.

Tục lệ riêng ở Âm Linh Tự

Riêng tại Âm Linh Tự (thôn Tây, An Vĩnh) hàng năm đều làm lễ cúng thế lính - Chiến sĩ trận vong - Hoàng Sa,

Buổi lễ cúng thể linh Hoàng Sa, Trường Sa, phần lớn thanh thiếu niên trong các xóm đều rủ nhau đi xem.

Xem lễ, chúng tôi đứng im phăng phắc, lắng nghe và rất cảm kích trước những hy sinh lớn lao của bao chiến sĩ quê nhà đi quản giữ quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Nghe và nhớ các vong linh được nêu trong buổi lễ, liên hệ với bài học lịch sử ở trường, hỏi thêm cha anh ở nhà, những tri thức có được đã dạy cho chúng tôi biết tri ân những nghĩa sĩ xa xưa đã bỏ mình vì biển đảo và các chiến sĩ gần đây đi canh giữ Hoàng Sa - Trường Sa (thời kỳ trước và sau 1974) đã tử trận trên hai quần đảo là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam này. Qua đó, chúng tôi đã hiểu biết lịch sử biển đảo có hệ thống, tuy nhiên, ở đây tôi chỉ trình bày *một số sự kiện - nhân chứng hùng hồn mãi mãi khắc ghi trên đảo Lý Sơn và lược sử binh lính các triều đại đã trấn giữ hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của Tổ quốc ta từ bao đời nay.*

1. Sự kiện, nhân chứng trên đảo Lý Sơn (cù lao Ré xưa)

Vào đầu thế kỷ XVII (từ năm 1603 đến năm 1609), 15 vị Tiên Hiền đã đến khai sáng cù lao Ré. Đến thời Chúa Nguyễn (thế kỷ XVII) đã lập Hải Đội Hoàng Sa, tuyển lính “thiện thủy”, chủ yếu lấy người ở phường An Vĩnh và người ở phường An Hải của cù lao Ré và một số của làng An Vĩnh⁽⁴⁾ và làng An Hải⁽⁵⁾ ở hai bên cửa biển Sa Kỳ với số lượng là 70 suất, hằng năm đi hành xử chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, đồng thời kiêm quản cả đội Bắc Hải có nhiệm vụ hành xử chủ quyền trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Dù biết rằng:

“Hoàng Sa đi dễ khó về

Lệnh vua sai phải quyết thể ra đi!”...

Như vậy, ngư dân “thiện thủy” ở cù lao Ré và hai bên cửa biển Sa Kỳ là cơ sở, là cái nôi ra đời Hải đội Hoàng Sa kiêm quản Đội Bắc Hải kéo dài trong suốt ba thế kỷ.

(4), (5) Xã An Vĩnh, xã An Hải nay - xưa gọi là phường An Hải và phường An Vĩnh. Đến thời Gia Long (năm 1804) mới đổi tên phường An Hải là làng Hải Yến, phường An Vĩnh là làng Vĩnh Long cho đến năm 1945.

Trường Sa vào tiết Thanh minh và chọn ngày 16 tháng Ba âm lịch, với nghi thức:

- Trước ngày cúng thể lính Hoàng Sa - Trường Sa có tổ chức mời thầy chùa về sở tự cầu siêu, cầu an, phóng đăng, phóng sinh. Với ý niệm khẩn cầu hồng ân chư Phật độ trì cho chư vong linh Chiến sĩ được siêu thoát khỏi cảnh trầm luân nơi biển cả.

- Ngày hôm sau mới làm lễ cúng thể. Lễ này nghi thức tương tự như làng tế trước 1945: Có Pháp sư lễ đàn cùng văn xướng, có phẩm vật dâng cúng theo nghi thức cổ truyền: có 3 chiếc thuyền, có hình nộm, chở phẩm vật lương thực, củi nước hiến cúng thể để vong hồn các nghĩa sĩ được siêu thoát.

Dưới đây là hình ảnh lễ ở Âm Linh Tự:



Lễ cúng thể lính Hoàng Sa, Trường Sa ở Âm Linh Tự (xã An Vĩnh)

III. LỊCH SỬ ĐÃ DẠY TA QUA NHỮNG MÂM CỒ CÚNG, TẾ VONG LINH BINH LÍNH HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Như đã nói ở mục II: Trước ngày xuất quân đi quản giữ các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tại đình làng có làm lễ *Khảo tế*⁽³⁾.

⁽³⁾ *Khảo*: Soát lại văn bản về danh sách, chức sắc các chiến sĩ đã hy sinh và các chiến sĩ có mặt ở “phiên dịch” này, để *tế* theo nghi thức trọng thể.

Việc hành xử chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa của Đội Hoàng Sa được thực hiện theo lệnh của Triều đình, có nhiệm vụ: Khảo sát cắm cột mốc, cắm cờ, đo vẽ thủy trình, vẽ bản đồ, dựng bia chủ quyền, canh giữ đảo, trấn giữ Biển Đông, trồng cây; thu nhặt những sản vật có giá trị do tàu - thuyền đắm trôi dạt trên đảo đưa về nộp cho Triều đình; khai thác các sản phẩm quý hiếm quanh đảo... Những việc này được thực hiện hàng năm bằng cách tuyển lính, chuẩn bị thuyền (ghe), lương thực, vật liệu cho việc hành xử chủ quyền và cả những chiếc chiếu, dây mây, nẹp tre, thẻ bài để khi sống thì nằm, chết thì bó thây, nên từ lâu đã lưu truyền câu ca dao:

*“Hoàng Sa lắm đảo, nhiều cồn
Chiếc chiếu bó tròn, mấy sợi dây mây”.*

Việc chuẩn bị này phải hoàn tất trong đầu tháng Hai âm lịch hàng năm, trước ngày phùng (rồi làng, xã) làm lễ Khảo tế tiên linh; làm lễ tế sông binh lính trước lúc xuất quân tại đình; đến ngày 20 tháng Hai âm lịch thì làm lễ tế thế lính Hoàng - Trường Sa tại Nghĩa Tự. Ngày này ở dinh, miếu, nhà thờ các họ có người đã hy sinh trong Đội Hoàng Sa đều có lễ vật dâng cúng. Riêng Âm Linh Tự (thôn Tây, xã An Vĩnh), lễ tế thế lính Hoàng - Trường Sa được tổ chức trong tiết Thanh minh, vào ngày 16 tháng Ba âm lịch (như đã mô tả ở mục II).

Sau buổi lễ tế sông, các chiến sĩ Hải đội Hoàng Sa hiên ngang đi hành xử chủ quyền, quyền chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa theo lệnh của Triều đình. Và đến kỳ tháng Tám (âm lịch) thì về vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để báo cáo kết quả những việc hành xử chủ quyền; nộp - cân - định hạng các hóa vật thu được từ các tàu đắm như: gươm, súng, kiếm, tiền bạc, hoa bạc, vòng sứ, v.v...; sau đó, số còn lại mới cho đem bán, kể cả các loại sản vật như: hột ốc vân, vỏ hải ba, hải sâm, đồi mồi v.v... rồi lĩnh bằng sắc trở về.

Về tổ chức đoàn thuyền của Hải đội Hoàng Sa, tùy nhiệm vụ từng năm và căn cứ vào thuyền lớn hay bé mà có từ 5 đến 18 chiếc. Chỉ huy mỗi đoàn thuyền có phái viên Biện binh, Lãnh binh, Đô đốc, Cai đội trưởng, Chánh đội trưởng... có Đà công chỉ huy chiếc thuyền lướt sóng dẫn đầu đoàn thuyền. Về những sự kiện và nhân chứng cụ thể ấy đã được các nhà Sử học trong và ngoài nước (cả người Trung Quốc) đã ghi lại rất rõ ràng. Qua gần 80 năm, vừa tìm hiểu lịch sử văn hóa ngay trên đảo nhà, vừa nghiên cứu cổ sử và những phát hiện mới, chúng tôi - những người con, các tác giả nơi quê hương cù lao Ré (đảo Lý Sơn) cũng đã dẫn ra khá đầy đủ trong nhiều sách báo⁽⁶⁾. Ở đây chỉ xin nêu ra một số vị gồm các chỉ huy và binh sĩ (lính thủy) của Hải đội Hoàng Sa, là tổ tiên của chúng tôi trên cù lao Ré.

Đó là phái viên Biện binh Võ Văn Hùng người xã An Vĩnh.

Đó là vị Cai đội trưởng Võ Văn Khiết có văn tự thờ trang trọng ở Dinh ông Thấm tại thôn Tây, xã An Vĩnh.

Đó là dũng sĩ Nguyễn Quang Tám bỏ mình ở Hoàng Sa theo lệnh Gia Long đệ nhị (1803), có tấm bia dựng ở mộ chiêu hồn tại xứ mã Gò Việt, thôn Tây, xã An Hải. Bia có ghi dòng chữ “*Đại nam mộ phần Hoàng Sa Hiễn Cao Tổ Trần Lưu Quận Nguyễn Quang Tám chỉ ghi thần linh mộ*”. Và bia mộ của bao chiến sĩ hy sinh ở Hoàng Sa trước và sau dũng sĩ Nguyễn Quang Tám cũng được chiêu hồn chôn ở nhiều xứ mộ trên đảo Lý Sơn, như: chiến sĩ (thủy thủ) Trần Văn Kham xã An Vĩnh; Nguyễn Văn Giai xã An Hải; Nguyễn Văn Mạnh xã An Vĩnh, v.v...

⁽⁶⁾ Các tác giả quê hương:

- PGS.TS. Lê Trọng chủ biên: *Lý Sơn đảo du lịch lý tưởng*, xem mục: *Lễ tế vong linh binh lính Hoàng Sa và Trường Sa* – NXB VHNT, 2007, tr.91-97.

- Phùng Nguyên: *Phát hiện mới của người đi tìm chứng tích Hoàng Sa*, Báo Tiền Phong cuối tuần số 38 (từ 19-25/9/2009).



Thuyền biển của Hải đội Hoàng Sa (thế kỷ XVII-XVIII)

Đó là ông Phạm Quang Ảnh người xã An Vĩnh, tháng Giêng năm 1815, vua Gia Long phong ông làm Cai đội của Hải đội Hoàng Sa và giao cho ông nhiệm vụ dẫn theo một đội quân gồm 70 người từ cù lao Ré (đảo Lý Sơn) đi đến Hoàng Sa và đi kiểm tra Đội Bắc Hải ở Trường Sa để xem xét đo đạc thủy trình, trấn giữ Biển Đông và tìm kiếm sản vật quý cho Triều đình. Mỗi chuyến đi 7 tháng, từ tháng Hai đến tháng Tám (âm lịch) thì quay về để tránh mùa biển động. Đoàn thuyền của ông đã đi được nhiều chuyến thành công, nhưng rồi trong chuyến đi cuối cùng, trước gió bão dữ dội của Biển Đông, những người con ưu tú ấy của Tổ quốc đã gửi mình nơi biển cả. Vua Gia Long đã đích thân đến tận cù lao Ré (đảo Lý Sơn) làm lễ chiêu hồn cho các tử sĩ. Ông và đồng đội của ông đã được hóa thân vào những hình người nặn bằng đất sét và được cúng chiêu hồn suốt một đêm với sự có mặt

của vua Gia Long, rồi làm lễ an táng. Trong đó, ông Phạm Quang Ảnh được đặt đầu tiên rồi đến 24 tử sĩ là đồng đội của ông. Ông được phong *Thượng đẳng thần*, được nhân dân xã An Vĩnh, nhà thờ của dòng họ Phạm Quang thờ cúng như Thành Hoàng. Tổ quốc ghi nhớ công lao của ông, đã lấy tên ông đặt cho một hòn đảo lớn trong nhóm đảo Lưỡi Liềm ở quần đảo Hoàng Sa, gọi đó là đảo Quang Ảnh.

Tiếp đến là ông Phạm Hữu Nhật⁽⁷⁾, một vị Lãnh binh làm Chánh đội trưởng Thủy quân suất đội trưởng của Đội Hoàng Sa. Năm Bính Thân 1836, ông vâng mệnh vua Minh Mạng đưa binh và thuyền, khoảng 50 người đi xem xét, đo đạc thủy trình, cắm cột mốc, cắm cờ và dựng Bia Chủ quyền của triều Nguyễn tại quần đảo Hoàng Sa. Mỗi binh thuyền đem theo mười cái bài gỗ, mỗi bài dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, mặt bài gỗ có khắc dòng chữ "*Minh Mạng thập thất Bính Thân niên, Thủy quân Chánh đội trưởng suất đội trưởng Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương độ chi thử lưu đẳng tự*" (nghĩa là: Năm Minh Mạng thứ 17, Bính Thân, Thủy quân Chánh đội trưởng suất đội trưởng Phạm Hữu Nhật vâng mệnh đi Hoàng Sa xem xét đo đạc đến đây, để ghi nhớ). Ở từng điểm đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa, đội của ông đã đến và dừng lại cắm mốc, cắm cờ, dựng Bia Chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ, trồng thêm cây cối, thu lượm hải vật rồi về tâu trình với Triều đình là đã hoàn thành nhiệm vụ. Không biết ông đã đi được bao nhiêu chuyến, nhưng đến chuyến cuối cùng vào năm 1854 thì ông và nhiều người đã "bị mất tích" trên biển. Gia đình, họ tộc và quê hương đã an táng ông bằng một nấm mộ chiêu hồn (còn gọi là *mộ gió*) không có hài cốt tại thôn Đông, xã An Vĩnh, bên cạnh ngôi mộ cụ Thủy tổ họ Phạm Văn, một trong sáu vị Tiên Hiền khai khẩn làng An Vĩnh trên đảo Lý Sơn. Các bộ chính sử của triều Nguyễn đều có ghi chép sự kiện này và đánh giá công lao to lớn của ông trong việc

⁽⁷⁾ Theo tư liệu do Phạm Thúy Lan - một hậu duệ dòng họ Phạm cung cấp.

xác lập chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Tổ quốc khắc ghi công lao của ông bằng việc lấy tên Hữu Nhật đặt cho một hòn đảo lớn nằm ở phía nam quần đảo Hoàng Sa. Các tư liệu còn lưu giữ trong nhà thờ thứ phái họ Phạm Văn ở xã An Vĩnh, đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Rồi đến Cai đội trưởng Võ Văn Phú, Chánh đội trưởng Phạm Văn Biện, Chánh đội trưởng Trương Phúc Sĩ, Phó đội trưởng Phạm Văn Nguyên, Kiêm thuyền đội Trương Văn Tài, Kiêm thuyền đội phó Võ Văn Công, Đội Phó Trương Văn Sỹ - đều là người ở xã An Vĩnh.



Khu mộ gió - nghĩa địa dành cho lính Hoàng Sa, nhưng bên dưới không có hài cốt (vì chết mất xác)

Đặc biệt là Đà công Đặng Văn Sĩ, sinh trưởng ở thôn Đồng Hộ, xã An Hải, đảo Lý Sơn rất thiện thủy nghề biển, vâng lệnh Triều đình làm Đà công dẫn đường nhiều lần cho “Đội Hùng Binh” đi quản giữ quần đảo Hoàng Sa và kiểm tra Đội Bắc Hải hành xử chủ quyền ở quần đảo Trường Sa, đã có Bằng cấp của quan Bố chánh và Án sát tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông từ thời Minh Mạng thứ 15 (Giáp Ngọ) nhằm ngày 15 tháng 4 năm 1834. Sau khi ông vì nước bỏ mình ở “Vạn lý Hoàng Sa”, nhà thờ phái

họ Đặng ở thôn Đồng Hộ đã kế tiếp gìn giữ căn trọng tám bằng.. Đến ngày 9/4/2009 đại diện nhà thờ họ Đặng là ông Đặng Lèn đã làm lễ trình Tổ tiên rồi trao văn bản gốc này cho UBND tỉnh Quảng Ngãi. Và ngày 10/4/2009 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã làm thủ tục bàn giao cho Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Liên theo đó, tối ngày 10/4/2009, Đài truyền hình Việt Nam đã đưa tin về nội dung và hình thức văn bản gốc này. Nay, tại nhà trưng bày di vật của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải trên đảo Lý Sơn và ở nhà thờ họ Đặng có trưng bày bản sao từ văn bản gốc đó. Đây là một sự kiện, một bằng chứng lịch sử hùng hồn, không ai có thể chối cãi được rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu đã là của Việt Nam.

Tóm lại, nội dung ở phần 1, mục III của bài viết này, chúng tôi mới chỉ điểm qua một số sự kiện và nhân chứng nổi bật của ông cha ta kể từ khi các vị Tiên Hiền đến khai sáng cù lao Ré (đảo Lý Sơn) đã gắn nghề biển, với việc tuyển lính thiện thủy sung cho cái nôi ra đời Đội Hoàng Sa đi “trấn giữ đất trời ở Biển Đông...”. Nó đã quện chặt nghĩa tình của nhân dân đảo Lý Sơn với dải Hoàng Sa như tình nghĩa keo sơn chồng vợ, nên từ ngày xưa đã có câu ca để lại:

*“Chiều chiều ra ngóng Biển Đông
Thương gái có chồng, đi lính Hoàng Sa!...”.*

Đi lính Hoàng Sa để làm chủ, để nối tiếp đời này qua đời khác gìn giữ dải Hoàng Sa - Trường Sa thiêng liêng của Tổ quốc, dù phải hy sinh xương máu, tính mạng... Đó là công lao trời biển của cha ông, nên từ xưa nhân dân trên đảo Lý Sơn đã tạc ghi bằng câu đối:

*“An đức dựng xây miền Đảo Lý
Nghĩa tình bồi đắp dải Hoàng Sa”*

Đôi câu đối này hiện đang treo ở tiền đình làng (xã) An Vĩnh.

Hậu thế hôm nay (tháng 4 năm 2008) đã xây dựng quần thể di tích Hải đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải: Tại đây có nhà trưng bày các tư liệu về Hải đội Hoàng Sa kiêm quản

Bắc Hải và tượng đài cao hơn 10 mét đứng hiên ngang, tác giả chuyên đề này xin được khái quát bằng bài thơ kèm bức ảnh sau đây:

Hồn thiêng Hải đội Hoàng Sa

Kính dâng linh hồn các chiến sĩ
ĐỘI HOÀNG SA KIỂM QUẢN BẮC HẢI

*Sống vinh - chết thiêng trên biển đảo
Hồn lính Hoàng - Trường hiển hiện ra
Tượng đài Hải đội Hoàng Sa...
Tấm gương, con cháu sau xa vững vàng
Đây chân lý - vong ngàn nghĩa sĩ
Phù muôn đời nối chí ông cha
Giữ yên trời biển bao la
Hoàng - Trường máu thịt nước nhà Việt Nam.*

Lê Trọng

Đảo Lý Sơn ngày 19/8/2011



Tượng đài đội Hải binh Hoàng Sa kiểm quản Bắc Hải trên đảo Lý Sơn

Ảnh tư liệu

2. Lược sử các triều đại trấn giữ hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và binh lính đã tử trận

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam từ xưa tới nay, các triều đại phong kiến đã kế tiếp quản

lý trấn giữ các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1956, Trung Quốc mới ngang nhiên đưa quân chiếm nhóm đảo phía đông của quần đảo Hoàng Sa. Năm 1974 Trung Quốc lại cho hải quân đánh chiếm nhóm đảo phía tây của quần đảo Hoàng Sa khi Quân đội Việt Nam Cộng hoà đang canh giữ. Năm 1988, Trung Quốc tiếp tục đánh chiếm 6 đảo trong quần đảo Trường Sa... Thực tế lịch sử đã khẳng định hùng hồn rằng, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ xa xưa đã thuộc chủ quyền của Việt Nam - đó là điều không ai có thể chối cãi! Do vậy, trong phần này, tác giả chỉ luận giải thêm vấn đề và đưa ra những kiến nghị.

Để chứng minh cho tổng luận trên, xin nhắc lại một số (trong hàng nghìn) tài liệu⁽⁸⁾, nhưng mang tính hệ thống - hy vọng có thể phục vụ cho nhiều người hiện còn thiếu thông tin và điều kiện nhận biết thông tin, đủ làm luận cứ khoa học vững chắc nhằm khẳng định vấn đề biển đảo này. Đó là:

a. *"Toản tập Thiên Nam Tứ Chi Lộ Đồ Thư"* của Đỗ Bá viết năm 1686. Cuốn sách cổ này đã cho ta thấy:

* Đỗ Bá đã mô tả Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam (từ thế kỷ XVII) một cách rất chính xác: *Ngoài khơi, một quần đảo với những cồn cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài khoảng 400 lý, rộng 20 lý nhô lên từ dưới đáy biển, đối diện với bờ biển từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh. Ngư dân Nam Việt đã sống trên các*

⁽⁸⁾ Xem hàng nghìn tài liệu ở những tụ điểm chính:

- Nhà trưng bày Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải và Tượng Đài... trên đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi.
- Bảo tàng Hoàng Sa (của huyện Hoàng Sa) ở 132 phố Yên Bái - TP. Đà Nẵng.
- Kho lưu trữ Trung ương I ở Hà Nội.
- Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Đình, Âm Linh tự, Nghĩa tự, Dinh, Miếu, các Nhà thờ họ; Mộ các chiến sĩ vì nước hy sinh ở Hoàng Sa - Trường Sa được làm mộ chiều hồn (*mộ gió*) chôn ở đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi).
- Viện Sử học Việt Nam (tại Hà Nội).
- Lưu trữ của một số nhà Sử học, Khoa học, Luật học, Nhà báo, Nhà nghiên cứu...

đảo này và khai thác sản vật đã từ lâu đời. (Diễn tả này là đoạn trích trong phần thứ ba của “*Hồng Đức bản đồ*”).

* Xác nhận ngay từ buổi đầu thời Chúa Nguyễn (thế kỷ XVII), Chúa đã xác lập chủ quyền của Đại Việt tại hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa bằng cách lập Hải đội Hoàng Sa kiêm quản Đội Bắc Hải và hằng năm tổ chức một Hạm đội gồm 18 chiến thuyền ra quản lý trấn giữ và khai thác sản vật ở Hoàng Sa và Trường Sa (Bãi Cát Vàng, hay còn gọi là Vạn Lý Trường Sa).

b. Về vấn đề này, nhiều tư liệu của Trung Quốc và phương Tây cũng minh chứng về chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như sau:

+ Trong thời gian 1405 - 1433, Trịnh Hòa - nhà *Hàng hải* đồ nổi tiếng nhất Trung Quốc thời đó đã vẽ bờ biển và các hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam, khi ấy nước ta được ghi là *Giao Chỉ quốc* và Biển Đông là *Giao Chỉ dương*, gồm Biển Đông và các đảo nằm trong đó đều thuộc chủ quyền Giao Chỉ quốc tức là nước Đại Việt ta⁽⁹⁾.

+ *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán (cũng người Trung Quốc) năm 1696, trong quyển 3 của *Hải ngoại kỷ sự* đã nói đến Vạn Lý Trường Sa, rằng Chúa Nguyễn đã sai thuyền ra khai thác các sản vật từ các tàu đắm trên Vạn Lý Trường Sa, tức là Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

+ Khảo sát các bản đồ cổ và một số bản đồ gần đây của Trung Quốc (trong đó có tấm bản đồ được hoạ vẽ, tạc biên, tạc bổ kéo dài gần 2 thế kỷ dưới sự chỉ đạo của các Hoàng đế Thanh triều là “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*”, ấn hành năm 1904), ta thấy không có bản đồ nào có ghi các quần đảo *Tây Sa* và *Nam Sa* (tức là *Hoàng Sa* và *Trường Sa*). Trong khi tất cả các bản đồ ấy đều xác định đảo *Hải Nam* là *Cực nam* - biên giới phía nam của Trung Quốc.

⁽⁹⁾ Nhà sử học Nguyễn Đình Đầu: *Hoàng Sa - Trường Sa đích thực là của Việt Nam* (trong sách *Hoàng Sa - Trường Sa là của Việt Nam*, NXB Trẻ, 2008, tr. 26-27).

+ Nhật ký trên con tàu Amphitrite từ Pháp sang Trung Quốc (năm 1701) ghi rõ Paracels (Hoàng Sa) là một quần đảo thuộc vương quốc An Nam.

Những bằng chứng trên đã khẳng định chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Chủ quyền này được xác lập do sự khai phá và hành xử từ thế kỷ XV của triều Lê và hoàn tất vào thế kỷ XVII dưới thời Chúa Nguyễn. Như vậy, theo Luật pháp Quốc tế, chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa đã được thiết lập và trấn giữ trước bất cứ nước nào!

Kế tiếp Chúa Nguyễn, sang thời Tây Sơn, rồi đến triều Nguyễn (cả giai đoạn dưới thời thuộc Pháp), rồi đến Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã liên tục hành xử: quản lý, khai thác, trấn giữ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là sự thật hiển nhiên. Về vấn đề này, trong những năm gần đây còn phát hiện mới thêm những chứng tích rất xác đáng⁽¹⁰⁾...

Thêm vào đây, về địa chất học có một tư liệu cực kỳ quý giá do nhà địa chất học quốc tế là TSKH A.Krempf, Giám đốc Viện Hải học Đông Dương đưa ra năm 1925. Đó là kết quả sau hai năm nghiên cứu và đo đạc, mà ông đã lập phúc trình và kết luận: "Về mặt địa chất, thêm lục địa Việt Nam chạy thoải từ Trường Sơn ra Hoàng Sa, như vậy những đảo ở Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam. Địa chất quần đảo Trường Sa cũng vậy. Các đảo, cồn bãi Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của thêm lục địa Việt Nam, bờ biển Việt Nam thoải dần tới quần đảo Trường Sa. Nơi đây, độ sâu của biển chỉ tới 200 mét, trong khi đó giữa Hoàng Sa - Trường Sa và lục địa Trung Hoa có rãnh biển sâu tới 4600 mét". Nếu mực nước biển hạ xuống chừng 600 - 700 mét, thì sẽ thấy Hoàng Sa sẽ dính liền vào Việt Nam như một khối khí liền và cách Trung Quốc bằng một vùng nước biển sâu hàng ngàn mét. Và như thế, quần đảo Hoàng Sa là

⁽¹⁰⁾ - Phùng Nguyên: *Phát hiện mới của người đi tìm chứng tích Hoàng Sa*, báo *Tiền Phong* cuối tuần, số 38 (từ 19 - 25/9/2009) và trên Internet.

- Hoàng Trung Hiếu: *Thêm những tư liệu quan trọng về Hoàng Sa của Việt Nam*, báo *An ninh Thế giới*, ngày 26/8/2009.

một phần không thể tách rời với nước ta, nó như cái “*thêm nhà*” của Việt Nam vậy!

c. Nghịch lý: Như vậy, chân lý đã quá rõ ràng rằng hai quần đảo Hoàng - Trường Sa là hoàn toàn của Việt Nam trên Biển Đông. Nhưng từ sau Đại chiến Thế giới II, nhiều nước mà cận kề là Trung Quốc ngày càng nhòm ngó rồi tìm mưu kế để tranh chấp, thôn tính Hoàng Sa - Trường Sa và cả Biển Đông. Vì họ thấy Biển Đông có vị thế và nhiều tài nguyên to lớn. Với tham vọng đó, năm 1946 người của Tưởng Giới Thạch, tự vẽ ra “*đường lưỡi bò*” có 11 đoạn. Đến năm 1947, Trung Quốc bắt chấp luật lý tự chữa lại “*đường lưỡi bò*” có 9 đoạn. Rồi ngày 23/6/2014 Trung Quốc công bố tám bản đồ khổ dọc thì đường 9 đoạn lại chữa thành 10 đoạn, chiếm khoảng 80% diện tích Biển Đông. Từ đó, từng bước họ thực hiện âm mưu xâm chiếm. Điều này cả thế giới đều biết rõ:

- Năm 1956, lợi dụng tình hình Pháp rút khỏi Đông Dương
- Đội lính canh giữ của Pháp trên đảo Pattle được thay thế bởi đội lính canh của Việt Nam Cộng hòa (nhưng chưa kịp tiếp quản)
- Trung Quốc liền cho quân đội ra chiếm trái phép nhóm đảo phía đông của quần đảo Hoàng Sa; Đài Loan cho quân đội ra chiếm đảo Ba Bình trong quần đảo Trường Sa.

- Ngày 19 tháng 1 năm 1974, lợi dụng tình hình Mỹ phải rút khỏi Đông Dương, Trung Quốc đã dùng lực lượng hải quân và không quân đánh chiếm nhóm đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa, khi Quân đội Việt Nam Cộng hòa đang bảo vệ.

Cần biết rằng, năm 1974 trong trận Trung Quốc chiếm đảo và không cân sức này, 74 binh sĩ Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã ngã xuống, song đã không giữ được mảnh đất thiêng liêng của ông cha. Đài, báo Sài Gòn cũng đã liên tục lên án hành động xâm lược của Trung Quốc. Quần đảo Hoàng Sa từ khi ấy rơi vào tay Trung Quốc. Trong trận này còn có hơn 30 binh sĩ và nhân viên đài khí tượng bị quân Trung Quốc bắt sống, trong đó có ông Nguyễn Văn Cúc (sinh 1952), một lính công binh đã ra Hoàng Sa 3 lần trong các năm 1972, 1973 và 1974 để khảo sát, xây dựng

thêm cơ sở vật chất trên đảo, như chuẩn bị xây dựng sân bay... Hiện nay ông đang sống tại huyện Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng⁽¹¹⁾. Trước trận này còn có các cựu công dân miền Nam Việt Nam, các nhân viên khí tượng thủy văn đã từng sống và làm việc ở Hoàng Sa, như ông Nguyễn Văn Nhự (sinh 1927), nay đã 87 tuổi đang sống tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng⁽¹²⁾,...



Ông Nguyễn Văn Cúc



Ông Nguyễn Văn Nhự

– Ngày 14 tháng 3 năm 1988, Trung Quốc lại dùng vũ lực không quân và hải quân tấn công chiếm 6 điểm trên quần đảo Trường Sa. Họ đã bắn chìm 3 tàu vận tải của Hải quân Việt Nam, 64 chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã hy sinh. Từ đó, Trung Quốc ra sức củng cố các điểm này để làm bàn đạp cho những cuộc xâm lấn mới⁽¹³⁾.

Qua đó cho thấy, việc Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa và một số đảo ở quần đảo Trường Sa đã diễn ra hết sức ngang nhiên và nghiêm trọng!

Hẳn là âm mưu chiếm đóng Hoàng Sa và Trường Sa của Trung Quốc đã có từ lâu, rồi thực hiện từng bước, chiếm đóng từng phần, đến nay toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và một phần quần đảo Trường Sa của Việt Nam đã rơi vào tay Trung Quốc. Sự việc đã rõ như ban ngày! Ngay đến một vị học giả Trung Quốc là Lý Lệnh Hoa cũng đã lên tiếng phủ nhận “đường Lưỡi

(11) (12) Báo đã dẫn.

(13) Nguyễn Nhã, Nguyễn Đình Đầu, Lê Minh Nghĩa, Từ Đặng Minh Thu, Vũ Quang Việt: *Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, NXB Trẻ (tái bản lần thứ nhất).

Bờ” cùng việc lên án những hành vi sai trái của Bắc Kinh trên Biển Đông (*An ninh Thế giới*, 1-8-2012).

Vậy, tôi xin trân trọng nhắc lại rằng: Từ hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Việt Nam tạm thời chia làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời cho đến 30-4-1975, thì hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, về mặt hành chính - pháp lý là thuộc Chính phủ Việt Nam Cộng hòa quản lý, canh giữ. Vì vậy, ngày 1-6-1956 Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa Vũ Văn Mẫu đã xác nhận lại chủ quyền của Việt Nam trên cả hai quần đảo đó. Như thế, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa - cơ quan hành pháp cao nhất của một nhà nước hợp pháp được quốc tế thừa nhận, có nhiệm vụ quản lý hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam đã bị Trung Quốc dùng vũ lực đem quân xâm chiếm. Đó là chứng cứ lịch sử gần đây nhất, rõ ràng nhất, minh bạch nhất, hợp pháp nhất để khẳng định: *Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam toàn vẹn trong hơn 500 năm nay. Vậy mà Trung Quốc lại đem quân xâm lược?! Sự kiện này nhân dân cả thế giới đều biết.* Vì vậy, Việt Nam phải quyết đấu tranh thu hồi, bảo vệ toàn vẹn hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và vùng biển thuộc chủ quyền nước ta trên Biển Đông, đúng theo Công ước quốc tế về luật Biển năm 1982. *Hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông quyết không phải là vùng “tranh chấp” giữa Việt Nam và Trung Quốc.* Từ kết luận khoa học này, tôi xin nêu mấy kiến nghị sau:

3. Kiến nghị⁽¹⁴⁾

Một: Xuất phát từ quan điểm thực hiện *Hòa bình và Phát triển* của Hiến chương Liên hợp quốc (LHQ) năm 1945, tại Điều 2 - Khoản 4 *cấm sử dụng vũ lực* chống lại toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia, cũng như Nghị quyết 1514 ngày 14-12-1960 của Đại hội đồng LHQ về việc *trao trả nền độc lập* cho các nước thuộc địa (...); đồng thời, để thực hiện phương châm 16 chữ vàng (...) và với tinh thần 4 tốt: *Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác*

⁽¹⁴⁾ Các kiến nghị này, chúng tôi đã kính gửi cho Lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ từ tháng 3, 4 năm 2010.

tốt giữa Việt Nam và Trung Quốc, không lẽ gì hai nước lại không giải quyết được vấn đề này một cách công minh, theo đúng Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982. Như thế, Trung Quốc phải trả chủ quyền quần đảo Hoàng Sa và các điểm đã chiếm ở quần đảo Trường Sa cho Việt Nam. Về vấn đề này chúng tôi đã nhiều lần phân tích, chứng minh⁽¹⁵⁾, nay nhắc lại một số chứng cứ rõ ràng, cụ thể, cả xa xưa và gần đây nhất như vừa nói ở trên. Nhằm duy trì truyền thống hữu nghị tốt đẹp mà phải công bằng, chúng tôi yêu cầu: *Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa phải trả ngay quần đảo Hoàng Sa và các điểm đã chiếm ở quần đảo Trường Sa cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Giải quyết hợp lý vấn đề này là thể hiện một cách thuyết phục nhất việc thực hiện phương châm 16 chữ vàng và tinh thần 4 tốt giữa Trung Quốc và Việt Nam. Làm được như vậy, chẳng những nhân dân hai nước chúng ta mà cả nhân dân toàn thế giới đều hoan nghênh, ca ngợi.

Nhược bằng, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không chấp nhận một thực tế lịch sử hiển nhiên, đã có đầy đủ chứng lý, cả nhân chúng sống vẫn còn đó, thì để gìn giữ *Hòa bình* thế giới và *Phát triển*, chúng tôi kiến nghị: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nhanh chóng đưa vấn đề này ra LHQ, ra Tòa án Công lý Quốc tế để minh xử.

Hai: Xuất phát từ sự tôn vinh những người con đất Việt đã hy sinh xương máu và những người đã có công giữ gìn và khai thác biển đảo qua các triều đại; qua đó còn là để giáo dục các thế hệ tiếp nối truyền thống yêu nước của ông cha ta, chúng tôi trân trọng đề nghị Chính phủ có chính sách khen thưởng xứng đáng về công trạng, công tích cho họ, vì đã góp phần tích cực bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (bất kể trong điều kiện và hoàn cảnh lịch sử nào), như: 74 binh sĩ Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã hy sinh trong trận chiến đấu với đội quân xâm lược Trung Quốc đánh chiếm các đảo thuộc

⁽¹⁵⁾ PGS.TS. Lê Trọng: *Nhớ những mâm cỗ cúng vong linh binh lính Hoàng Sa, Trường Sa* (in báo *Quảng Ngãi*, số Xuân Tân Tỵ, 2001).

quần đảo Hoàng Sa ngày 19 tháng 1 năm 1974; 64 chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã hy sinh trong trận chống lại Hải quân Trung Quốc đánh chiếm một số đảo ở quần đảo Trường Sa năm 1988; các dòng họ, thôn xã, cá nhân xưa nay đã gìn giữ các văn bản, các báu vật... được các Triều đình phong kiến ban lệnh, khen thưởng, trong đó có những người có công đóng góp vào việc bảo vệ, quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là các nhà khoa học tự nhiên, khoa học xã hội thuộc các chuyên ngành: Lịch sử, Luật pháp, Ngoại giao, Địa lý, Báo chí, Văn thơ, Nghiên cứu, Quản lý... đã nghiên cứu, sưu tầm, phát hiện mới, thông tin tuyên truyền sâu rộng những chứng lý, chứng tích về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa vốn thuộc chủ quyền thiêng liêng của Việt Nam.

Ba: Trước việc Trung Quốc thường gây cản trở những hoạt động bình thường của ngư dân nước ta trên vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, chúng tôi kiến nghị Nhà nước Việt Nam phải có giải pháp hợp lý để bảo vệ *Ngư dân hành nghề an toàn trên vùng Biển Đông thuộc chủ quyền của Việt Nam*. Chúng ta không gây chiến, nhưng cần phải có những đoàn tàu kiểm ngư, phải xây dựng lực lượng Hải quân vững mạnh để bảo vệ chủ quyền biển đảo của mình.

Mặt khác, Việt Nam cùng với các nước trong khu vực và trên thế giới cần đoàn kết bảo vệ công lý, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên trên Biển Đông theo đúng Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982.

IV. PHỤ LỤC

1. Nhớ đội mâm xôi đến Nghĩa Tự làng Hải Yến (nay là xã An Hải) cúng tế lính Hoàng Sa, Trường Sa

Tôi sinh năm 1926 và lớn lên trong một gia đình gia giáo, có cha làm Hương bốn rồi Cả: ông Cả làng Hải Yến, đảo Lý Sơn.

Những năm ở tuổi lên 5 đến 19, tương ứng với thời gian 1930-1945, tôi nhớ cứ nhằm ngày 20 tháng 2 âm lịch thì tối hôm trước cha tôi khăn đóng, áo dài, cấp nách chiếc áo rộng xanh tậu đình làng Hải Yến để hầu thần và lo việc cúng *Kỷ Yên* trong đình và

cúng thể linh Hoàng Sa, Trường Sa ngoài Nghĩa Tự - nằm ở bên phải trước đình làng - hướng ra quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa trên Biển Đông. Còn mẹ tôi thì lo nồi chõ đồ xôi, gút nếp để gà gáy thì nấu và hông bằng “nếp ông bầu”? Sao cho mờ sáng thì xôi đã chín tới. Xôi được xới đầy có hình chớp trên mâm thau bằng đồng. Hơi bốc lên thơm ngát, có khối lượng nặng chừng 6kg, được đặt bằng lồng bàn hoặc chiếc nón Huế mới. Người đội mâm xôi phải là thiếu niên ở tuổi 11-16, ăn bận quần trắng, áo dài, đội khăn đóng, đi guốc. Ở tuổi đó thì nhà cha tôi có các anh Hai, Ba, Bốn rồi tôi và chú Sáu đều có đội mỗi người 4 đến 5 lần (4 đến 5 năm).

Đội xôi đi cùng với con cái các ông bà có chức sắc ở làng, nhà buôn, nhà có ghe - thuyền đi đánh cá ở biển khơi... Tôi còn nhớ, có một lần, tôi đội mâm xôi đi cùng với bạn tôi là anh Nguyễn Tam (con ông Cả Dương, nay đã là liệt sĩ) cũng đội mâm xôi đến Nghĩa Tự để cúng thể linh Hoàng Sa, Trường Sa. Trên đường đi, do tấm vải lót đầu dưới mâm xôi của bạn Tam mỏng, nên hơi nóng dội xuống, chớp đầu bị bỏng rát mà không dám kêu, vì sợ thần linh, binh lính quở trách. Anh đã cố chịu đựng để đi đến Nghĩa Tự. Khi về nhà phải đến thầy thuốc lấy thuốc chữa bỏng, những 3 tuần mới khỏi.

Khi chúng tôi đội xôi đến Nghĩa Tự, ông Hương Dịch đón nhận, ghi tên và đặt mâm xôi lên từng bàn thờ cùng với các lễ vật của làng. Chính giữa Nghĩa Tự có 3 chiếc thuyền, có hình nộm.

Chúng tôi được xếp đứng thành hai hàng về hai bên Nghĩa Tự, chấp tay đứng im lặng để theo dõi từng nghi lễ theo bản xứ... Trong lễ có chiêng trống, nhạc, đặc biệt có bài *Văn tế chiến sĩ Hoàng Sa, Trường Sa* bằng chữ Hán Nôm nghe rất cảm động..

Sau khi đọc xong *Văn cúng thể linh Hoàng Sa, Trường Sa* thì thả 3 chiếc thuyền xuống Biển Đông, nơi trước Nghĩa Tự và kết thúc buổi lễ.

Cúng lễ xong, chúng tôi lại đội y nguyên về. Nhưng trên mâm xôi lại có thêm lộc cúng là một đĩa thịt heo do làng đặt trên chiếc lá la có hình tròn, sạch đẹp.

Xôi đội về được mẹ phân chia, một phần biếu bà con thân cận, còn lại cả nhà cùng hưởng lộc (quê tôi gọi là hưởng huệ) sau lễ cúng..

Trên đây là một sự kiện, một nhân chứng lịch sử của việc đội mâm xôi đi cúng thể lính Hoàng Sa, Trường Sa ở Nghĩa tự, làng Hải Yến, đảo Lý Sơn mà chúng tôi còn mãi mãi nhớ ghi.

Những ngày kể Tết Trung thu Nhâm Thìn (9-2012)

2. Những bức công thư đánh giá giá trị tư liệu

Qua những bức công thư của UBND tỉnh Quảng Ngãi và của UBND huyện Hoàng Sa (TP. Đà Nẵng) đã thể hiện: PGS. TS. Lê Trọng - một nhà khoa học, một người con của đảo Lý Sơn đã nghiên cứu, tìm tòi và phát hiện nhiều tư liệu rất có giá trị góp phần củng cố thêm bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Đó là các văn bản:

- Văn bản của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Số: 1107/UBND-VX, ngày 06 tháng 5 năm 2009), do ông Phó Chủ tịch tỉnh Nguyễn Hoàng Sơn ký thay Chủ tịch), có đoạn: *"UBND tỉnh Quảng Ngãi nhận được văn thư của PGS.TS. Lê Trọng - Nguyên Viện trưởng Viện Phát triển Quốc tế học (IID), Giám đốc Trung tâm nghiên cứu kinh tế và xã hội nêu thêm những dữ liệu thông tin rất quan trọng về quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.*

UBND tỉnh Quảng Ngãi rất hoan nghênh và cảm ơn PGS.TS. Lê Trọng".

- Thư của UBND huyện Hoàng Sa, TP. Đà Nẵng (ngày 28 tháng 4 năm 2009, do Chủ tịch UBND huyện Hoàng Sa Đặng Công Ngữ ký), có đoạn: *"Ủy ban Nhân dân huyện Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng có nhận được văn thư của ông (Lê Trọng - BT chú), rất cảm kích và xin chân thành cảm ơn tấm lòng của ông đã hướng về Hoàng Sa, mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc".*

CÔNG CUỘC BẢO VỆ BIỂN ĐẢO TỔ QUỐC THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN ⁽¹⁾

Nguyễn Đắc Xuân

(...)

Việc gìn giữ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc diễn ra ngay dưới thời Nguyễn Hoàng (Chúa Tiên). Năm 1585, bọn cướp biển Hiễn Quý đi năm chiếc thuyền lớn, đến đậu ở Cửa Việt (Quảng Trị) để cướp bóc ven biển. Chúa Tiên sai Hoàng tử thứ sáu là Nguyễn Phúc Nguyên chỉ huy mười chiếc thuyền con thẳng đến Cửa Việt đánh tan hai chiếc. Bọn Hiễn Quý sợ hãi tháo chạy. Từ đó giặc biển im hơi⁽²⁾.

Công cuộc chiến đấu chống tàu thuyền nước ngoài xâm lấn, cướp bóc ven biển xứ Đàng Trong từ thời các chúa Nguyễn đến thời các vua Nguyễn sử sách ghi lại khá nhiều. Nhưng có lẽ trận Dũng Lễ hầu Nguyễn Phúc Tần đánh phá giặc Ô Lan (tức Hà Lan bây giờ) diễn ra vào năm 1644 tại Cửa Eo (cửa Thuận An ngày nay) vang dội thế giới nhất. Sự kiện ấy được *Phủ Biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, *Đại Nam thực lục* của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn chép đầy đủ mà tài liệu nước ngoài ghi lại sau trận đánh ấy cũng nhiều.

Đại Nam thực lục viết: “Bấy giờ giặc Ô Lan đậu thuyền ngoài biển cướp bóc lái buôn. Quan quân biển báo tin. Chúa Thượng đang bàn kế đánh dẹp. Thế tử Nguyễn Phúc Tần mật báo với Chuông cơ Tôn Thất Trung ước đưa thủy quân ra đánh, Trung lấy cớ chưa bẩm mệnh nên ngần ngại chưa quyết. Thế tử đốc xuất chiến thuyền của mình tiến thẳng ra, Trung bắt đắc dĩ cũng đốc xuất binh thuyền theo đi. Đến cửa biển thì binh thuyền của Thế tử đã ra ngoài khơi. Trung lấy cớ vầy lại nhưng Thế tử không quay lại. Trung bèn giục binh thuyền tiến theo. Chiếc

⁽¹⁾ Bài đăng trên Nhân Dân hằng tháng, Xuân Quý Ty - số 190/2-2013.

⁽²⁾ Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập một, Nxb Giáo dục, 2002.

thuyền trước sau lướt nhanh như bay. Giặc trông thấy cả sợ, nhắm thẳng phía đông mà chạy, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn. Thế tử đốc quân vây bắt. Tướng giặc thế cùng phóng lửa tự đốt chết. Thế tử bèn thu quân về.

Chúa mới nghe tin Thế tử đi có một mình cả sợ, bèn đốc xuất đại binh tiếp ứng. Vừa tới cửa biển, xa trông khói đen bốc mù trời kịp ra lệnh cho các quan trên tiến lên. Tới khi được tin thắng trận Chúa mừng lắm, kéo quân về hải đình để chờ. Thế tử đến bái yết, Chúa giận trách rằng: “Con làm Thế tử sao con không giữ mình?”. Lại thiết trách Trung về tội không bảo mệnh. Trung cúi đầu tạ tội hồi lâu; rồi nhân khen ngợi oai phong anh dũng của Thế tử không ai kịp được. Chúa cười nói rằng: “Trước kia Tiên quân ta [tức Tiên Chúa] đã từng đánh phá giặc biển, nay con ta cũng lại như thế, ta không lo gì nữa. Bèn trọng thưởng cho, rồi khiến xa giá về cung” [lúc ấy ở Kim Long]⁽³⁾.

Theo Lam Giang, *Sử Địa* số 29, Sài Gòn (1975, tr.48) có trích một đoạn nhật ký của Jean Gobyn - một thủy thủ người Hà Lan có tham gia và chết hụt trong trận này cho biết: “*Ngay từ đầu chiếc tàu chỉ huy đã bị trúng đạn, bốc cháy, chiếc thứ hai bỏ chạy va phải đá ngầm chìm nốt, chiếc còn lại chạy thoát về đảo Perles (?)*”.

Tiếng vang của trận đánh giặc Hà Lan còn vọng mãi đến mấy chục năm sau. Trong hồi ký của linh mục Vachet - người đến Đàng Trong 30 năm sau đó, có đoạn viết: “*Các tàu Hà Lan bị tiến công bởi 30 hoặc 60 tàu Đàng Trong ở cửa Song Giang (Sông Hương?) dưới sự chỉ huy của Thái tử Đàng Trong. Vì không có gió, Hà Lan gặp bất hạnh, tàu lớn nhất cháy, nổ tung, chiếc thứ hai tự vỡ vì va vào đá. Chỉ có chiếc nhỏ nhất là chạy thoát*”⁽⁴⁾.

Những sự kiện trên đây diễn ra trong vùng biển thuộc Thủ phủ Kim Long, Phú Xuân. Công cuộc bảo vệ biển đảo của Tổ quốc, các chúa Nguyễn có một lực lượng thủy quân bố trí rộng khắp. Tất

⁽³⁾ Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Sđd).

⁽⁴⁾ G.Taboulet, *La Geste Française en Indochine*, Tome I, Paris, 1955.

cả những nơi sông chảy ra biển khắp xứ Đàng Trong đều có các “cửa tấn”, những nơi hiểm yếu còn đặt một lực lượng quân đội chính quy có đủ sức gìn giữ an ninh cho vùng biển thuộc từng địa phương. Từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635 - 1648), sau đó vào thời Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687), các Chúa còn lập một lực lượng khá đặc biệt có tên là *đội Hoàng Sa*, *đội Bắc Hải* làm nhiệm vụ khai thác và kiểm soát các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. *Đội Hoàng Sa* được biên chế và tổ chức như một thủy đội biệt lập, kiêm quản luôn *đội Bắc Hải* hoạt động ở vùng đảo Trường Sa.

Năm 1754, dưới thời chúa Võ Vương (Nguyễn Phúc Khoát/ Hoat), *Đại Nam thực lục* cho biết:

*“Ở ngoài biển, về xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, có hơn 300 bãi cát (tức đảo nhỏ), cách nhau hoặc đi một ngày đường, hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy nghìn dặm, tục là “Vạn Lý Trường Sa”, trên bãi (đảo) có giếng nước ngọt. Sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vích, ba ba, v.v... Buổi quốc sơ đặt *đội Hoàng Sa* 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hằng năm, đến tháng 3, thì đi thuyền ra, độ ba đêm ngày thì đến bãi (đảo), tìm lượm hóa vật, đến tháng 8 thì về nộp. Lại có *đội Bắc Hải*, mộ người ở thôn Tứ Chánh thuộc Bình Thuận hoặc xã Cảnh Dương sung vào, sai đi thuyền nhỏ đến các xứ Bắc Hải, Côn Lôn để tìm lượm hóa vật, *đội này cũng do *đội Hoàng Sa* kiêm quản*”⁽⁵⁾.*

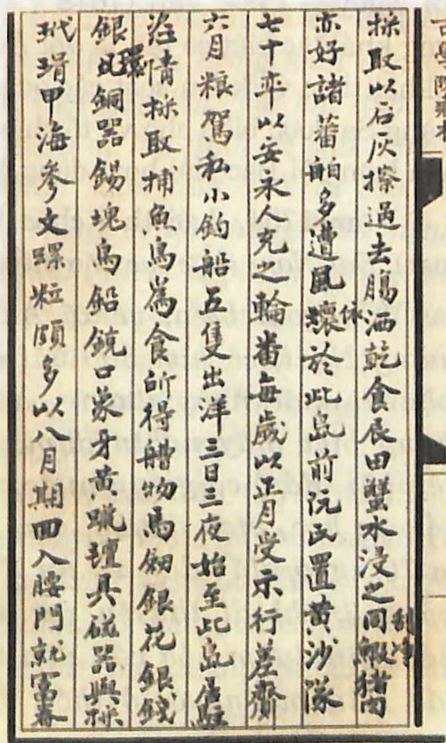
Về nhiệm vụ của *đội Hoàng Sa* được *Phủ Biên tạp lục* của Lê Quý Đôn soạn từ năm 1776, ghi chi tiết hơn:

Dịch nghĩa: “Trước họ Nguyễn đặt *đội Hoàng Sa* 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng năm chiếc thuyền nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Lấy được hóa vật của tàu, như là gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiết, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiêm,

⁽⁵⁾ Quốc Sử Quán Triều Nguyễn... (Sđd).

cùng là kiểm lượm vỏ đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa Eo (Thuận An), đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về⁽⁶⁾.

Trang 83b sách *Phủ Biên Tập Lục* của Lê Quý Đôn, (soạn từ năm 1776) viết về đội Hoàng Sa và việc ra đảo thu nhặt “hoá vật” cho phủ Chúa ở Phú Xuân.



Qua vài sự kiện lịch sử nêu trên cho ta thấy vai trò của biển đảo hết sức quan trọng đối với đất nước thời các chúa Nguyễn. Do đó, các Chúa đã xây dựng một lực lượng thủy binh đủ mạnh để giữ gìn và bảo vệ vùng đất, vùng biển đảo của Đàng Trong. Trên nền tảng đó, sau khi thống nhất đất nước (1802), nhà Nguyễn có cơ sở để tiến hành đo đạc, kiểm soát và chính thức xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam. Nhờ đó mà ngày nay chúng ta có đầy đủ tư liệu lịch sử khẳng định chủ quyền của nước ta đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo khác ở phía Nam.

⁽⁶⁾ Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tập lục*, Nxb KHXH, Hà Nội 1977.

NHỮNG BẰNG CHỨNG ĐẦY THUYẾT PHỤC VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Bùi Phúc Hải

Tổng hợp và giới thiệu

I. CÁC TƯ LIỆU, BẢN ĐỒ CHỨNG MINH CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Hàng loạt sách địa lý và bản đồ cổ của Việt Nam và nước ngoài đã khẳng định: *Hoàng Sa, Vạn lý Trường Sa*, hoặc *Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa, Bãi Cát vàng, Pracel* hay *Pracels* từ lâu đã là lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam.

Nội dung trên được thể hiện rõ trong các tư liệu, sách vở, bản đồ sau đây:

1. Tư liệu, sách vở

- "*Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*", tập bản đồ Việt Nam do Đỗ Bá Công Đạo soạn vẽ vào thế kỷ XVII.

- "*Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*", bản đồ xứ Đàng Trong do Đoàn quận công Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774.

- "*Phủ biên tạp lục*", cuốn sách do nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) soạn trong thời gian ông được triều Lê - Trịnh bổ nhiệm vào trấn trị tại phía Nam.

- "*Bản quốc địa đồ*" in trong cuốn sách "*Khải đồng thuyết ước*" được khắc in lần đầu vào năm Quý Sửu - Tự Đức thứ 6 (1853), in lại vào các năm 1879, 1881.

- Sách "*Đại Nam nhất thống chí*" do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn (có phụ lục riêng về "*Quần đảo Hoàng Sa*").

- Các sách: "*Đại Nam thực lục*" ("*Đại Nam thực lục Tiền biên*" và "*Đại Nam thực lục Chính biên*"), "*Lịch triều hiến chương loại chí*", "*Việt Nam hội lệ sự điển*", "*Việt sử thông giám cương mục*", v.v... đều có bài nói kỹ về điều kiện tự nhiên, hoạt động thăm dò, đo đạc, khai thác, tu bổ và quản giữ liên tục, hoà bình của các Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

- Nhật ký trên con tàu Amphitrite từ Pháp sang Trung Quốc (năm 1701) ghi rõ Paracels (Hoàng Sa) là một quần đảo thuộc vương quốc An Nam.

- Trong các tài liệu, sách vở của ông J.B Chaigneau, cố vấn của vua Gia Long, năm 1820 và Giám mục J.L.Taberd, năm 1837, đều chỉ rõ Pracel hay Pracels (quần đảo Hoàng Sa ngày nay) thuộc lãnh thổ Việt Nam.

- Cuốn Biên niên của Nha khí tượng Đông Dương (1940) liệt kê các thông số về thời tiết do các trạm khí tượng đo được đến ngày 31-2-1940, trong đó có *Trạm số 48859 trên đảo Phú Lâm và Trạm 48860 trên đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa; Trạm số 48919 trên đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa*. Đó là bằng chứng xác thực về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

- V.v ...

2. Những tấm bản đồ có giá trị lịch sử cao



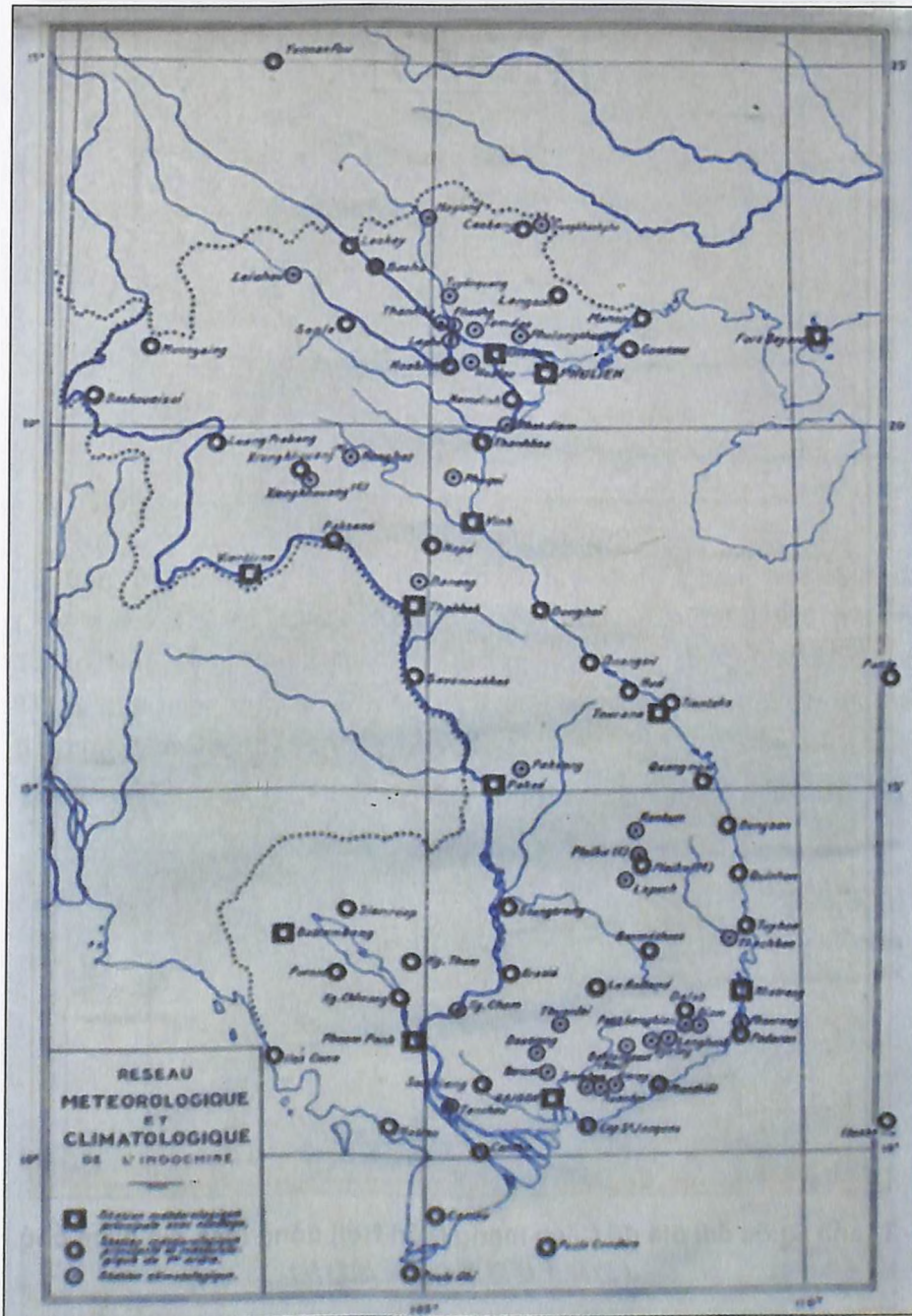
Bản đồ Đông Dương

Danvilleen vẽ năm 1735, thể hiện rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.



Đại Nam nhất thống toàn đồ

Bản đồ Việt Nam thời Nguyễn, triều Minh Mạng (1820 - 1841) đã vẽ "Hoàng Sa", "Vạn lý Trường Sa" thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam.



Bản đồ các đài khí tượng Đông Dương (năm 1940):
Đài ở Pattle (Hoàng Sa) và đài ở Itu Aba (Trường Sa)
là hai đài khí tượng cấp quan trọng nhất ở Đông Dương



An Nam đại quốc hạ đồ

Đây là bản đồ Việt Nam trong cuốn *Từ điển La tinh - Việt Nam* của Giám mục Jean Louis Taberd xuất bản năm 1838, khẳng định Cát Vàng (Hoàng Sa) là Paracels và nằm trong vùng biển Việt Nam



Thanh Quốc đại địa đồ Cách mạng (Tân Hợi) động loạn địa điểm chú
(清國大地圖革命動亂地點注)

Bản đồ do Đại Bản (Osaka) Nhật Bản tinh bản ấn loát hợp tư hội xã phát hành năm 1912 (Minh Trị tứ thập tứ niên – 大阪日本精版印刷合資会社印行, 明治四十四年). Bản đồ này vẽ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam, hiện đang lưu trữ tại Thư viện Đại học California (Hoa Kỳ).



Bản đồ tỉnh Quảng Đông

Bản đồ in trong sách *"Đại Thanh đế quốc phân tỉnh tỉnh đồ"* (大清帝國分省精圖, Tác giả Y Điền Hùng Phủ; Nhà xuất bản Đông Kinh, Tokyo, Nhật Bản; Phú Sơn Phòng thư cục xuất bản tháng 5/1907 - Minh Trị tứ thập niên ngũ nguyệt), chỉ rõ: Cực nam của Trung Quốc đến hết đảo Hải Nam.



Đại Thanh quốc toàn đồ (大清國全圖)

Bản đồ này in trong sách *"Đại Thanh đế quốc phân tỉnh tỉnh đồ"* (nội dung thông tin về xuất bản như trên), cũng chỉ rõ: Cực nam của Trung Quốc đến hết đảo Hải Nam.



Bản đồ Partie de la Chine⁽¹⁾

Tấm bản đồ này trong khoảng từ 18° - 21° vĩ Bắc và 106° - 114° kinh Đông vẽ khu vực Quảng Đông và đảo Hải Nam, cho biết biên giới cực nam của Trung Quốc chưa chạm đến 18° vĩ Bắc. Còn quần đảo Hoàng Sa (Paracels) của Việt Nam nằm trong khoảng 16° - 17° vĩ Bắc, 109° - 111° kinh Đông.



Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Bắc Sơn tiếp nhận bộ *Atlas thế giới* từ ông Ngô Chí Dũng (bên trái) Tổng Giám đốc Công ty Dược phẩm ECO, ngày 13 tháng 5 năm 2014.

Ảnh : Công ty dược phẩm ECO cung cấp

⁽¹⁾ Bản đồ *Partie de la Chine* in trong bộ *Atlas thế giới* của Philippe Vandermaelen (1795-1869), nhà Địa lý học kiệt xuất, thành viên Hội Địa lý Paris, xuất bản tại Bruxelles (Bỉ) năm 1827, gồm 6 tập với 7 bản đồ chung của 5 châu lục, được vẽ thống nhất theo tỷ lệ 1/1641836, kích thước 53,5x37cm, có thể ghép lại thành quả địa cầu đường kính 7,755m. Bộ *Atlas* này rất nổi tiếng, được khai thác sử dụng ở nhiều nước trên thế giới trong gần 200 năm qua. Ông Ngô Chí Dũng, Tổng Giám đốc Công ty Dược phẩm ECO đã tài trợ kinh phí mua trọn bộ bộ *Atlas* ở thành phố Gent (Bỉ) về tặng cho Tổ quốc.



Bản đồ China Proper

Tấm bản đồ *China Proper* (Trung Quốc đích thực), do nhà bản đồ học người Pháp Jean-Baptiste Bourguignon d'Anville vẽ, dựa trên các cuộc khảo sát địa lý do các nhà truyền giáo Dòng Tên thực hiện trước đó, được một nhà xuất bản ở Đức xuất bản năm 1735. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam không hề có trong tấm bản đồ này.

Tấm bản đồ cổ "*China Proper*" do nữ Thủ tướng Đức Angela Merkel tặng Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sau tiệc chiêu đãi 28/3/2014 tại Berlin.



(Ảnh: Getty Images; Tin: TS.Trần Đức Anh Sơn, Tuổi Trẻ Online).

3. Qua triển lãm, hội thảo

a. Triển lãm "Hoàng Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử"



Triển lãm "Hoàng Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử" tổ chức tại Đà Nẵng từ 29/4 - 15/5/2013^(*). Hàng trăm bản đồ, tư liệu, hiện vật về chủ quyền biển đảo được trưng bày. Chủ tịch UBND huyện Hoàng Sa, ông Đặng Công Ngữ nói: "Hoàng Sa, Trường Sa là vùng lãnh thổ của Việt Nam, nhưng Nhà nước Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm đóng trái phép và liên tục đưa ra các tuyên bố chủ quyền phi pháp".

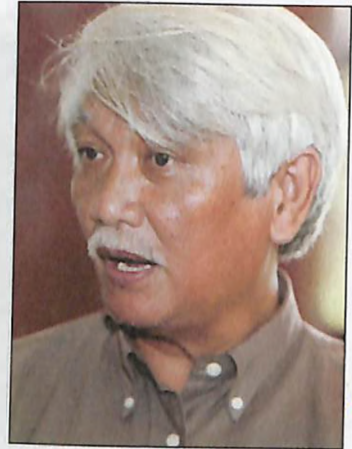


Tại cuộc triển lãm "Hoàng Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử", các vị khách quốc tế tìm hiểu cận kề các bằng chứng lịch sử khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa trên tấm bản đồ cổ.

(Hai ảnh trên của Hải Châu)

(*) Tiếp theo là các cuộc triển lãm "Hoàng Sa, Trường sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử" tổ chức tại Hà Tĩnh (6/2013), Hà Nội (7/2013), TP. Hồ Chí Minh (22-29/8/2013)...; triển lãm "Hoàng Sa, Trường sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý" tổ chức tại TP. Tuy Hoà, Phú Yên (3/2014), đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi (7/2014)...

Có mặt trong Lễ bàn giao Bản đồ cổ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* do chính Trung Quốc xuất bản năm 1904 cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, nhà sử học Dương Trung Quốc khẳng định: “Bản đồ được xem là một trong những tư liệu lịch sử, cho nên việc sưu tập bản đồ là hết sức cần thiết trong công tác nghiên cứu nói chung, trong đó có những vấn đề liên quan đến chủ quyền. Chúng ta biết rằng, việc xây dựng một tấm bản đồ chẳng hạn như Bản đồ *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* mang tính khoa học cao, do vậy cũng có tính thuyết phục rất cao”.



Nhà sử học
Dương Trung Quốc
Ảnh Việt Dũng



Tại Bảo tàng Đà Nẵng, nguyên Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng CSVN Lê Khả Phiêu (*người đứng thứ 3 hàng đầu từ trái sang*) xem các tài liệu lịch sử khẳng định Trung Quốc không có Hoàng Sa.

Ảnh Nguyễn Đông

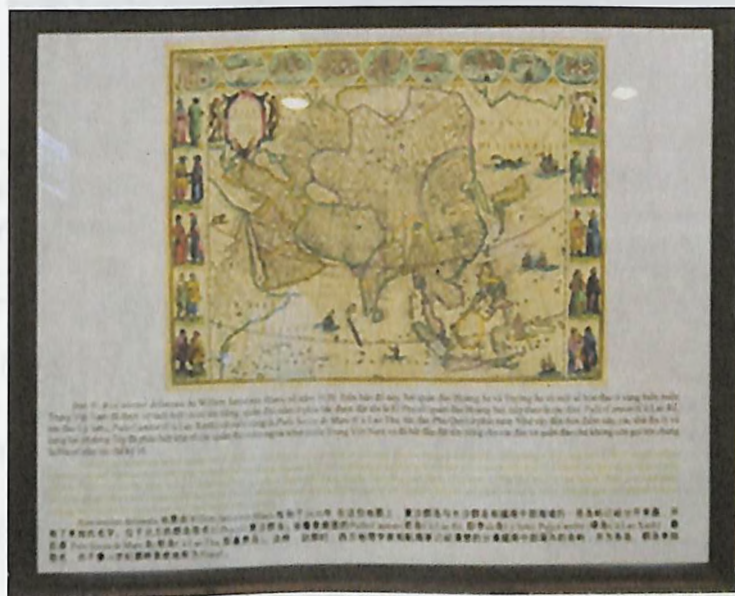
b. Hội thảo quốc tế “Hoàng Sa-Trường Sa: Sự thật lịch sử”

Hội thảo quốc tế *“Hoàng Sa - Trường Sa: Sự thật lịch sử”* diễn ra tại TP. Đà Nẵng từ 19 – 21/6/2014, do Bảo tàng Đà Nẵng phối hợp với trường Đại học Đà Nẵng, trường Đại học Phạm Văn Đồng (Quảng Ngãi) và Hội Khoa học Lịch sử Đà Nẵng đồng tổ chức, có sự tham dự của gần 100 đại biểu gồm các học giả, nhà nghiên cứu quốc tế đến từ Mỹ, Pháp, Đức, Ấn Độ, Úc, Philippines... và Việt Nam. Hội thảo đã đề cập đến nội dung quan trọng: *Các bằng chứng lịch sử, pháp lý về chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa.*

Ngày 21/6/2014, tại Bảo tàng Đà Nẵng đã khai mạc triển lãm *“Hoàng Sa - Trường Sa: Phần lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam”*. Tất cả các tư liệu trưng bày đều có giá trị lịch sử, pháp lý cao. Đó là những văn bản hành chính cấp nhà nước (Châu bản triều Nguyễn: chiếu, biểu, sắc, dụ...); các công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và nước ngoài; hơn 200 bản đồ của Việt Nam và các nước; nhiều hình ảnh, hiện vật về Hoàng Sa - Trường Sa (*Bộ hồ sơ đèn biển ở Hoàng Sa do Pháp xây dựng 1937-1939, Bộ hồ sơ khí tượng Đông Dương do Phủ Toàn quyền xuất bản 1942, v.v...*) đều tập trung làm rõ: *Việt Nam đã khai phá, xác lập và thực thi chủ quyền ít nhất từ thế kỷ XVI đối với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa.*



Triển lãm quốc tế *“Hoàng Sa-Trường Sa: Phần lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam”* có nhiều học giả nổi tiếng thế giới như Giáo sư Úc Carl Thayer (thứ hai từ phải sang), Tướng Pháp Daniel Schaeffer (thứ ba từ phải sang) tham gia.



Bản đồ *Asia noviter delineata* do Willem Janzoon Blaeu vẽ năm 1630. Trên tấm bản đồ này, hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và một số hòn đảo ở vùng biển miền Trung Việt Nam được vẽ tách biệt và có tên riêng.



Tấm bản đồ do Van Lochem (Hà Lan) tạo tác vào năm 1640 cho thấy Trung Quốc không có chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa.



Tấm bản đồ trên chỉ rõ Hoàng Sa, Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam do Thủ tướng vương quốc Hà Lan Mark Rutte tặng cho Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, trong chuyến thăm của Thủ tướng vào năm 2011



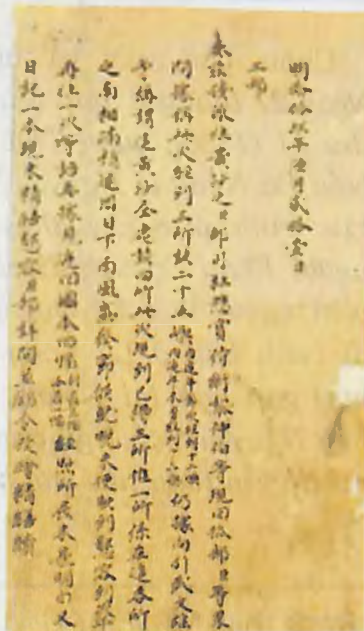
Bản đồ của Trung Quốc và Nhật Bản xuất bản năm 1947 thể hiện rõ phần lãnh thổ của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam; Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam không có trong tấm bản đồ này.

(Những ảnh trên lấy từ các nguồn thông tin về cuộc triển lãm
"Hoàng Sa - Trường Sa: Phần lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam")

II. NHỮNG “CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN” - NGUỒN SỬ LIỆU CÓ GIÁ TRỊ

**Châu bản triều Nguyễn
ngày 21 tháng 6
năm Minh Mệnh thứ 19 (1838)**

Châu bản này có nội dung: *Bộ Công tâu trình đoàn đi khảo sát Hoàng Sa lần này có Ngoại lang Đỗ Mậu Thường, Thị vệ Lê Trọng Bá là người của Bộ. Đoàn khảo sát được 25 đảo thuộc vùng thứ 3, vẽ được 4 bản đồ mang về (có 3 bức vẽ riêng từng vùng, một bức vẽ chung). Bộ Công tâu xin cho họ chỉnh sửa hoàn chỉnh để dâng trình.*⁽¹⁾



⁽¹⁾ *Châu bản triều Nguyễn* là các bản tấu sớ, sắc, dụ, chiếu, chỉ, tờ trình, văn bản ngoại giao... của triều đình Nguyễn được Vua ngự lãm hoặc ngự phê. Những lời phê của Vua đều bằng chữ son nên gọi là Châu phê hoặc Châu bút. Văn bản đã có Châu phê thì gọi là *Châu bản*.

Châu bản là nguồn sử liệu đặc biệt có giá trị, vì các tài liệu đó hầu hết đều ra đời đồng thời với các sự kiện lịch sử, nên nó phản ánh khách quan, chân thực các sự kiện; lại là loại văn bản hành chính pháp lý Nhà nước cao nhất (được Vua ngự phê), và do đó nó có độ tin cậy cao nhất.

Châu bản triều Nguyễn chứa đựng nhiều thông tin khẳng định chủ quyền biển đảo của ta, hiện Trung tâm Lưu trữ quốc gia I còn lưu trữ 19 Châu bản có nội dung tâu Vua về những việc thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa.

Qua đó, GS. Đinh Xuân Lâm khẳng định: “*Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận không tách rời của Việt Nam. Triều đình coi đây là đất của mình và có trách nhiệm với đất của mình*”; GS. Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam nói: “*Đây là những tư liệu đặc biệt quan trọng khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi được của đất nước ta với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa*”.

Châu bản triều Nguyễn là tư liệu lịch sử vô cùng quý giá không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với thế giới. Vì vậy, tư liệu lịch sử này đã được UNESCO trao Bằng “*Di sản tư liệu Châu bản triều Nguyễn*” thuộc

**Châu bản triều Nguyễn
ngày 27 tháng 6
năm Minh Mệnh thứ 11 (1830)**

Châu bản này có nội dung:
*Ngày 27 tháng 6 năm Minh Mệnh
thứ 11 (1830), quan Thủ ngự của
biển Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngũ
tâu trình việc chủ thuyền buôn
người Pháp Đô-ô-chi-li cùng phái
viên người Việt Lê Quang Quỳnh
đi buôn bán ở Lữ Tống (Phi-líp-
pin) gặp nạn tại Hoàng Sa. Thủ
ngự Nguyễn Văn Ngũ được báo đã
sai thuyền tuần tiêu cứu họ.*



chương trình “Ký ức thế giới” khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngày 30 tháng 7 năm 2014, Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, bà Katherine Muller Marin đã trao Bằng “Di sản tư liệu Châu bản triều Nguyễn” cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam, ông Nguyễn Thanh Bình. Tham dự Lễ đón Bằng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, ông Hoàng Tuấn Anh phát biểu và nhấn mạnh: “Châu bản triều Nguyễn mang giá trị lịch sử vô giá về chủ quyền lãnh thổ, biên giới và biển đảo của nước ta. Châu bản triều Nguyễn được UNESCO công nhận là “Di sản tư liệu” thế giới càng làm tăng thêm giá trị của Châu bản triều Nguyễn trong việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa”. Tại buổi Lễ, Giáo sư Phan Huy Lê nói: “Châu bản là văn bản có dấu Châu phê do Hoàng đế phê duyệt, kèm dấu ấn của Vương triều. Khi vinh danh, UNESCO đã nhấn mạnh giá trị của Châu bản theo tiêu chí tư liệu thế giới: tính xác thực, đặc biệt quý hiếm và có ý nghĩa quốc tế”... “Triều Nguyễn đã nâng tầm quản lý Trường Sa, Hoàng Sa lên vị trí cao nhất. Tất cả các văn bản (Châu bản - BT) liên quan đến Trường Sa, Hoàng Sa đều phải dâng trình lên Nhà vua và được Nhà vua phê chuẩn. Đồng thời, Châu bản đã cho thấy một phương thức quản lý, thể hiện chủ quyền mạnh mẽ của triều Nguyễn đối với Trường Sa, Hoàng Sa: từ việc cử đoàn thuyền (đi thực thi nhiệm vụ - BT), đến việc thám hiểm, đo đạc các đảo...”.

Châu bản triều Nguyễn ngày 13 tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 16 (1835)

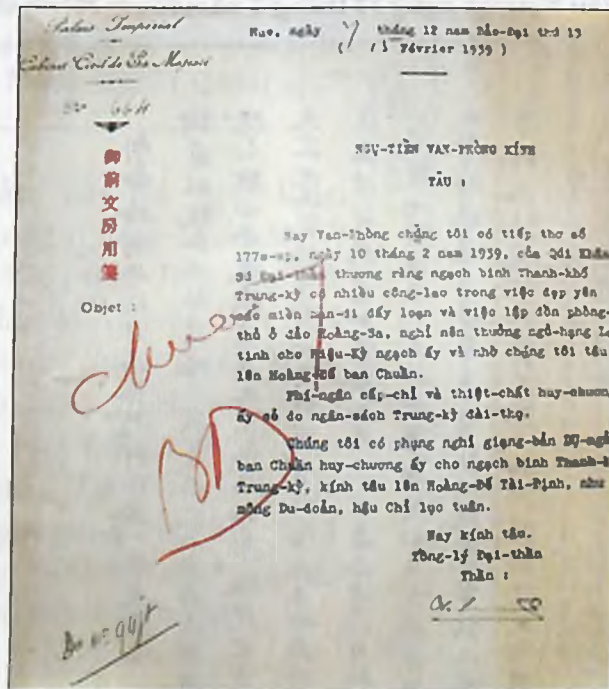
481
 明命拾捌年柒月拾叁日
 何維藩 李文顯奉
 上諭前經派出水師監城武廣歲平文二省兵民船收歇往黃沙相度
 現已歇回除該歇需延之京派水師率隊完文市省派向引武文雄范
 文星飛工劉德直該四名雖有旨收責外至如在行兵民洋程跋涉亦
 屬艱勞所應量加賞給加恩兵丁著各賞一月餉銀民夫著各賞錢
 二貫就中省派之民夫船渡者即放回生業再原監城紀弁張日帥前
 于督辦該城火藥庫意營私以致糜費該工之案得新監候去年
 曾經派往黃沙五品定城工効力頗著茲又派校相度雖可經沙歇

Châu bản này có đoạn:

“Nội Các vâng mệnh truyền dụ:

Những người đi thực hiện công vụ ở Hoàng Sa được Nhà vua ban thưởng. Cai đội Phạm Văn Nguyên được phái đi Hoàng Sa, khi trở về dềnh dàng quá hạn, đã có chỉ giao cho Bộ trị tội. Nhưng qua tra xét chưa thấy có biểu hiện làm việc riêng tư. Vả lại, lần này được phái đi ra biển thực hiện công vụ chu đáo, rất đáng được dự thưởng.

...Còn về các viên có trách nhiệm vẽ bản đồ là Giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiễn, Nguyễn Văn Hoàng vẽ bản đồ chưa rõ ràng cũng bị phạt 80 trượng nhưng đều chuẩn cho tha...”.



Huế, ngày 27 tháng 12 năm Bảo-Đại thứ 13
(15 - 2- 1939)

NGUYỄN VĂN-TRƯỜNG KINH
TÁU:

Nay Văn-Phòng chúng tôi có tiếp thư số 177a-sp, ngày 10 tháng 2 năm 1939, của Quý Khâm-Sứ Đại-thần thương rằng ngạch binh Thanh-khố Trung-kỳ có nhiều công-lao trong việc dẹp yên các miền man-di đầy loạn và việc lập đồn phòng-thủ ở đảo Hoàng-Sa, nghĩ nên thưởng ngũ-hạng Long-tinh cho Hiệu-Kỳ ngạch ấy và nhờ chúng tôi tấu lên Hoàng-Đế ban chuẩn.

Phí-ngân cấp-chỉ và thiết-chất huy-chương ấy sẽ do ngân-sách Trung-kỳ đài-thọ.

Chúng tôi có phụng nghi giọng-bản Dự-ngũ ban Chuẩn huy-chương ấy cho ngạch binh Thanh-khố Trung-kỳ, kính tấu lên Hoàng-Đế Tài-Định, như nông Du-đoản, hậu chỉ lục tuân.

Nay kính tâu.
Tổng-lý Đại-thần
Thần:
Phạm Quỳnh

III. CỬU ĐỈNH - BÁU VẬT THỜI NGUYỄN⁽¹⁾ KHẮNG ĐỊNH CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO



Cửu đỉnh (9 đỉnh đồng) đặt tại phía nam Kinh thành Huế.

Ảnh tư liệu

(1) Cửu đỉnh (9 đỉnh đồng) được đúc dưới thời vua Minh Mệnh, thực hiện trong 2 năm (1835 – 1837). Cửu đỉnh đặt ở phía nam Kinh thành Huế, tại vị trí trước Thế Miếu, nơi thờ các vua triều Nguyễn và đều đối diện, song song với các án thờ vua bên trong Thế Miếu.

Ở mỗi đỉnh đều chạm 17 hình ảnh thắng cảnh, sản vật của đất nước, thể hiện sự giàu đẹp của non sông Việt Nam.

Biển Đông (bao gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa) đã được chạm nổi trên Cửu đỉnh từ đầu thế kỷ XIX.

Vua Minh Mệnh đã cho khắc 3 vùng biển của Tổ quốc lên 3 đỉnh cao, to và quan trọng nhất: *Biển Đông* ở Cao Đỉnh, *Biển Nam* ở Nhân Đỉnh, *Biển Tây* ở Chương Đỉnh.

Qua đó cho thấy từ thời các vua Nguyễn, vấn đề về chủ quyền biển đảo của Việt Nam đã được Nhà nước hết sức coi trọng đề cao.



Ở mỗi Đỉnh đều có 17 hình ảnh thắng cảnh, sản vật thể hiện sự giàu đẹp của đất nước Việt Nam.

Ảnh tư liệu



Ảnh trên là hình chạm nổi Đông Hải (biển Đông) trên Cao Đỉnh, thể hiện lãnh thổ Việt Nam bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa.

Ảnh tư liệu

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ BIỂN ĐÔNG⁽¹⁾

Nhà văn Hoàng Quốc Hải

SM: Nhà văn Hoàng Quốc Hải là nhà tiểu thuyết lịch sử đương đại nổi tiếng với hai bộ tiểu thuyết đồ sộ về hai thời đại Lý - Trần có tựa đề “TÁM TRIỀU VUA LÝ” và “BÃO TÁP TRIỀU TRẦN” gồm 10 tập, dung lượng trên 6.500 trang với khoảng thời gian gần 400 năm. Xin mượn lời của nhà văn, nhà giáo dục Phạm Toàn để nói về ông: “Chỉ những nghệ sĩ chân chính mới có nỗi đau phải đào sâu vào khoa học lịch sử chẳng kém một nhà sử học ưu tú nhất. Song họ lại hơn đời ở một nỗi ưu tư nên họ mới làm ra được tác phẩm nghệ thuật có đề tài lịch sử”.

Sự thật là từ trước năm 1946, trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn không có yếu tố nước ngoài chen vào vấn đề chủ quyền, mà chỉ có người Việt Nam chiếm hữu từ thế kỷ XVII. Còn vào cuối thế kỷ XIX, sau khi xâm chiếm xong Việt Nam thì người Pháp với tư cách thay mặt Chính phủ Nam triều mới quản lý hai quần đảo ấy.

Năm 1939, quân Nhật đổ bộ lên chiếm một phần đảo Hoàng Sa và hàng loạt đảo Bành Hồ, Mã Tổ, Đài Loan, Hải Nam của Trung Quốc vừa làm bàn đạp tấn công lục địa Trung Hoa, vừa khống chế bờ tây Thái Bình Dương đối chọi với Mỹ đang thống lĩnh bờ đông Thái Bình Dương. Ngay trong thời gian quân Nhật chiếm đóng Hoàng Sa, thì phía người Pháp và cả người Việt vẫn điều hành trạm khí tượng và cây đèn biển trên quần đảo này. Năm 1945 các nước phát xít Đức - Ý - Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung Hoa dân quốc do Tưởng Giới Thạch đứng đầu thuộc Đồng minh, nên được phân công giải giáp quân đội Nhật.

Đến đầu năm 1950, quân Trung Hoa dân quốc đã rút lui khỏi vùng đảo này. Còn đồn binh của quân Pháp vẫn đóng trụ trên quần đảo Hoàng Sa. Tuy nhiên đầu năm 1956, Trung Hoa

⁽¹⁾ Trích nội dung Nhà văn Hoàng Quốc Hải trả lời phỏng vấn nhóm phóng viên *Sống mới*, 2012 (đầu đề do BT đặt).

dân quốc lại tái chiến đảo Ba Bình thuộc Trường Sa, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chiếm đảo Phú Lâm thuộc Hoàng Sa; cả hai bên Trung Hoa đều chiếm đóng trái phép một phần lãnh thổ do Việt Nam quản lý liên tục suốt từ thế kỷ XVII.

Đường 9 đoạn trên bản đồ do Trung Quốc vẽ hiện nay là kế thừa *Đường 11 đoạn* do một người thuộc chính quyền Trung Hoa dân quốc tự vẽ ra, xuất hiện công khai lần đầu tiên năm 1948. Lai lịch tấm bản đồ này rất mơ hồ, nó không có xuất sứ lịch sử, không có giới hạn địa lý theo kinh độ, vĩ độ và tọa độ. Sở dĩ hiện nay nó chỉ còn 9 đoạn là do 2 đoạn trùn lên Vịnh Bắc Bộ của Việt Nam, sau khi đã phân chia giữa Việt Nam và Trung Hoa thì người Trung Hoa lại tự xóa đi 2 đoạn⁽²⁾.

Trung Quốc không hề có một bằng chứng lịch sử nào khả tín như sử sách của họ có ghi chép cụ thể về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, hoặc có thực tế chiếm hữu và khai thác; hoặc chí ít là bia chủ quyền; điều có thể thuyết phục nữa là bản đồ hành chính hoặc bản đồ địa lý quốc gia. Tất cả những yếu tố tối thiểu để chứng minh quyền làm chủ của Trung Quốc trên hai quần đảo này đều không có. Mà tất cả chỉ là những căn cứ vu vơ. Ví như: “Trung Quốc đã hành xử chủ quyền biển Nam Trung Hoa từ thời nhà Tống (960 -1279)”, hoặc “Thời Minh Vĩnh Lạc (1403 – 1427), hạm đội của Trịnh Hòa đã đi khảo sát tại vùng biển Đông Nam Á...”.

Đúng là Trịnh Hòa có đem quân đi giễu võ dương oai tại vùng Đông Nam Á, nhưng không vẽ được bản đồ, không có dấu ấn gì ghi chép tại mấy nước này, trái lại khi quân của Trịnh Hòa tiến vào Trảo Oa (Java) bị dân địa phương đánh đuổi giết chết tới 170 người Trung Quốc, khiến Trịnh Hòa phải tháo lui. Và sang đời Minh Tuyên Đức thì nhà Minh phải bãi bỏ chương trình rất tốn kém của Trịnh Hòa.

⁽²⁾ Khi Trung Quốc công bố tấm bản đồ khổ dọc (ngày 23 tháng 6 năm 2014), thì *Đường 9 đoạn* lại chữa thành *Đường 10 đoạn* - BT chú thích.

Còn như “*Hoàn Cầu thời báo*” nói: “Trung Quốc đã hành xử chủ quyền biển Nam Trung Hoa từ thời nhà Tống” thì quả là họ nói liều và họ chẳng hiểu gì về lịch sử cha ông họ. Nên nhớ, trước cuộc xâm lăng Đại Việt năm 1076, triều đình nhà Tống bàn cãi rất nhiều. Các đại thần nhà Tống rất sợ giao chiến với người Giao Chỉ (xưa họ gọi nước ta là xứ Giao Chỉ). Lễ bộ thị lang Vương Thiệu đã tranh biện kịch liệt với bọn người hiếu chiến và khăng định “Chớ nên gây việc binh đao với người Giao Chỉ”. Còn Triều Bỗ Chí, một văn quan thì dưng sớ trần tình mọi nhẽ can ngăn Vương An Thạch và Tống Thần Tông chớ nên gây chiến với người Giao Chỉ. Bởi lẽ người Tống không quen thạo đường biển. Ông nói: “Quân Tống nhát sóng, hơi có gió đã sợ rồi, không biết sẽ chiến đấu làm sao? Còn người Giao Chỉ, họ giỏi thủy chiến. Từ xưa truyền lại rằng người Việt lặn xuống nước đục thuyền địch lật úp. Đỗ Mục nói họ có kẻ đi chìm dưới đáy bể tới năm mươi dặm mà không thở...”.

Phải nói nhà Tống là một thời đại yếu hèn, hết bị nước Kim đến nước Liêu, nước Hạ chèn đánh. Nhà Tống vừa phải cắt đất cầu hòa vừa phải triều cống. Sự suy thoái triều miên ấy dẫn toàn bộ nước Trung Hoa vào vòng thống trị của người Mông Cổ tới cả trăm năm. Trận quyết chiến cuối cùng năm 1279, quân Mông Cổ chìm chết 10 vạn quân Tống trong Vùng biển Nhai Sơn, tể tướng nhà Tống là Lục Tú Phu phải cõng vua Tống nhảy xuống biển tự tử.

Thử hỏi một đất nước như thế làm sao mà “hành xử chủ quyền” trên “biển Nam Trung Hoa” được?

Mới đây Tiến sĩ Hán - Nôm Mai Hồng đã hiến tặng cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia tám bản đồ lãnh thổ Trung Quốc “*Hoàng Triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” do Nhà xuất bản Thượng Hải ấn hành năm 1904, ghi rõ cực Nam của Trung Quốc là đảo Hải Nam.

Nên nhớ đây là bản đồ “*địa dư toàn đồ*” nên không có thể nhầm lẫn hoặc bỏ sót một địa danh nào. Vả lại, tạo tác bản đồ này gồm các học giả nổi tiếng của Trung Quốc và các Giáo sĩ - những chuyên gia phương Tây hợp tác thực hiện. Thêm vào đó, sách “*Trung Quốc địa lý học giáo khoa thư*” biên soạn năm 1905, xuất bản năm 1906 có ghi: “Phía Nam từ $18^{\circ}13'$ vĩ Bắc tận cùng là bờ biển Nhai Châu” (Nhai Châu tức Hải Nam)... Vậy là, cả bản đồ *chi tiết về lãnh thổ* và sách *giáo khoa* của người Trung Quốc đều xác nhận Hải Nam là đất tận cùng giáp biển. Tuyệt nhiên không thấy có tên Hoàng Sa, Trường Sa xuất hiện trên bản đồ ấy.



Sách “*Trung Quốc Địa lý học giáo khoa thư*”, phát hành năm 1906, nêu ở trang 241 rằng: “điểm cực Nam của Trung Quốc là bờ biển Nhai Châu đảo Quỳnh Châu, ở $18^{\circ}13'$ vĩ Bắc”.

Cái tên Tây Sa (tức Hoàng Sa) và Nam Sa (tức Trường Sa) chỉ mới xuất hiện trên thư tịch Trung Quốc từ năm 1947. Và mãi tới năm 1980, ngày 30 tháng 1, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa mới lần đầu tiên đưa ra văn kiện có hệ thống đầy đủ của Bộ Ngoại giao về chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường

Sa của Việt Nam, mà phía Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa, trong khi Việt Nam đã chiếm hữu và khai thác hai quần đảo ấy liên tục từ thế kỷ XVII cho tới khi Trung Quốc dùng vũ lực cưỡng chiếm.

Ta có thể tham khảo thêm một số bản đồ cổ của Trung Quốc ví như “*Dư địa đồ*” bản đồ của Trung Quốc vẽ đời Nguyên của Chu Tự Bản, được thu nhỏ trong sách “*Quản Như Đồ*”, quyển 1 của La Hồng Tiên biên soạn năm 1561, phần cực nam lãnh thổ Trung Quốc là đảo Hải Nam.

Trong “*Hoàng Minh đại thống nhất tông đồ*”, quyển 1 của Trần Tổ Thụ đời Minh soạn năm 1635, phần lãnh thổ cực nam của Trung Quốc ghi là đảo Hải Nam.

Trong danh mục bản đồ các đời mà Trung Quốc vẽ hiện đang lưu giữ trong “*Bắc Kinh tứ khố*” còn vô vàn, nhưng chẳng có một chiếc nào đã động đến Trường Sa, Hoàng Sa của Việt Nam hoặc Tây Sa, Nam Sa như Trung Quốc gọi.

Trên đây tôi chỉ nêu ba tấm bản đồ tiêu biểu của Trung Quốc, do người Trung Quốc vẽ qua các thời đại Nguyên, Minh, Thanh từ thế kỷ XIV đến đầu thế kỷ XX. Ngoài ra còn vô số các bản đồ do các nhà truyền giáo phương Tây, các nhà thám hiểm, nhà buôn vẽ đều ghi nhận đảo *Cát Vàng* thuộc về nước Đại Nam.

Một số chứng cứ nữa nói lên người Trung Quốc thừa nhận đảo Cát Vàng (Hoàng Sa) là của Việt Nam: Vào năm 1895 tàu Bellona của Đức bị vấp đá ngầm và chìm tại quần đảo Hoàng Sa, đã đánh tín hiệu cấp cứu cho Hải Nam mà không được đáp ứng. Trước đó, năm 1890 tàu Himeji của Nhật Bản cũng bị đắm ở Hoàng Sa, gửi tín hiệu cho Hải Nam đều không được phía Trung Quốc cứu hộ. Trái lại ngư dân của họ lại từ Hải Nam ra hôi của, như đồng và các hàng hóa khác. Nhân hai sự vụ này, Chính phủ Anh gửi công hàm phản kháng. Phía Trung Quốc tuyên bố chính thức là *quần đảo này không thuộc về Trung Quốc*.

Với các thư tịch Việt Nam, trong “*Phủ biên tạp lục*” nhà bác học Lê Quý Đôn có đoạn viết: “Tôi đã từng thấy một đạo

công văn của quan chánh đường, huyện Văn Xương, Quỳnh Châu ⁽³⁾ gửi cho Thuận Hóa nói rằng: “Năm Càn Long thứ 18⁽⁴⁾ có 10 tên quân nhân xã An Vĩnh đội Cát Liêm huyện Chương Nghĩa phủ Quảng Ngãi nước An Nam, ngày 7 đến đến Vạn Lý Trường Sa tìm kiếm các thứ, có 8 tên lên bờ tìm kiếm, chỉ để hai tên giữ thuyền, bị gió giựt đứt dây thuyền dạt vào Thanh Lan cảng, quan ở đây xét thực đưa trả về nguyên quán. Nguyễn Phúc Chu sai cai bạ Thuận Hóa là Thúc Lương hầu làm thư trả lời”.

Ta có vô vàn tài liệu ghi chép rất cụ thể ngày tháng năm Chúa Nguyễn, sau này là các Vua triều Nguyễn sai lập Hải đội Hoàng Sa để thực thi các việc, như đo đạc các đảo, đo đạc thủy triều, hướng gió, lập miếu thờ thần, trồng cây, dựng bia chủ quyền, khai thác các hải sản quý như hải sâm, đồi mồi... thu gom các hàng hóa và vật dụng do các tàu thuyền nước ngoài gặp nạn dạt vào đảo. Quý hơn nữa là các *châu bản*, ví như các chiếu, cáo, dụ, sắc, có ấn tín của Nhà vua sai phái người đi công vụ ở Hoàng Sa, hoặc các biểu tấu của mấy tỉnh ven biển tâu báo về công việc có liên quan đến Hoàng Sa được Nhà vua phê duyệt. Cũng có nhiều sắc khen cho Hải đội Hoàng Sa hoặc các cá nhân mẫn cán có công trong Hải đội Hoàng Sa được Vua sắc ban khen tặng. Những văn bản đó gọi là *châu bản*. Châu bản cùng các giấy tờ do Vua ban khen hiện còn khá nhiều trong các gia đình. Đó là những vật gia bảo được nối đời nâng niu lưu giữ.

Ngoài ra còn các tài liệu do người Pháp đo đạc, khảo sát trên hai quần đảo này từ năm 1933, kể cả nhật ký của những người Pháp, người Việt làm việc trên đảo này từ trước cho đến ngày 19 tháng 1 năm 1974, là ngày quân xâm lược Trung Quốc dùng lực lượng hải quân áp đảo cưỡng chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa từ tay Quân lực Việt Nam cộng hòa.

⁽³⁾ Tức đảo Hải Nam..

⁽⁴⁾ Tức năm 1755, tương đương với thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát trị vì ở Đàng Trong.

Thêm vào đó còn có nhiều ghi chép, kể cả những bản đồ do người ngoại quốc viết và vẽ về quần đảo Hoàng Sa.

Trong tay ta có cả một khối tư liệu lịch sử, pháp lý vô cùng phong phú và chân xác về chủ quyền biển đảo thiêng liêng. Những nội dung quan trọng đó cần được phổ cập trong nhà trường và nói chung là phổ biến cho mọi người dân Việt Nam đều biết về hình hài Tổ quốc mình. Hơn nữa, còn làm tài liệu cho nhân dân thế giới biết được đâu là thực hư, phải trái.

Tài liệu lịch sử thì nhiều không thể trích hết, tôi chỉ xin giới thiệu hai bản sách phổ cập nhất là *"Phủ biên tạp lục"* - quyển 1 của học giả Lê Quý Đôn có nói kỹ về Phủ Quảng Ngãi và *Đảo Cát Vàng* (Hoàng Sa).

Thứ nữa là sách *"Đại Nam nhất thống chí"* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn, Viện Sử học dịch, Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản gồm 5 tập. Trong đó tập 2, quyển 8 là phần tỉnh Quảng Ngãi, mục *"Núi Sông"* có nói về *"Đảo Hoàng Sa"*. Cuối sách, phần phụ lục, lại nói riêng về *"Quần đảo Hoàng Sa"*.

Lại nữa, các sách: *Đại Nam thực lục; Lịch triều hiến chương loại chí; Việt Nam hội lệ sự điển; Việt sử thông giám cương mục...* đều có nói khá kỹ về quần đảo Hoàng Sa.

"Phủ biên tạp lục" của Lê Quý Đôn có đoạn ghi như sau: "Phủ Quảng Ngãi huyện Bình Sơn có xã An Vĩnh ở gần biển, ngoài biển về phía Đông Bắc có nhiều cù lao, các núi linh tinh hơn 130 ngọn, cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày hoặc vài canh thì đến. Trên núi có chỗ có suối nước ngọt. Trong đảo có bãi cát vàng dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Bên đảo có vô số yến sào; các thứ chim có hàng nghìn hàng vạn, thấy người thì đậu vòng quanh không chạy. Bên bãi vật lạ rất nhiều. Ốc vân có ốc tai voi to như chiếc chiếu, có ốc xà cừ để khảm đồ dùng, đồi mồi thì rất lớn"... "Các thuyền ngoại phiên bị bão thường đậu ở đảo này. Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy

người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đấy tha hồ bắt chim, bắt cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu (các tàu buôn bị đắm) như là gương, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, sừng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ... Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa eo, đến thành Phú Xuân để nộp”⁽⁵⁾.

Và sách *“Đại Nam nhất thống chí”*, tập 2 từ 369-370 ghi: “Đảo Hoàng Sa ở phía đông cù lao Ré huyện Bình Sơn, từ bờ biển Sa Kỳ đi thuyền ra, thuận gió thì độ 3-4 ngày đêm có thể đến nơi. Có đến hơn 130 đảo nhỏ cách nhau hoặc 1 ngày đường, hoặc mấy trống canh. Trong đảo có bãi cát vàng, liên tiếp kéo dài không hết hàng mấy ngàn dặm, bằng phẳng, rộng rãi, tục gọi - *Vạn lý Trường Sa*...”

Hồi đầu bản triều đặt Hải đội Hoàng Sa có 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hằng năm cứ tháng 3 là ra biển tìm kiếm hải vật, đến tháng 8 thì do cửa biển Từ Hiền về nộp; lại đặt đội Bắc Hải do Hải đội Hoàng Sa kiêm quản, để đi lấy hải vật ở các đảo. Phía đông đảo Hoàng Sa gần phủ Quỳnh Châu đảo Hải Nam nước Thanh (tức Trung Quốc). Đầu đời Gia Long, phỏng theo lệ cũ đặt Hải đội Hoàng Sa, sau lại bỏ...

Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) Triều đình sai thuyền công, chở gạch đá đến đấy xây đền, dựng bia đá ở phía tả đền để ghi dấu và tra hột các thứ cây ở ba mặt tả hữu và phía sau. Binh phu đắp nền miếu đào được lá đồng và gang sắt có đến hơn 2000 cân”.

Qua đây, ta biết từ thời các Chúa Nguyễn đến các triều đại Nhà Nguyễn, việc quản lý Hoàng Sa đều do Nhà nước chỉ huy, trong đó có việc đo đạc, vẽ bản đồ, lập miếu, dựng bia, gieo hạt, trồng cây và khai thác sản vật. Tất cả những yếu tố trên đáp ứng đầy đủ các điều kiện chiếm hữu mà Ủy ban Pháp luật của Liên Hợp quốc soạn thảo ghi rõ trong Công ước Luật

⁽⁵⁾*Phủ biên tạp lục*, tập 1, trang 119-120 (NXB Khoa học xã hội, 1977).

biển UNCLOS 1982. Phía Trung Quốc thì không thể có được một dòng chứng tích để làm chứng lý cho việc xác lập chủ quyền chiếm hữu quần đảo Hoàng Sa của họ.

Trở lại vấn đề Trung Quốc chiếm hữu phần phía đông Hoàng Sa một cách bất hợp pháp từ năm 1956. Trên thực tế là vào năm 1956 Chính phủ Việt Nam cộng hoà đang quản lý cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Rồi tới tháng 1 năm 1974, Trung Quốc lại huy động một lực lượng lớn hải quân cưỡng chiếm phần còn lại của quần đảo Hoàng Sa từ tay Quân lực Việt Nam Cộng hoà. Và mãi tới tháng 3 năm 1988, lại vẫn với thủ đoạn dùng lực lượng áp đảo, Trung Quốc bất ngờ đánh một cách hết sức dã man, tàn bạo, cưỡng chiếm đảo đá Gạc Ma từ tay Quân đội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau đó Trung Quốc còn dùng vũ lực chiếm thêm các đảo đá Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ren, Tư Nghĩa, Subi....

Sự có mặt của Trung Quốc trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam thực chất là một cuộc xâm lược đất đai đúng nghĩa.

Trung Quốc chỉ được sở hữu hợp pháp 13% diện tích Biển Đông, nay họ tuyên bố chủ quyền tới khoảng 80% Biển Đông, tức hơn 3 triệu cây số vuông, khiến các nước có chung Biển Đông phản ứng quyết liệt. Không chỉ Việt Nam mà cả Philippines, Malaysia và Brunei cũng khẳng định chủ quyền của mình theo Công ước Luật biển UNCLOS 1982 của Liên Hợp quốc.

NHỮNG TƯ LIỆU LỊCH SỬ KHẲNG ĐỊNH CHỦ QUYỀN KHÔNG TRANH CÃI CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Bùi Phúc Hải

Tổng hợp từ nhiều nguồn tư liệu

I- SỬ SÁCH, BẢN ĐỒ, ATLAS CỦA TRUNG QUỐC TỰ NÓI LÊN HOÀNG SA, TRƯỜNG SA LÀ CỦA VIỆT NAM

1- Về sử sách và nhân chứng

So với các nước trên thế giới, việc chép sử của các sử gia Trung Quốc cẩn trọng vào bậc nhất. Một khe núi, nhánh sông hay một hòn đảo nhỏ cũng được ghi lại, kèm theo là những lời chú thích rất đầy đủ. Vậy mà, trong 24 bộ chính sử của Trung Quốc không hề có những cái tên qua các thời kỳ của hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Đó là bằng chứng không thể chối cãi được rằng: *Hoàng Sa - Trường Sa chưa bao giờ thuộc chủ quyền của Trung Quốc.*

Về nhân chứng: Thiền sư Thích Đại Sán (1633 - 1704) là người Trung Quốc đầu tiên xác nhận Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam. Thiền sư là một học giả uyên bác thi thư, thiên văn, địa lý, toán số..

Năm 1694, nhận lời mời của Chúa Nguyễn Phúc Trăn (trị vì từ 1687 - 1691) và Chúa Nguyễn Phúc Chu (kế nghiệp Nguyễn Phúc Trăn, trị vì từ 1691 - 1725) ở Đàng Trong, Thiền sư đã đến Đàng Trong để hoằng dương Phật pháp. Trong những năm tháng ở đây, Thiền sư Thích Đại Sán đã ghi chép rất nhiều tư liệu về văn hoá, lịch sử, địa lý mà quan trọng nhất là bộ "*Hải ngoại ký sự*". Việc nhà Nguyễn thực hiện chủ quyền của mình thông qua

các hoạt động khảo sát, khai thác, tu bổ và quản lý đối với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa được Thiên sư ghi chép lại khá tỷ mỉ trong *"Hải ngoại kỷ sự"*.

2- Về bản đồ, atlas

Ngày 4-7-2012, báo chí đồng loạt đưa tin về tấm bản đồ *"Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ"* của Trung Quốc ấn hành năm 1904 chỉ rõ lãnh thổ nước họ không có Hoàng Sa - Trường Sa. Tấm bản đồ quý này do Tiến sĩ Mai Hồng hiến tặng cho Tổ quốc, nhân dân ta. Ngày 25-7-2012, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã long trọng tổ chức Lễ đón nhận tấm bản đồ có giá trị lịch sử đặc biệt này.



Địa phận tỉnh Quảng Đông

Bản đồ trên chụp từ *"Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ"*
chỉ rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam.

Ảnh Đà Văn Giáp

Không lâu sau sự kiện đó, cuối năm 2012 ông Trần Thắng (Việt kiều Mỹ)⁽¹⁾ đã dày công sưu tầm gửi về cho đất nước hàng trăm bản đồ, tài liệu - trong đó có số lượng không nhỏ là bản đồ do Trung Quốc ấn hành. Những tài liệu, bản đồ đó đều xác định cực nam của Trung Quốc là đảo Hải Nam. Ví dụ: Tám bản đồ *Tổng thể lãnh thổ Trung Quốc* trong cuốn *Postal Atlas of China*, do Bộ Giao thông Trung Hoa Dân quốc in và phát hành năm 1919 tại Nam Kinh, đã thể hiện rất rõ điểm cực nam của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam, không hề dă động gì tới Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam.

Dưới đây là những tám bản đồ có giá trị lịch sử của Trung Quốc tự nói lên Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam:



Tổng thể lãnh thổ Trung Quốc

Tám bản đồ trong *Postal Atlas of China* (Trung Hoa Bưu chính dư đồ), in năm 1919, chỉ rõ: Phần cực nam lãnh thổ Trung Quốc là đảo Hải Nam

Ảnh tư liệu

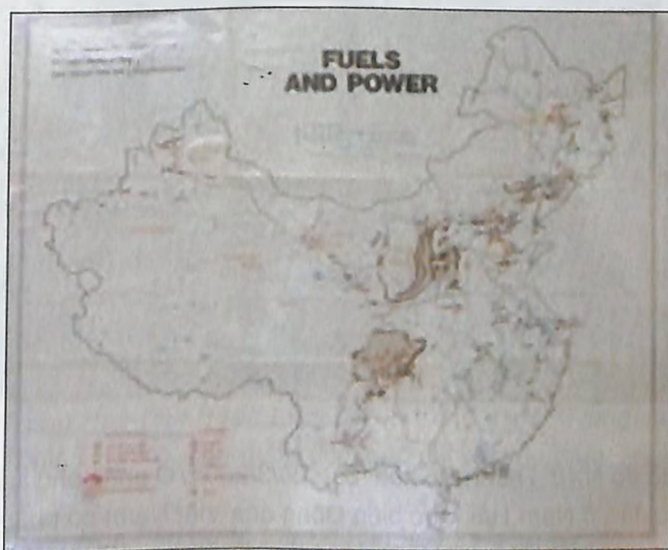
⁽¹⁾ Ông Trần Thắng (cháu nhà thơ Tế Hanh, hiện là Chủ tịch Viện Văn hóa Giáo dục Việt Nam tại Hoa Kỳ) cho biết: tổng chi phí cho việc mua 3 cuốn Atlas và 170 bản đồ khoảng 13.000 USD, trong đó Ủy ban Nhân dân huyện Hoàng Sa (Đà Nẵng) đóng góp 3.000 USD, bạn bè của ông ở Mỹ, Việt Nam và các nước khác đóng góp 5.000 USD, số còn lại là do ông tự nguyện đóng góp.



Bản đồ tỉnh Quảng Đông

Bản đồ trong cuốn *Atlas of the Chinese Empire* (Trung Quốc địa đồ), in năm 1908, thể hiện cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

Ảnh Hải Châu



Bản đồ Nhiên liệu và năng lượng Trung Quốc 1975

Tấm bản đồ *Nhiên liệu và năng lượng* trên do Cục Mỏ của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa xuất bản năm 1975, được Hoa Kỳ in lại năm 1980, chỉ rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam.

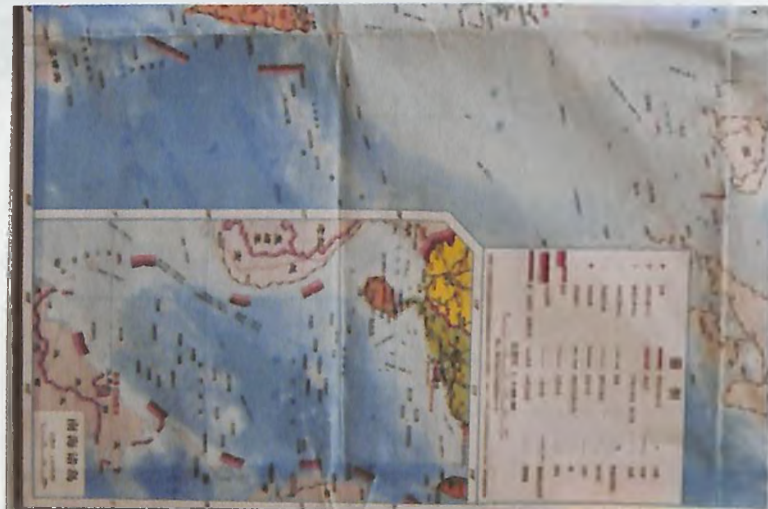
Ảnh tư liệu



Bản đồ Dầu mỏ và khí đốt Trung Quốc 1979

(Petroleum News SE Asia - *Tin tức dầu mỏ Đông Nam Á*, Hồng Kông, 1979)
 chỉ rõ lãnh thổ Trung Quốc dừng lại ở đảo Hải Nam (Ảnh Trần Thắng).

Bản đồ Giao thông của Trung Quốc



Bản đồ do NXB Thành Đô xuất bản 20/3/2004. Ở phần phụ lục *Nam Hải chư đảo* (các đảo ở Nam Hải - tức biển Đông của Việt Nam) có phần chú thích bản đồ (đồ lệ) đã giải thích ký hiệu của đường 9 đoạn – “Đường lưỡi bò” (bao chiếm khoảng 80% Biển Đông) là *định vị quốc giới*. Nghĩa là, cho đến năm 2004 Trung Quốc vẫn chưa dám khẳng định quần đảo Hoàng Sa là của họ.

* Tháng 5/2006, tại thị trấn Hà Khẩu (Trung Quốc), PGS. TS Cao Thế Trình đã phải nhờ bác tài xế người Trung Quốc mua giúp tám bản đồ trên; vì ở đó có quy định hết sức kỳ lạ: *Không bán cho người Việt Nam?*

Trên đây chỉ điểm qua một số rất ít trong rất nhiều bản đồ do chính Trung Quốc ấn hành qua nhiều thời kỳ đã tự nói lên rằng Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam. Có thể kể thêm những tấm bản đồ trong hàng loạt bản đồ cùng loại đó, như sau:

- "**Quảng Đông toàn đồ**" (bản đồ toàn tỉnh Quảng Đông), in trong sách "*Thanh nhị kinh thập bát tỉnh cương vực toàn đồ*", 1850, với cực nam là đảo Hải Nam.

- Bản đồ "**Đại Thanh đế quốc**", in trong sách "*Đại Thanh địa đồ tập*", Thanh Quang Tự tam thập nhất niên (1905), Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán biên ấn xuất bản, chỉ rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam.

- Bản đồ "**Đại Thanh đế quốc**", in trong sách "*Đại Thanh đế quốc toàn đồ*", Tuyên Thống nguyên niên (1908), Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán phát hành, chỉ rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam.

- **Bản đồ tỉnh Quảng Đông** in trong sách "*Đại Thanh đế quốc toàn đồ*", Tuyên Thống nguyên niên (1908), Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán phát hành, chỉ rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam.

- "**Đại Lục hình thế đồ**", in trong sách "*Trung Quốc địa đồ sách*" (tác giả Tùng Điền Thọ Nam, xuất bản 1939): cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

- **Bản đồ tỉnh Quảng Đông** in trong sách "*Trung Quốc địa đồ sách*" (tác giả Tùng Điền Thọ Nam, xuất bản 1939): cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

- "**Trung Hoa Dân quốc toàn đồ**" in trong sách "*Trung Hoa tân hình thế nhất lãm đồ*" (tác giả Thượng Ngu, Đồ Tư Thông; Thượng Hải thế giới dư địa học xã phát hành 1926) chỉ rõ cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

- "**Trung Hoa Dân quốc toàn đồ**" in trong sách "*Trung Hoa Dân quốc phân tỉnh địa đồ sách*", xuất bản 1933 chỉ rõ: cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

- "**Trung Hoa Dân quốc toàn đồ**" in trong sách "*Trung Hoa Dân quốc nhị thập tứ niên (1935) toàn quốc tỉnh khu*" chỉ rõ: cực nam Trung Quốc đến hết đảo Hải Nam.

- "**Trung Hoa Dân quốc toàn đồ**" in trong sách "*Tối tân Trung Hoa hình thế nhất lãm đồ*" in 1935, chỉ rõ cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

- "**Trung Hoa Dân quốc tối tân địa đồ**" in trong cuốn "*Niên lịch thông thư*". Sách này được in và tái bản hàng chục lần vào đầu thế kỷ XX. Trong bản đồ này không có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa...

- V.v...

II. ĐÔI ĐIỀU VỀ TẤM BẢN ĐỒ QUÝ “HOÀNG TRIỀU TRỰC TỈNH ĐỊA DƯ TOÀN ĐỒ”

Giữa hàng trăm tấm bản đồ Trung Quốc (do Trung Quốc và các nước ấn hành qua các thời kỳ) xác định cực nam của lãnh thổ Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam, tấm bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” (Trung Quốc công bố năm 1904) do Tiến sĩ Mai Hồng hiến tặng cho Tổ quốc, nhân dân ta luôn là tiêu điểm, bởi nó hội tụ các yếu tố rất đặc biệt sau đây:

1. *Hoàn cảnh và điều kiện tạo tác:*

“*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” được tạo tác trong hoàn cảnh và điều kiện rất đáng chú ý.

Trước hết, công trình này được thừa hưởng kho tư liệu địa dư rất lớn chất chứa hơn 10 thế kỷ suốt từ Tần sang Hán; tiếp qua thời nhà Tùy, nhà Đường, sang tới các thời nhà Tống, Nguyên, Minh; tuy nhiên, các tư liệu địa dư thời cổ còn thô sơ, nhiều khiếm khuyết.

Đến nhà Thanh, từ việc điều tra điền dã, sưu tầm sử dụng tư liệu địa dư lịch sử đến việc họa vẽ, tục biên, tục bổ trong thời gian kéo dài gần hai thế kỷ, đều do các Giáo sĩ phương Tây thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của 6 vị Hoàng đế nhà Thanh mới làm nên được tấm bản đồ này.

Khởi đầu từ năm 47 đời vua Khang Hy (năm 1708), qua các đời vua Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh, Đạo Quang, tới mùa xuân năm Quang Tự Giáp thìn (1904) đời vua Thanh Đức Tông, lịch trình 196 năm, tấm bản đồ toàn vẹn địa dư lãnh thổ đến tỉnh của Triều đình nhà Thanh mới được ấn hành. Dựa trên nền kỹ thuật in ấn hiện đại của phương Tây, bản đồ được phân định mốc giới đông-tây-nam-bắc và chỉ rõ ranh giới cực nam của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam.

Vị Chủ biên Đài thiên văn Trung Quốc ở Xà Sơn, ông Sái Thượng Chất, đã có mấy lời kết ngữ, rằng: Tấm bản đồ này rất hoành tráng, rất cẩn trọng, nên rất mỹ mãn và rất hài lòng: “Ta không do dự về kiến văn thô lậu nông cạn của mình để mô tả bức họa đồ này. Lại không dám tự khoe rằng chỉ một mình ta có nhiều công hơn các tiền nhân. Duy về

cương vực của các thôn ấp, quận, huyện ở các tỉnh trong mấy trăm năm đã có thay đổi đôi chút, cho nên xem chỗ nào thiếu thì bổ sung cho đủ, chỗ nào nhầm lẫn thì đính chính sửa sang, nhằm làm bớt sai lệch và làm cho sáng sủa hơn lên, để nay nhìn vào thấy rõ ràng như nhìn vào lòng bàn tay. Tại các cửa biển ở các miền duyên hải đều phỏng họa theo các đường thủy tàu thuyền lên xuống ra khơi vào cảng. Tự hỏi nếu mắc một lỗi thì không biết lấy gì bù đắp làm thỏa mãn cho cách nhìn (*pháp nhãn*) của vạn con mắt người đời”.

Qua đó cho thấy, công trình tạo tác *“Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”* có thời gian thực hiện rất dài, với cách thức thực hiện rất khoa học, tỉ mỉ, thận trọng; lại do 6 đời Hoàng đế nhà Thanh trực tiếp huy động lực lượng giáo sĩ phương Tây - những người tài giỏi tinh thông về thiên văn, địa lý và toán pháp; thực chất họ là những học giả có trình độ học vấn cao đi điều tra điền dã, sưu tầm tài liệu để làm ra tám bản đồ quý hiếm này.

Tám bản đồ Trung Quốc có giá trị lịch sử, pháp lý tối thượng ấy cũng đã chỉ rõ ranh giới *Cực nam của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam; đồng thời cũng là sự khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.*

2. Thời điểm xuất hiện:

Trước tình hình căng thẳng, bức xúc do phía Trung Quốc liên tục có những hành động cậy nước lớn, lộng ngôn, lộng hành quá đáng, họ coi luật pháp quốc tế chẳng ra gì cả! Họ ngang ngược thành lập thành phố Tam Sa trên quần đảo Hoàng sa, Trường Sa.. của ta?! Họ vô lối vẽ ra *“Đường lưỡi bò”* bao chiếm gần 80% Biển Đông, rồi tuyên bố đó là vùng biển đảo của họ (trong đó có phần lớn thêm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của nước ta)?!

Với ý thức sâu sắc của bậc kẻ sĩ *“Quốc gia hữu sự/Sĩ phu hữu trách”*, ngày 25/7/2012 Tiến sĩ Mai Hồng đã hiến tặng tám bản đồ cổ Trung Quốc rất quý giá *“Hoàng triều trực*

tỉnh địa dư toàn đồ” mà ông đã cất giữ hơn 30 năm cho đất nước để góp thêm tiếng nói cùng nhân dân bác bỏ yêu sách về chủ quyền cực kỳ phi lý, vô căn cứ của Trung Quốc đối với Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam.

3. Hiệu ứng:

Không lâu sau sự kiện Tiến sĩ Mai Hồng hiến tặng tấm bản đồ “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” cho Tổ quốc, nhân dân - như *tiếng pháo hiệu* - lập tức rất nhiều công dân Việt Nam, nhất là kiều bào ta ở nước ngoài đã tự nguyện bỏ công sức, tiền của đi sưu tầm mua về tặng cho đất nước hàng trăm bản đồ, atlas, tư liệu quý của Trung Quốc và các nước trên thế giới đã công bố qua các thời kỳ, có giá trị lịch sử, pháp lý cao khẳng định cực nam của lãnh thổ Trung Quốc chỉ đến hết đảo Hải Nam; còn hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là thuộc chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam.

Việc sưu tầm chứng cứ về chủ quyền biển đảo quê hương đã tự nhiên và nhanh chóng trở thành phong trào xã hội rộng lớn với hào khí âm vang, thể hiện lòng yêu nước cháy bỏng của bao thành viên tự nguyện tham gia.

Kỳ diệu thay *Tiếng pháo hiệu âm vang hồn nước* mà Tiến sĩ Mai Hồng đã châm ngòi đúng vào thời điểm lịch sử mà Tổ quốc đang mong chờ!



Rất đông người, nhất là thanh niên Việt Nam nô nức xem tấm bản đồ chính thống “*Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ*” của Trung Quốc in năm 1904 không có Hoàng Sa, Trường Sa.

III. TIẾP TỤC CÔNG VIỆC SƯU TẦM BẢN ĐỒ, TƯ LIỆU VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Tới tháng 7 năm 2013, ông Trần Thắng đã sưu tầm và gửi về cho đất nước 170 bản đồ, atlas và các tư liệu. Trong đó: có 110 bản gốc (xuất bản từ 1626-1980), 33 bản tái bản và 37 bản điện tử (e-file); có một số bản đồ do Anh, Đức, Úc, Canada, Mỹ và Hồng Kông xuất bản.

Tiến sĩ Trần Đức Anh Sơn, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng cho biết, với số lượng lớn bản đồ, tư liệu trên được chia thành hai nhóm: Nhóm bản đồ khẳng định *Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Việt Nam* và nhóm bản đồ thể hiện *Cực nam lãnh thổ của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam* và chứng minh *Trung Quốc không có quan hệ gì đến hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam*. Đặc biệt trong đó có 80 bản đồ vẽ lãnh thổ Trung Quốc cực nam chỉ đến Hải Nam mà thôi.

Vấn đề này đã được thể hiện rõ trong cả 3 tập atlas rất quý, có giá trị lịch sử cao do chính Trung Quốc xuất bản vào các năm 1908, 1919 và 1933⁽²⁾.

Như vậy, đảo Hải Nam - cực nam của Trung Quốc là một thực tế lịch sử không thể chối cãi!

Tiến sĩ Trần Đức Anh Sơn còn cho biết:

1- Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng sưu tập được hàng trăm bản đồ khẳng định chủ

⁽²⁾ Cuốn Atlas xuất bản năm 1908 (*Atlas of the Chinese Empire - Trung Quốc địa đồ*): kích thước 31cm x 41cm, in bằng tiếng Anh; Cuốn Atlas xuất bản năm 1919 (*Postal Atlas of China - Trung Hoa bưu chính dư đồ*): kích thước 61cm x 71cm, do Tổng cục Bưu chính thuộc Bộ Giao thông của Trung Hoa dân quốc in lần đầu; Cuốn Atlas *Postal Atlas of China - Trung Hoa bưu chính dư đồ* được tái bản năm 1933, do Tổng cục Bưu chính thuộc Bộ Giao thông của Trung Hoa dân quốc in tại Nam Kinh. Cả ba tập Atlas có giá trị lịch sử, pháp lý cao này đều chỉ rõ đảo Hải Nam là điểm cuối cùng của lãnh thổ Trung Quốc.

quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa. Đáng lưu ý là các bản đồ: “*Bản đồ Hồng Đức*” (1490), “*Bản đồ Đông Dương*” (1658), “*Đại Nam nhất thống toàn đồ*” (1838).



Bản đồ Đông Dương (1658)

Bản đồ chỉ rõ quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam.

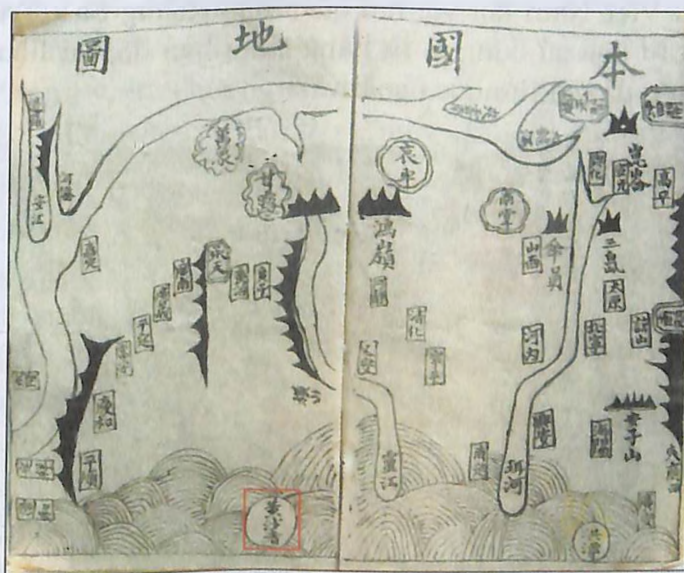
2- Ông Nguyễn Đức, Việt kiều ở Hà Lan, sưu tầm được hai tờ bản đồ (trong sách nước ngoài) là “*Đông Dương thuộc Pháp*”, in 1896, thể hiện toàn bộ lãnh thổ của Việt Nam trong đó có Hoàng Sa - Trường Sa và “*Quảng Đông và vùng biển Quảng Đông*” không có Hoàng Sa - Trường Sa.

3- Ông Bùi Viết Đông, 84 tuổi, ở phố Cấm, phường Gia Viên, quận Ngõ Quyền, Thành phố Hải Phòng, đã sưu tầm được bản đồ có tên “*Trung Hoa Dân quốc tối tân địa đồ*” in trong cuốn “*Niên lịch thông thư*”. Sách này được in và tái bản hàng chục lần vào đầu thế kỷ XX, được phát hành khắp thế giới, với

người Trung Quốc nó được coi là cấm nang kiến thức phổ thông. Tám bản đồ trên không có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa..

4- Thạc sỹ Chữ Đình Phúc (cán bộ nghiên cứu của *Viện Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam*) đã chuyên tâm chú thích và giới thiệu rất nhiều bản đồ cổ do Trung Quốc và nước ngoài xuất bản, chúng đều xác định đảo Hải Nam là cực nam của Trung Quốc.

5- Chính TS. Trần Đức Anh Sơn cũng đã sưu tập được 91 bản đồ, trong đó có tám bản đồ gốc mang tên “*Bản quốc địa đồ*” in trong cuốn sách “*Khải đồng thuyết ước*” vẽ vùng biển xứ Quảng Nam và Thừa Thiên có ghi rõ “*Hoàng Sa chữ*” (tức là bãi Hoàng Sa). Sách “*Khải đồng thuyết ước*” được khắc in lần đầu vào năm Quý Sửu - Tự Đức thứ 6 (1853), in lại vào các năm 1879, 1881; được sử dụng trong các trường học với chức năng như là sách giáo khoa ngày nay.



Bản quốc địa đồ

Bản đồ in trong sách “*Khải đồng thuyết ước*” (tr.15-16)

về Hoàng Sa chữ, tức quần đảo Hoàng Sa

Tiến sĩ Trần Đức Anh Sơn nhấn mạnh, theo suốt chiều dài lịch sử, từ tám bản đồ xuất hiện vào đời nhà Thanh, cho đến thời Trung Hoa Dân quốc và gần đây nhất là bản đồ đánh giá (trữ lượng) nhiên liệu và năng lượng do chính cơ quan có chức năng

của Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa xuất bản và công bố (1980) cũng không hề thể hiện rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ và chủ quyền của Trung Quốc. Trên tám bản đồ nhiên liệu và năng lượng này, biên giới chủ quyền trên biển của Trung Quốc đã được xác định rất rõ: *Chỉ đến đảo Hải Nam*.

Vậy là, với công việc đi tìm chứng cứ về chủ quyền biển đảo quê hương được nhiều công dân Việt Nam, nhất là Việt kiều ở nước ngoài, đã tự nguyện bỏ công sức và tiền của ra để làm và mang lại kết quả hết sức tốt đẹp, đã tìm được rất nhiều tám bản đồ, tài liệu có giá trị lịch sử, pháp lý cao do Trung Quốc, Việt Nam và các nước Âu, Á ấn hành đều chỉ rõ: *Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc lãnh thổ Trung Quốc mà là của Việt Nam!*

Ngày 20-1-2013, Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Đà Nẵng và Ủy ban Nhân dân huyện đảo Hoàng Sa đã tổ chức công bố những chứng cứ pháp lý minh bạch về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa mà nhiều tư liệu sử dụng là từ hàng trăm bản đồ, tài liệu do ông Trần Thắng đã gửi từ nước ngoài về.



Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Lương Minh trao tặng ông Trần Thắng (trái) Bằng khen của Bộ trưởng Ngoại giao vì những đóng góp rất có ý nghĩa của ông trong việc khẳng định và xây dựng chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Ảnh: Phunuonline

LÝ SƠN ĐẢO TIỀN ĐỒN CANH GIỮ HOÀNG SA - TRƯỜNG SA

Từ Khôi

Lý Sơn là huyện đảo thuộc tỉnh Quảng Ngãi ở miền Trung nước ta. Trong sách sử, Lý Sơn có tên gọi là cù lao Ré. Khi đến Lý Sơn tôi mới hiểu về tên gọi này cũng như những câu chuyện về các ngôi mộ gió của những người trong đội Hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa bỏ mình nơi biển cả.

Từ Hà Nội đi ô tô vào Đà Nẵng, sau đó tôi được anh Đinh Tấn Thành - phóng viên thường trú báo *Đại Đoàn Kết* tại Quảng Nam, Quảng Ngãi tiếp đón và đi vào thành phố Tam Kỳ. Chiều hôm ấy, xuất phát từ thành phố Tam Kỳ, đoàn chúng tôi được bổ sung thêm hai thành viên là Dũng - phóng viên Thường trú báo *Công an TP. Hồ Chí Minh* và Tân - Phóng viên Thường trú báo *Công an TP. Đà Nẵng* cùng đi. Nhóm chúng tôi đi bằng xe máy. Bởi lẽ, chúng tôi muốn ra đảo phải đi được nhiều nơi trên huyện đảo này.

Buổi tối, chúng tôi được gia đình anh Tiến - một ngư dân ở xã Bình Châu tiếp đón thịnh tình. Đồ nhậu toàn hải sản tươi ngon vừa đi đánh bắt ở ngư trường Hoàng Sa về được đem ra chế biến. Nào ốc, nào mực, nào cá... Trong cách thức nhấm, tôi thích nhất là món ốc nộm gói bánh đa. Ruột ốc tai tượng, ốc hoa được thái lát trộn rau thơm, ướp gia vị cho vừa. Khi ăn món nộm này, cần phải có khế chua, cùi dừa già, bắp chuối.

Những câu chuyện râm ran đến khuya về những chuyến đi đánh cá phiêu lưu mạo hiểm ở Hoàng Sa. Anh Tiến kể: "Thuyền bọn tôi chỉ dám đánh cá ở Hoàng Sa khi đêm xuống. Còn người táo gan nhất dám đánh cá ở Hoàng Sa ngay cả ban ngày mà không sợ là Sói biển như anh Mai Phụng Lưu người huyện đảo Lý Sơn".

7 giờ sáng, tàu cao tốc rời cảng Sa Kỳ xã Bình Châu huyện Bình Sơn đi Lý Sơn. Bữa nay, trời đẹp, mây xanh, biển xanh, gió nhẹ thổi. Những người đã bước chân lên tàu ra Lý Sơn chắc chắn phải ở lại Lý Sơn ít nhất một ngày đêm. Vì rằng cho đến thời điểm này chỉ có duy nhất một chuyến tàu cao tốc từ bờ ra Lý Sơn và ngược lại. 45 phút trôi qua, Lý Sơn đã hiện ra mờ mờ dưới chân trời như hình một con rồng doãi mình trên biển. Nhìn kỹ, con rồng Lý Sơn có năm mỗm nhô lên. Đó là năm mỗm núi. Có mỗm còn lưu dấu vết của miệng núi lửa hàng triệu năm trước. Ở một mỗm núi, đồn biên phòng đang được xây dựng. Khi đến gần, nhà cửa của dân cư san sát, rất nhiều mái nhà lợp tôn đỏ au xen lẫn màu lam như những mảng màu trong một bức tranh sống động.

Tàu cập cảng. Mọi người linh kinh mang vác đồ đạc và hàng hóa lên bờ. Một cây xăng dầu nằm ngay ven bờ lẫn trong dãy hàng quán nước, ăn uống. Ban Quản lý cảng cũng ở liền ngay bến tàu.

Đất trên đảo Lý Sơn là loại đất pha cát. Cát trắng đặc biệt như xay nghiền từ vôi ra. Cát trắng ở trên đảo Hoàng Sa cũng giống như cát ở đảo Lý Sơn. Và cả ở Trường Sa cũng tương tự vậy. Người dân trên đảo cho biết: chất đất này rất hợp với cây “ré”. Vì thế, đảo mang tên cù lao Ré, từ thế kỷ XVII khi các bậc tiên hiền khai sáng đảo đến dựng nghiệp nơi đây.

Buồn thay. Phận cây ré ở đảo đang dần bị mai một. Nay chỉ còn một ít ở nơi đầm hồ, triền dốc để tránh xói mòn. Nhưng cây ré đâu chỉ có công dụng chống xói mòn. Cây ré thuộc họ thảo, thân mềm, có độ cao từ 1,5 đến 2m. Gốc nhô lên như loại sậy, bụi le, bụi hóp. Từ gốc ấy nhô lên thành thân, mọc thẳng không nhánh. Lá ré mọc cách, đối nhau về hai bên như nghệ, gừng. Lá hình thoi, lưỡi mác màu xanh láng, mặt dưới có gân lá ở giữa. Hoa ré có màu trắng đục pha vàng, nhụy vàng, mỗi hoa tạo thành một quả. Trái ré còn

non có màu xanh lục, khi già có màu xanh thẫm, khi chín có màu vàng tươi óng ả. Ruột ré toàn hạt nhỏ, màu đen, khi chín có lớp cơm mỏng màu trắng, vị ngọt. Ré là vị thuốc bắc có tên gọi là Sa Nhơn.

Để tìm hiểu về Hoàng Sa, chúng tôi tìm đến nhà Sói biển Mai Phụng Lưu. Thật may cho chúng tôi là gặp được “Sói biển” ở nhà. Mai Phụng Lưu rất thích biệt danh ấy, do người dân Lý Sơn và giới truyền thông phong tặng. Nhưng lại thật buồn cho Sói biển khi tàu của anh vừa bị giữ ở Hoàng Sa. Tàu Hải giám Trung Quốc đã bắt tàu của Sói biển Mai Phụng Lưu và cho anh điện thoại về để chạy tiền chuộc tàu. Anh chỉ điện thoại về cốt để thông tin cho gia đình chứ chiếc tàu này anh đã mất tiền chuộc đến lần thứ 3 rồi.

Vợ của Sói biển Mai Phụng Lưu đang ngồi phân loại tỏi. Chị lựa tỏi mỡ cô vào một cái chậu riêng. Tỏi mỡ cô có giá bán cao hơn tỏi thường. Nhưng, tỏi mỡ cô thường chỉ có nhiều khi mất mùa. Đó cũng như một sự bù lại cho sự vất vả của người dân. Thân tỏi mỡ cô yếu ớt, suy dinh dưỡng, tép và củ đồng nhất. Nồng độ phitônxit khá cao, dùng làm thuốc kháng sinh chữa được bệnh tăng huyết áp, tim mạch, cảm cúm. Kể cả bệnh đau bụng, chướng hơi, khó tiêu. Vợ anh Sói biển Mai Phụng Lưu tỏ ra rất am hiểu, chị cho biết: Tỏi mỡ cô này cần phải được phơi khô, sau đó lột sạch vỏ, cho vào trã đất sây cho vàng, không nhất thiết phải chín. Cho vào bình ngâm với rượu gạo, khoảng 3 tháng là dùng được. Chất trong tỏi tiết ra làm cho rượu có màu vàng.

Tỏi Lý Sơn rất thơm nên có tên gọi là “Tỏi hương”. Sở dĩ tỏi Lý Sơn có được vị ngon vì đất cát trắng có vôi. Ngoài tỏi, hành ở Lý Sơn cũng thuộc vào hàng nổi tiếng.

Chính vì tỏi ở Lý Sơn nổi tiếng thơm ngon, nên gần đây một số người buôn bán đã đem cả tỏi ở đất liền ra trộn với tỏi của Lý Sơn để bán đi các nơi. Việc cầu lợi bất chính này ảnh hưởng lớn đến thương hiệu tỏi của Lý Sơn.

Trong lúc trò chuyện với Sói biển Mai Phụng Lưu, chúng tôi để ý thấy một gốc cây cổ thụ ở giữa nhà. Đó là gốc cây Phong Ba. Sói biển Mai Phụng Lưu cho biết: Đây chính là gốc cây Phong Ba cổ thụ trên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa. Mấy năm trước, thỉnh thoảng anh còn ghé vào đảo Phú Lâm được, nhưng gần đây cứ vào gần là bị đuổi. Và trong một lần vào đảo Phú Lâm, anh đã bứng được gốc cây cổ thụ này đem về. Sói biển đã cưỡi lên gốc cây Phong Ba cổ thụ cho chúng tôi chụp ảnh.

Buổi trưa, chúng tôi mời Sói biển đi nhà hàng. Những món ốc và cá ngon được bày lên. Cũng vẫn là hải sản mà ngư dân đánh bắt từ ngư trường truyền thống Hoàng Sa. Nào ốc xà cừ, ốc hoa, ốc nhảy, ốc bần tay được chế biến thành các món luộc, nướng, xào sả ớt. Cuối cùng là những bát cháo cá mú thơm ngon. Bên mâm rượu, chúng tôi hỏi chuyện Mai Phụng Lưu về những lần anh đi biển và bị bắt. Và tại sao anh lại đánh bắt cá giữa ban ngày trong khi những ngư dân khác ban ngày thì ngủ ở xa, đợi đến đêm mới lặn lẽ chạy tàu vào đánh cá, lặn xuống bắt hải sâm? Sói biển Mai Phụng Lưu bình thản: “Hoàng Sa là đảo thiêng của tổ tiên ta từ bao nhiêu đời nay rồi. Từ đời cụ kỵ cha ông tôi đã đi biển, đã đánh bắt cá ở Hoàng Sa. Tôi nổi nghiệp đi biển và thạo luồng lạch ở biển, cũng như các anh thạo đường thành phố nơi các anh sinh sống. Nhà nước ta cũng khẳng định và ủng hộ ngư dân đi đánh cá trên ngư trường của mình không xâm phạm bạn. Vì thế nên chẳng có gì phải sợ”.

Cho đến thời điểm này, Sói biển Mai Phụng Lưu đã bị bắt tới 4 lần khi đi đánh cá ở Hoàng Sa. Con rể anh cũng bị bắt một lần khi theo bố vợ đi đánh cá.

Dù bị bắt, bị đánh, đồ nghề bị phá, thuyền bị bắt giữ đòi tiền chuộc nhưng những người ngư dân vẫn bám biển. Đó là sự mưu sinh, là lẽ sống tin tưởng vào chủ quyền biển đảo thiêng liêng của dân tộc.

Không biết đã có bao nhiêu ngư dân đi biển rồi không trở về. Người bị phong ba bão tố, người đắm thuyền, người đột tử, người bị bắt và sát hại... nhiều người đã nằm lại trên biển cả. Nấm mồ của họ là biển cả Tổ quốc.

Nếu như Mai Phụng Lưu được ví như *Sói biển* thì Nguyễn Đăng được gọi là *Kình ngư*. Ông Nguyễn Đăng cũng đã từng bị bắt vài ba lần khi đánh cá ở Hoàng Sa. Trước Tết 2010, ông Nguyễn Đăng ra khơi mong kiếm được cái Tết cho gia đình. Thế nhưng, cho đến nay cả thuyền của ông có 6 ngư dân không thấy ai trở về. Người cho rằng họ bị bắt, người lại cho rằng thuyền bị đắm... Khi chúng tôi vào nhà ông Nguyễn Đăng, bà vợ đang đi cuốc rau đông vừa về. Rau đông ở biển Lý Sơn cũng là một món ngon. Giá thành của rau đông cũng rất rẻ. Ngoài làm ruộng, bà vợ của ông Nguyễn Đăng bây giờ cũng chả biết làm gì ngoài việc ra biển cuốc rau đông, lượm bắt hải sản ven bờ vừa để sinh nhai vừa để trả món nợ ngập đầu chồng để lại. Người phụ nữ ở Lý Sơn từ xưa đến nay đều thấm thía câu: "*Lấy chồng đi biển hồn treo cột buồm*"...

Những cái chết trên biển không có gì lạ với những ngư dân ở Lý Sơn.

Đến Lý Sơn, ta bắt gặp rất nhiều ngôi mộ gió. Những ngôi mộ không có cốt. Những ngôi mộ chỉ có que dâu, gạo dừ... tượng trưng.

Từ xưa và cả đến nay vẫn thế.

Những ngôi mộ gió của những người đi vãng thám Hoàng Sa, Trường Sa theo lệnh triều đình. Đặc biệt, triều Nguyễn đã cử nhiều đoàn đi vãng thám, đo đạc, cắm mốc chủ quyền và khai thác sản vật.

Sách sử của chúng ta chép nhiều việc về những hải đội đi vãng thám theo lệnh của triều đình. Ai chấp hành tốt thì được phong thưởng, ai chống lệnh hoặc chậm khởi hành thì bị phạt.

Buổi chiều, chúng tôi đi đến thôn Đông xã An Vĩnh huyện đảo Lý Sơn, tìm vào nhà thờ Cai đội Phạm Quang Ảnh (Cai đội thời vua Gia Long năm 1815). Chủ nhà thờ là ông Phạm Quang Tĩnh (75 tuổi) - người cháu 5 đời của cụ Phạm Quang Ảnh. Ông Tĩnh dẫn chúng tôi tới hàng mộ gió bên đầu hồi nhà. Ông tới bên ngôi mộ gió lớn đầu hàng, chắp tay lạy. Đó là ngôi mộ gió cụ Phạm Quang Ảnh. Trước đây, mộ cụ Phạm Quang Ảnh cũng như những ngôi mộ các thủy thủ được đắp đất, sau này có điều kiện đã được xây gạch và ốp đá khang trang. Các khu mộ được sắp xếp và xây cất theo hình một con thuyền.

Rời nhà ông Phạm Quang Tĩnh, chúng tôi tiếp tục đi các thôn khác trong xã và sang xã An Hải, vượt biển sang tiếp xã An Bình bên đảo nhỏ. Ở thôn nào cũng có những ngôi mộ gió hay còn gọi là *du dương mộ* nằm rải rác. Những ngôi mộ gió được đắp đất xưa, nay phần nhiều đã được các gia tộc xây cất khang trang. Về Cai đội Phạm Quang Ảnh, một bản triều Nguyễn đến nay còn lưu lại rõ ràng sự việc. Tiếc rằng, cũng như ở gia tộc họ Võ trên đảo Lý Sơn, gia tộc họ Phạm đã bị kẻ xấu đến lừa lấy mất văn bản gốc từ Sắc chỉ từ những năm 1979 - 1980.

Chúng tôi đến nhà thờ họ Đặng ở thôn Đồng Hộ, xã An Hải. Gia đình ông Đặng Lên - trưởng họ vừa có người thân ở xa về. Đó là chị Đặng Thị Xuân, em gái làm giáo viên và lấy chồng ở thành phố Quy Nhơn. Ông Đặng Lên và gia đình tiếp đón chúng tôi niềm nở. Gia đình ông Đặng Lên có cụ Đặng Văn Siểm làm Đà công (hoa tiêu) của đoàn đi vãng thám Hoàng Sa, Trường Sa. Biết đi Hoàng Sa là đối diện với bao hiểm nguy, vì phương tiện đi biển thời đó còn thô sơ, nhưng vì lệnh vua, vì chủ quyền đất nước nên nhiều người dân Lý Sơn - nơi gần nhất với Hoàng Sa phải lên đường. Chị Đặng Thị Xuân đọc cho chúng tôi nghe câu ca của người dân Lý Sơn:

*Hoàng Sa đi có, về không
Lệnh vua ban phải quyết lòng ra đi.*

Ông Đặng Lân đã chỉ lên trên tường nhà, nơi treo bức ảnh phóng to sắc chỉ cử cụ Đặng Văn Siểm và nhiều người khác đi Hoàng Sa. Bản sắc chỉ này đã được dòng họ Đặng bàn giao cho Bộ Ngoại giao Việt Nam trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi. Lễ bàn giao được tổ chức giản dị nhưng trang trọng. Đại diện Bộ Ngoại giao nhận, sau khi nhận sắc chỉ đã đặt vào hòm và khóa lại cẩn mật. Nhiều chiến sĩ cơ động (mang theo cả chó nghiệp vụ) đã được điều đến để bảo vệ sắc chỉ này. Sau khi kết thúc lễ bàn giao, sắc chỉ được đưa thẳng lên tàu và chạy vào đất liền, về đến thành phố Đà Nẵng, sắc chỉ lại được đưa lên máy bay về Thủ đô Hà Nội. Ông Đặng Lân cho biết: Rất nhiều lần kẻ xấu từ xa đến gạ ông bán và sau đó có cán bộ còn đưa người đến “mượn” sắc chỉ nhưng gia đình không cho. Do đó sắc chỉ mới giữ được đến ngày hôm nay. Ông Đặng Lân - cháu 5 đời của Đà công Đặng Văn Siểm cho biết: Khi trao tặng kỷ vật mà gia tộc đã gìn giữ suốt hơn 170 năm (từ 1834), đại diện Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh Quảng Ngãi và Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh hứa sẽ chu cấp một phần kinh phí cho gia tộc để tu sửa nhà thờ cụ Đặng Văn Siểm.

Câu chuyện về những người gìn giữ những bằng chứng lịch sử từ thời phong kiến khẳng định chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do ông Đặng Lân và dòng họ thuật lại khiến tôi nhớ đến chuyện vừa diễn ra mới đây. Đó là việc Tiến sĩ Mai Hồng nguyên Trưởng phòng tư liệu của Viện Hán Nôm đã hiến tặng Bảo tàng Lịch sử Quốc gia tấm *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* (Bản đồ toàn đồ các tỉnh của Trung Hoa) xuất bản năm 1904. Lễ trao tặng này được tổ chức kết hợp với việc trao tặng một số hiện vật lịch sử khác và triển lãm các cổ vật. Tại cuộc họp báo, tấm bản đồ không được trưng bày. Thế nên không ai để ý đến sự kiện này. Vì trước đó tôi đã đặt bài Tiến sĩ Mai Hồng dịch nội dung những ghi chú trong tấm bản đồ này, nên tôi đã đưa vấn đề ra phỏng vấn thêm Tiến sĩ Mai Hồng. Liên sau đó, rất

nhiều phóng viên báo chí, truyền hình Việt Nam đã khai thác đậm nét sự kiện này, cũng như phân tích sâu sắc giá trị của tấm bản đồ này là một bằng chứng hùng hồn khẳng định chủ quyền biển đảo của dân tộc.

Để bạn đọc hiểu thêm về Sắc chỉ họ Đặng này, tôi xin cung cấp bản dịch của ông Dương Quỳnh - một nhà nho ở xã An Hải, huyện đảo Lý Sơn:

“Quan Bố Án tỉnh Quảng Ngãi. Tuân mệnh lệnh làm bằng cấp tiếp theo tháng trước, chiếu tư văn cấp trên của Bộ Binh.

Chiếu chỉ cho Bộ, trước khi cho thuyền đi phải tu bổ tại Kinh đô phái viên cùng thủy quân biện binh hiệp đồng đi nhanh đến xứ Hoàng Sa để tìm kiếm thăm dò theo khâm mệnh cấp trên, chuyến đi này phải cố gắng trở lại tỉnh, không nên coi nhẹ, 3 chiếc thuyền sắm sửa các vật đầy đủ như đã đi năm trước. Nay phái Võ Văn Hùng đến duyên hải chọn lựa dân phu am thực hải trình tùy nghi thêm bớt, khắc phục thuyền công, thủy thủ trước sau là chính yếu. Mỗi thuyền 8 người cai, 24 tên lính, vào hạ tuần tháng 3 thời gian thuận lợi chạy thuyền đi. Nay biện lý đầu thanh thỏa, phái viên hiện đã đầy đủ cho thuyền đi. Căn cứ Võ Văn Hùng chọn người tài thiện thủy là Đặng Văn Siểm làm đà công (hoa tiêu), nhân hợp theo bằng cấp giấy tờ cho mỗi thuyền, với thủy thủ các tên theo phái viên biện binh Võ Văn Hùng đồng phụng hành công vụ đến xứ Hoàng Sa, qua hải trình chủ yếu phái viên phải đem hết thực lực mới ổn thỏa, nếu sai sót phải chịu trọng tội. Có danh sách ở sau theo bằng cấp này.

Huyện Bình Sơn, phường An Hải, đà công Đặng Văn Siểm, học diên thôn Dương Văn Định cứ theo việc ấy.

Kê thủy thủ: Tên đề: Phạm Quang Thanh, người phường An Vĩnh. Tên sơ: Trần Văn Kham, phường An Vĩnh. Tên Lê: Trần Văn Lê ấp Bàng An, Võ Văn Công (do người tài làm đội 2 tên). Tên Trám: Ưu Văn Trám, Lê Thủy Đông 2 người. Tên Xuyên: Nguyễn Văn Mạnh, phường An Hải. Tên Dinh: Nguyễn Văn Dinh, huyện Mộ Hoa. Trương Văn Tài, mộ quân

thôn Thạch Thán, huyện An Thạch. Minh Mạng năm thứ 15 (1834), tháng 4 ngày 15”.

Chúng tôi đến Nhà trưng bày Hải đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải. Tượng đài Đội hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải uy nghi sừng sững. Phía sau, phòng trưng bày rộng lớn giới thiệu nhiều dụng cụ đi biển thời xưa cùng những tài liệu sách báo, tranh ảnh khẳng định về chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Cho đến nay, chưa thể thống kê hết có bao nhiêu đội “Hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa” như thế đã ra đi. Số người trở về luôn ít hơn những người mất tích. Vật dụng không thể thiếu của người lính khi mang đi thực hiện nhiệm vụ là: Thẻ tre khắc tên tuổi, quê quán, chức vụ; đôi chiếu, sợi dây mây, mấy chiếc nẹp tre. Những vật dụng này để bó xác của chính họ khi thiệt mạng nơi biển khơi sóng dữ, gió to. Nấm mồ của họ là biển cả. Chính vì biết trước sự “*đi có về không*” như thế nên tại huyện đảo Lý Sơn, từ đầu thời Nguyễn có tục lệ Khao lễ thể lính Hoàng Sa, Trường Sa. Tục này kéo dài mãi cho đến năm 1945 kể cả trong thời kỳ nước Việt Nam bị Pháp đô hộ. Nghi lễ thiêng liêng ấy được tổ chức hằng năm, sau đó bị gián đoạn, từ năm 2010 đến nay đã được khôi phục.

Người dân Lý Sơn kể rằng: Trước năm 1945, cứ vào ngày 20/2 âm lịch, làng tổ chức lễ Kỳ Yên đồng thời Khao lễ thể lính Hoàng Sa - Trường Sa. Lễ này có mời pháp sư lễ đàn, có phướn triệu vót các vong linh bị trầm luân nơi biển cả được trở lại với dòng họ tổ tiên. Có lễ vật như hình nộm, thuyền bè, có đồ phẩm vật hiến cúng cho người khuất như gạo, muối... Cúng xong, nghinh thuyền thả ra biển để thể.

Cùng vào ngày 20/2 âm lịch này, ngoài lễ chung, các dòng họ có người hy sinh, có miếu thờ như dinh ông Thẩm (thờ Cai đội Hoàng Sa Võ Văn Khiết); miếu thờ Cai đội Phạm Quang Ảnh; nhà thờ Phạm Văn thờ Cai đội Phạm Hữu Nhật

và nhiều gia đình khác đã có người hy sinh trong đội Hoàng Sa, Trường Sa, hoặc bất cứ ai có lòng thành đều có thể dâng lễ cúng thể lính Hoàng Sa, Trường Sa. Những ngày lễ Tết, kỵ lập cũng đều có mâm cỗ cúng ngoài sân để tỏ lòng thành kính với những vong linh Hoàng Sa - Trường Sa. Riêng ở Âm Linh tự (chùa Âm Linh), thôn Tây, xã An Vĩnh, hàng năm vào ngày 16/3 có tổ chức lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa - Trường Sa theo một nghi thức nhất định. Trước ngày khao mời thầy chùa về sở tự cầu siêu, cầu an, phóng đăng, phóng sinh. Với ý niệm cầu hồng ân chư Phật phù trì cho các vong linh chiến sĩ được siêu thoát khỏi trầm luân nơi biển cả. Ngày hôm sau, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa - Trường Sa được tổ chức theo nghi thức tế lễ của làng đã duy trì từ rất xa xưa. PGS. TS. Lê Trọng và ông Võ Hiến Đạt, những người con của quê hương huyện đảo Lý Sơn đã cung cấp cho chúng tôi bài văn tế *Chúc văn khao tế chiến sĩ Hoàng Sa, Trường Sa* (bằng chữ Nôm), lời văn thống thiết, đã thấm sâu vào tâm khảm, huyết quản của biết bao thế hệ Lý Sơn. Nội dung như sau:

“Viết cung duy Âm linh chiến sĩ tôn thần.

Hỡi ơi! Đất Việt trời Nam, nghĩ tưởng Chiến sĩ hy sinh từ thửa nọ; cho hay sinh ký tử quy, đi có về không, thân đã mất mà danh ấy thọ.

Xót thương thay! Những chiến sĩ tuân lệnh Triều đình bảo vệ biên phòng - lãnh hải trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã liều thân vì Tổ quốc, son sắt một lòng, ngang dọc chí nam nhi, phong ba dôi dập, tuyết sương chẳng quản, mưa gió chẳng sờn, thề quyết bảo vệ biên cương bờ cõi!

Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh hải, biển cả mênh mông, thág năm vô định, biết mấy phen thề non hẹn biển, quyết một lòng chiến đấu đến cùng, mong ơn trên soi thấu tấm kiên trinh, trường tranh đấu biết đâu là số mệnh.

Ôi! Tiếc cho khi lỡ bước giữa dòng, nào kịp thấy ít nhiều

ơn vũ lộ⁽¹⁾.

Trường chinh chiến hoặc là oan hay chẳng, hội thăng bình chớ nghĩ rằng không, cơ huyền diệu hoặc thăng trầm chưa rõ!

Thiên thì về cố quận⁽²⁾ để hương thơm đèn sáng. Kiếp tái sinh trở lại thăng quan. Đã anh hùng dù sinh tử chớ nề. Thiên thì giúp Hoàng triều giữ vẹn biên cương, duy vạn kỷ vẫn trường tồn ngôi báu, hộ hương thôn nhân vật phụ khương, quốc thái dân an, rạng danh cổ độ⁽³⁾.

Ngưỡng lại⁽⁴⁾ Âm linh chiến sĩ phù trì chi gia huệ giả.

Phục duy cần cáo!”.

Sau khi thu thập thêm nhiều tư liệu trong các gia đình, dòng họ ở Lý Sơn, chúng tôi ra thưởng ngoạn cảnh đẹp của “Thiên Khổng Thạch tự”. Đó là một ngôi chùa hang rất đẹp. Trước chùa là bãi cát trắng dài. Hàng cây cổ thụ mọc phía trước chùa. Những cây phong ba cổ thụ và cây bàng vuông hiên ngang trước những ngọn gió biển ào ạt thổi vào. Sóng biển Mai Phụng Lưu nói rằng, thường trước khi đi biển anh và nhiều ngư dân vừa cúng ở nhà vừa thường ra cúng ở chùa...

Tôi ấy, gia đình Sóng biển Mai Phụng Lưu mời chúng tôi dùng cơm tại nhà anh. Những món hải sản ngon được chế biến khéo léo đem ra thết đãi. Chúng tôi ấn tượng nhất, và cũng hơi lấy làm tự tiện khi đã dùng cạn cả bình rượu quý của Sóng biển. Đó là bình rượu hải sâm vú của anh. Bình rượu chừng 10 lít này ngâm đôi hải sâm vú được anh đánh bắt ở Hoàng Sa. Mỗi con hải sâm to bằng lòng cái đĩa sứ to. Bây giờ loại hải sâm này đã dần trở nên khan hiếm. Sóng biển Mai Phụng Lưu cho biết đặc điểm của loại hải sâm này là có hai

(1) *Vũ lộ*: mưa móc (ân trạch vua ban thưởng).

(2) *Cố quận*: Cố hương (xưa gọi là Châu quận).

(3) *Cổ độ*: Nơi ở cũ (nơi nguyên quán).

(4) *Ngưỡng lại*: Lại trông mong.

hàng vú. Cách dùng như sau: để nguyên con, dùng vật nhám để nạo sạch lớp da ngoài. Cho hải sâm vú vào trung nước sôi khoảng 3 phút, không được để chín. Sau đó dùng dao mổ một đường dưới bụng, nhớ là nhất thiết không được mổ ở hàng vú. Rửa sạch ruột, để ráo rồi cho vào bình ngâm. Một tuần sau, lấy hải sâm vú ra rửa bằng rượu, để ráo sau đó cho một chút mật ong vào bụng vú. Lượng nhiều ít tùy dùng nhưng không được quá 1/4 lít mật ong cho 10 lít rượu. Ngâm rượu được hai ngày thì có thể cho thêm sâm, quy để tăng bổ và tăng hương vị, nhất là khử được mùi tanh.

Chuyện đến khuya thì chúng tôi về Ban quản lý cảng Lý Sơn. Đêm ấy mất điện. Trời nóng, chúng tôi xách gàu ra giếng múc nước tắm. Nước ngọt ở đảo khan hiếm nên đào giếng được ở đây khá vất vả. Bên đảo nhỏ còn không đào được giếng nước ngọt phải mua bên đảo lớn.

Trăng lên. Trăng sáng hòa vào màu cát trắng lấp lóa. Lý Sơn đẹp biết bao. Bên cảng, những con tàu lại chuẩn bị ra khơi. Trong đó có rất nhiều tàu chuẩn bị đi đánh cá ở Hoàng Sa, có tàu đi xa hơn thì đến Trường Sa. Từ Lý Sơn, ngư dân đi biển mất chừng 18 tiếng đồng hồ thì đến Hoàng Sa.

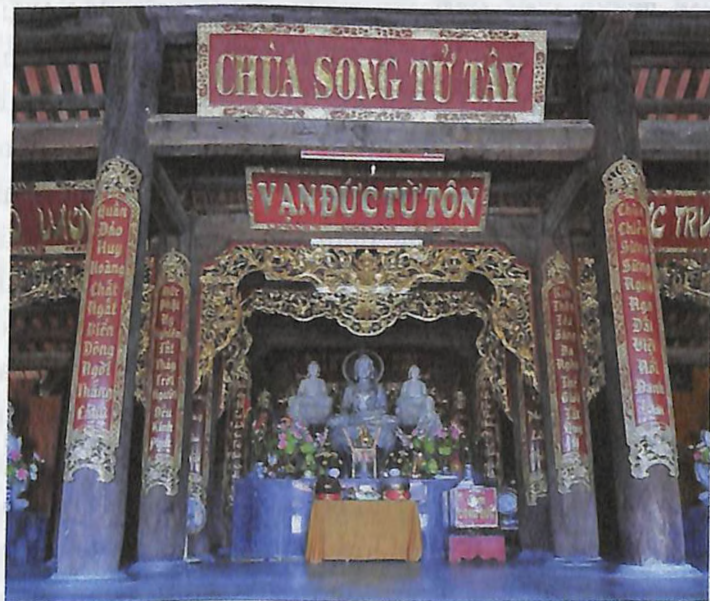
Trời vừa sáng, chúng tôi đã gặp Sói biển Mai Phụng Lưu ở cảng Lý Sơn. Mai Phụng Lưu nói rằng anh vào Bình Sơn để tìm mua tàu cũ. Tàu đóng mới phải tính bằng tiền tỷ, trong khi anh đang cố gắng xoay sở chừng 600 triệu đồng, với lãi suất xem chừng khá cao.

Sinh ở Lý Sơn, đàn ông phải biết đi biển. Mà đã gọi là Sói biển thì càng không thể quên được biển. Sói biển Mai Phụng Lưu lại tiếp tục đi đánh cá ở ngư trường truyền thống Hoàng Sa tiếp nối tự thuở nào.

TIẾNG CỦA NON SÔNG

Trần Văn Hạc

Chuyến đi Trường Sa cách đây mấy năm để lại trong tôi bao ấn tượng khó phai, khơi gợi trong tôi bao cảm giác chưa bao giờ gặp: Biển đảo Tổ quốc mệnh mông là cảnh quan kỳ vĩ, là kho tài nguyên vô giá. Công sức mở mang và giữ yên bờ cõi bao đời của tổ tiên ta thật là to lớn. Lễ tưởng niệm các cán bộ, chiến sỹ Hải quân của chúng ta đã anh dũng hy sinh ngày 14-3-1988 tại đảo Cô Lin, Lan Dao, Gạc Ma để bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ chủ quyền biển đảo thân yêu của Tổ quốc đã diễn ra vô cùng xúc động. Những ngôi chùa hướng về Thủ đô Hà Nội, ngân câu kinh kệ thanh bình giữa đại dương không một ngày lặng sóng...



Chính điện chùa Song Tử Tây (ảnh Lê Thao - Bá Ngọc)

Một trong những kỷ niệm để lại ấn tượng sâu đậm nhất là khi được lắng nghe trái tim mình hòa trong tiếng trống đồng vang vọng giữa biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Đó là chuyến công tác số 10 của chúng tôi ra thăm và làm việc ở huyện đảo Trường Sa từ ngày 1-6-2010 đến ngày 8-6-2010. Các cán bộ, chiến sĩ đảo Song Tử Tây đã vinh dự được thay mặt cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân huyện đảo Trường Sa nhận chiếc trống đồng do nhà sử học Dương Trung Quốc, thay mặt Hội Khoa học Lịch sử học Việt Nam trao tặng. Đây là một trong 100 chiếc trống đồng được đúc nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, biểu tượng của linh hồn Việt, hội tụ tinh hoa của các trống đồng Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà và Quảng Xương, mang cốt cách của nền văn minh Lạc Việt. Bên Bia Chủ quyền, Đại tá, Cục trưởng Cục hậu cần của Binh chủng Hải quân và Đại tá Nguyễn Kiều Kinh, Trưởng phòng chính sách, Cục chính trị của Quân chủng, đã rất xúc động khi nhận món quà vô giá này.

Trống đồng kêu hân hỉ tỏa sáng bên Bia Chủ quyền đây nắng gió. Tiếng trống đồng rung lên như nhịp đập trái tim của những người dân con Lạc cháu Hồng. Tiếng trống ngân nga như tiếng của ngàn xưa vọng lại, nổi lên quá khứ oai hùng của ông cha với hiện tại và tương lai của con cháu, lay động cả đất trời và biển khơi mênh mông. Trong ánh mắt hồn nhiên của các em thơ nơi đảo xa sáng ngời lên ngọn lửa tươi vui, các em lắng nghe tiếng trống đồng hòa cùng nhịp đập của trái tim son trẻ như lắng nghe lời ru của bà, của mẹ, có cánh cò chờ nắng dặt dìu trên cánh đồng xanh quê hương thơm mùa no ấm. Tiếng trống ngân trên đầu ngọn sóng, khoan thai trên cánh hải âu đưa tới tận chân trời, kết nối vòng tay bè bạn. Tiếng trống rung lên làm kẻ thù run sợ, nổi khiếp vía truyền kiếp của những tên xâm lược. Trong lớp lớp sóng xô như còn vang vọng lời sử sách ghi lại việc Trần Lương Trung, sứ nhà Nguyên sang nước ta, đời vua Trần Nhân Tông (1291), có bài thơ “*Cảm sự*” trong “*Sứ Giao Châu tập*”, viết về Trống Đồng Việt: “*Bóng lờ gương sắc lòng thêm đắng/ Tiếng rộn trống đồng tóc đốm hoa*” (Kim khoa ảnh lý đan tâm khổ/ Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh). Nghĩa là: Nhớ đến trận chiến quân Nam đuổi đánh,

quân Nguyên - Mông sợ kinh khiếp đến nỗi chỉ nghe tiếng trống đồng rộn rã mà sứ giả đã bạc trắng tóc rồi! Trống đồng ngân trong tiếng Quốc ca oai hùng mỗi mai sớm nơi tiền tiêu Tổ quốc, thêm vững lòng người lính trẻ. Tổ quốc ở bên anh. Nhân dân ở bên anh. Chính nghĩa ở trong anh. Lịch sử trao cho anh trách nhiệm và niềm tin yêu bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Khi có giặc, tiếng trống đồng thôi thúc đoàn quân chính nghĩa xung phong tiến lên phía trước, chiến thắng quân thù. Đó là truyền thống bốn ngàn năm chống giặc, là lời khẳng định chủ quyền, ý chí và sức mạnh toàn dân, thức tỉnh lương tri nhân loại, kẻ thù bạt vía kinh hồn. Hòa bình, tiếng trống nhân ái, khoan hòa, kết tình bầu bạn bao dung, ấm sáng trong ánh mắt nụ cười, trào dâng trong mỗi hạt căng mẩy mùa màng no ấm, rạo rực thúc gọi mỗi chồi xuân, bình yên trong mỗi tiếng chim gù, mỗi giấc trẻ thơ, mỗi lời yêu trao nhau hò hẹn, âm vang trong tiếng trống tự trường. Tiếng trống là âm thanh của niềm tin yêu và sức sinh sôi bất tận!...

Từ xa xưa trống đồng đã được coi là vật thiêng của người Việt cổ. Ở thôn Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, cách thành phố Thanh Hóa 40 km về phía tây bắc có ngôi đền thờ Thần Trống Đồng. Tương truyền, có một vị vua khi đi đánh giặc qua đây đã nghỉ lại một đêm trên bến Trường Châu ở khúc sông Mã gần đền (có điển nói là vua Hùng Vương đời thứ nhất nhưng cũng có sách nói là vua Lý Thái Tông đi dẹp giặc ngoại xâm). Trong giấc chiêm bao, vua được một vị thần xưng là Đồng Cổ báo mộng bày cách dẹp giặc loạn. Khi vua tỉnh giấc còn nghe vang vọng tiếng trống đồng vọng từ ngôi đền dưới chân ba ngọn núi. Theo báo mộng của Thần, khi ra trận vua cho dùng dùi đồng gõ vào trống đồng, giặc hoảng loạn sợ hãi bỏ chạy. Nhà vua sau đó đã trở lại để tạ ơn thần và cho tu bổ đền khang trang hơn. Tên đền Đồng Cổ được dân làng gọi theo từ đó. Vua Lý Thái Tông còn cho rước thần Đồng Cổ từ Đan Nê về lập đàn thề trên đất Thăng Long (nay ở Thụy Khuê), lại phong

cho Thần chức quan “*chủ trì việc thề trong cả nước*” và vào ngày 4 tháng Tư âm lịch hằng năm, vua cùng các quan văn võ đều ra đền làm lễ “Minh thệ” - ăn thề, giết con sinh (vật tế) uống máu ăn thề: “*Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung trời tru đất diệt*”, các vương triều Trần - Lê vẫn duy trì nghi lễ Quốc gia này. Thời Trần, Hội thề Đồng Cổ là một hội lớn, dân bốn phương về dự hội rất đông!

Đây, đảo Trường Sa Lớn, Đá Tây, Nam Yết; đây, đảo Sơn Ca, Sinh Tồn, Song Tử Tây... hiên ngang giữa đại dương trùng trùng sóng vỗ. Các chiến sỹ da sạm màu nắng gió, nụ cười luôn nở trên môi, mắt dõi nhìn bốn phía không một phút giây lơ là mất cảnh giác. Tiếng các em học sinh ngày ngày đến lớp, tiếng đọc bài vang trên ngọn sóng, những đàn bò thông dong gặm cỏ bình yên như ở làng quê, những chú vịt lặn ngụp trên sóng biển như chốn ao làng, những vườn rau xanh mơn mớn treo giữa chang chang nắng và hun hút gió... Bao khó khăn vất vả, hiểm nguy không thể làm nản lòng những người lính trẻ, các anh luôn vững tay súng gìn giữ từng tấc đất của Tổ quốc. Cái khoảng cách về không gian và thời gian như không còn khi tiếng trống đồng trầm hùng vang lên giữa biển trời lồng lộng. Khó có thể diễn tả hết không khí thiêng liêng khi nghe nhịp đập trái tim mình hòa cùng tiếng trống đồng vang vọng giữa Trường Sa. Cán bộ, chiến sỹ cùng đoàn công tác tay trong tay ôm trọn trống đồng vào lòng, ánh mắt mỗi người đều ngời lên sự tin tưởng vào tương lai đất nước. Tất cả đều thành kính hướng về nguồn cội, nhận thấy trong mình đang dâng trào sức mạnh của bốn ngàn năm với ý chí quật cường của dân tộc. Nắng, gió, sóng biển hòa cùng nhịp trống. Chưa bao giờ chúng tôi hiểu sâu sắc giá trị từng tấc đất của Tổ quốc thân yêu đã thấm máu bao thế hệ cha anh và thấy hết trách nhiệm lớn lao của mỗi người con đất Việt hôm nay là dốc lòng, dù có phải hy sinh xương máu để bảo vệ vững chắc, toàn vẹn biển đảo quê hương như giây phút lắng nghe âm vang tiếng trống rất đổi thiêng liêng này.

Trường Sa 6/2010 – Hà Nội 8/2011

NHỮNG NGƯỜI CON ĐẤT VIỆT “NẶNG LÒNG” VỚI BIỂN, ĐẢO QUÊ HƯƠNG⁽¹⁾

Văn Cường

1

40 năm không ngày nào không nghĩ về Biển Đông



TS. Trần Công Trục

Đó là TS. Trần Công Trục, nguyên Trưởng ban Ban Biên giới của Chính phủ.

Từ một cậu bé nhà nghèo lớn lên ở vùng cửa sông Nhật Lệ (Quảng Bình), thuở ấu thơ ông đã gần gũi, gắn bó với miền sông biển quê hương. Lớn lên, chàng thanh niên Trần Công Trục đã rời miền Trung nắng gió ra miền Bắc để theo học Trường Cán bộ Ngoại giao, Ngoại thương từ năm 1963

(Nay là Trường Đại học Ngoại giao và Trường Đại học Ngoại thương). Năm 1968, tốt nghiệp ra trường ông vào ngành ngoại thương. Năm 1971 ông nhập ngũ, trở thành bộ đội Hải quân. Đến năm 1976, ông là sỹ quan biệt phái tại Ban Biên giới của Chính phủ. Năm 1982, ông chính thức chuyển ngành về công tác tại Ban Biên giới; từ năm 1990 đến năm 2004 trước khi nghỉ hưu, ông ở cương vị Phó, rồi Trưởng ban Ban Biên giới của Chính phủ. Vậy là ông đã có trên 30 năm, với nhiều vị trí khác nhau, làm những công việc liên quan trực tiếp đến biên giới và hải đảo. Sau khi nghỉ hưu, ngoài công việc thường nhật phục vụ khách hàng

⁽¹⁾ Bài đăng trên *Bưu Điện Việt Nam*, Xuân Quý Tỵ - 2013 (Người BT sách này trích in và đặt lại dấu đề bài báo).

với tư cách là Luật sư, rồi Công chứng viên, ông vẫn tiếp tục dành thời gian, công sức miệt mài nghiên cứu về Biển Đông. Với 70 năm tuổi đời, TS. Trục đã dành hơn nửa thời gian (hơn 40 năm) làm việc, nghiên cứu liên quan đến biển đảo và biên giới, lãnh thổ quốc gia. Ông là người đã tham gia lãnh đạo Đoàn đàm phán cấp Chính phủ về biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia, chịu trách nhiệm chính về nội dung thuộc lĩnh vực biên giới, lãnh thổ đất liền và trên biển. Đến nay ông vẫn miệt mài không ngơi nghỉ khi tham gia biên soạn hoặc chủ biên những tác phẩm có giá trị khoa học khẳng định Hoàng Sa, Trường Sa là chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam, như: *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông*⁽²⁾, *Kỷ yếu Hoàng Sa*⁽³⁾ và rất nhiều bài báo, bài nghiên cứu về vấn đề này... đã được dư luận trong và ngoài nước quan tâm, đánh giá cao.

Ông đã từng tâm sự: “Biển Đảo của Quê hương luôn luôn gắn bó máu thịt với tôi. Tiếng sóng biển, lúc rầm rì, khi gầm thét dữ dội, đã trở thành khúc ca bi hùng, bất hủ ngân mãi trong tôi kể từ khi cất tiếng khóc chào đời và đó còn là lời hiệu triệu thiêng liêng của núi sông bờ cõi mà tôi luôn khắc cốt, ghi xương để sống và hành động xứng đáng là một công dân Đất Việt...”.

2

Già nửa cuộc đời đòi chân lý cho Biển Đông

TS. Nguyễn Nhã đến với vấn đề chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa là khi Biển Đông nổi sóng dữ dội. Ngày Trung Quốc cưỡng chiếm Hoàng Sa, cũng là ngày ông bắt đầu dẫn thân nghiên cứu về Biển Đông. Ông tâm sự: Ngày ấy vào Tết năm 1974, khi đó ông còn làm Giáo sư đào tạo tại trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức, trường Đại học Sư phạm Sài Gòn, chủ biên Tập san *Sử Địa*, nghe đài phát thanh thông báo về việc Trung

⁽²⁾ NXB Thông tin và Truyền thông, 2012

⁽³⁾ NXB Thông tin và Truyền thông, tháng 1/2012

Quốc cường chiếm Hoàng Sa, trong ông trào lên những cảm xúc mãnh liệt. Ông nghĩ, mình phải làm một cái gì đó để chứng minh chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa. Nói là làm, ông bắt tay vào liên lạc với các học giả Việt Nam trong nước và nước ngoài. Bằng nhiệt huyết của con dân đất Việt và tình yêu quê hương, những chuyên gia đã cùng ông gấp rút làm việc. Trong những chuyên gia ấy có Hoàng Xuân Hãn ở Pháp, Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham ở Nhật, ông Quốc Tuấn ở Ấn Độ...



TS. Nguyễn Nhã

TS. Nhã kể: “Đợi đến một năm sau, đúng ngày kỉ niệm Hoàng Sa bị chiếm, chúng tôi tổ chức triển lãm sử liệu minh chứng chủ quyền của Việt Nam và ra mắt Tập san *Sử Địa* số 29, đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa. Tham gia Lễ khánh thành triển lãm có 5 vị bô lão miền Nam. Các nghệ sĩ yêu nước gọi các vị bô lão ấy là Quốc lão (nhân vật có địa vị thọ trên 80 tuổi) gồm các bô lão như cụ Á Nam Trần Tuấn Khải, cụ Cử nhân Tả Chương Phùng, nhà nghiên cứu văn hóa Nhất Thanh, cụ Trần Văn Quế giảng sư Đại học Văn khoa. Các cụ đều mặc áo dài, khăn quàng chỉnh tề nghiêm trang đứng trước tám bản đồ thế kỷ 19 ghi rõ Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam”.

Buổi lễ trịnh trọng, đầy xúc động, nhiều người đã không giấu được những giọt nước mắt đau đớn khi nghĩ đến Hoàng Sa bị sa vào tay nước ngoài. Lúc đó, báo chí miền Nam đưa tin: “Triển

lâm sử liệu minh chứng chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa, Các vị Quốc lão đốt trầm khai mạc, chiêng trống vang rền, nhiều người ôm nhau khóc ròng”.

Sau này, ông được biết, tại Hải Nam (Trung Quốc) vào thời điểm đó đã tổ chức ăn mừng “chiến thắng” và có mời đại diện Đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam (miền Bắc Việt Nam) đang có mặt ở đấy, nhưng đoàn Việt Nam đã không đến vì “không muốn phải võ tay”. Ông khẳng định: “Dù ở nơi đâu, dù đang làm gì, là người Việt Nam thì đều như thế cả, không thể không đau nỗi đau dân tộc, không thể làm ngơ trước chủ quyền đất nước”.

Và nó thật đúng với ông, kể từ ngày đau nỗi đau mất Hoàng Sa, TS. Nguyễn Nhã đã bỏ nhiều tâm sức cho việc nghiên cứu chủ quyền Biển Đông hơn. Sau năm 1975, từ cuốn đặc khảo này, các đoàn nghiên cứu Biên giới miền Bắc vào liên lạc với ông và cùng phối hợp với ông .

Năm 2003, ông trình đề tài nghiên cứu Tiến sĩ lên cấp quốc gia với chủ đề về *“Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa”*. Sau đó, ông đã tham gia viết nhiều tác phẩm, dự nhiều hội thảo trong nước và quốc tế. Trong đó có 4 hội thảo quốc tế về Biển Đông ở Việt Nam và hội thảo tại Đại học Temple, Philadelphia năm 2010, hội thảo tại Đại học Harvard năm 2012...

TS. Nguyễn Nhã người đã có mặt ở rất nhiều Hội thảo trong nước và quốc tế khẳng định chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam.

Ông còn tập hợp tài liệu về chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa dịch ra tiếng Anh hơn 500 trang. Ông đã đưa tập bộ hồ sơ tài liệu này đến Hội Địa lý Quốc gia Mỹ, văn phòng Thượng Nghị sĩ J. Mc Cain, Jim Web và sẽ đưa tới thư viện các Trường Đại học trên thế giới, nếu hoàn chỉnh xong văn phong dịch sang tiếng Anh.

Đến nay dù đã hơn 70 tuổi, TS. Nguyễn Nhã vẫn cố gắng không mệt mỏi cho việc nghiên cứu chủ quyền và gìn giữ bản sắc

dân tộc qua những công trình biên khảo, chỉnh lý, tập hợp những tư liệu chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa...

3

Biển với tôi là nghề và cũng là nghiệp

Mái tóc bạc trắng như cước nhưng khuôn mặt vẫn căng đầy sức sống như tuổi 40, đó là cảm nhận của người viết bài này lần đầu tiên gặp ông vào ngày Hà Nội trở lạnh. Với giọng nói trầm, nhẹ nhàng, tiếp xúc với ông tôi có cảm giác rất gần gũi. Những giây phút ban đầu ấy, khó ai có thể nhận ra tuổi tác và công việc ông đã từng làm. Ông chính là PGS. TS. Nguyễn Chu Hồi, Nguyên Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, một người có thời gian gắn bó với Biển đảo quê hương đã 40 năm.



PGS. TS. Nguyễn Chu Hồi

Sau khi tốt nghiệp Đại học năm 1973, PGS. TS. Nguyễn Chu Hồi đã bắt đầu gắn bó với Biển, với công việc của một cán bộ nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Biển rồi được cử đi Ba Lan làm nghiên cứu sinh về Biển. Trở về với học vị Tiến sĩ, ông làm trạm phó Trạm nghiên cứu biển Vịnh Bắc Bộ. Cái nghiệp Biển cứ như con sóng không ngưng nghỉ đưa ông đến nhiều vị trí khác nhau. Ông làm Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, Bộ

Thủy sản. Sau đó, do yêu cầu quản lý Biển theo hướng tập trung, Nhà nước đã thành lập Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam nằm trong Bộ Tài nguyên và Môi trường, ông sang làm Phó Tổng cục trưởng ở tuổi quá 55.

Từ nhà nghiên cứu Biển ông trở thành “Nhà quản lý Biển”, trở thành nhà giáo dạy về Biển và nhà báo viết về Biển. Có lẽ cái nghiệp biển và “vị mặn của biển” đã ăn sâu vào máu của ông. Ông đã từng tâm sự: “Lòng Biển mệnh mông bí ẩn, không thể quan sát thông thường là có thể hiểu được nó mà phải thông qua nhà khoa học. Những năm tháng làm khoa học Biển đã giúp tôi có thể hiểu về Biển”. Nhà khoa học Biển như là cái gốc cho tất cả công việc ông làm. Hay nói cách khác, Biển chính là nghề, là nghiệp của ông. Vì yêu biển, hiểu biển mà ông đã đảm nhận và hoàn thành tốt nhiều vị trí công tác, tham gia nhiều diễn đàn Biển trong nước và Quốc tế. Với cương vị chuyên gia, Nhà quản lý Biển, Phó Tổng biên tập Tạp chí *Khoa học và Công nghệ biển Quốc gia*, thành viên Ban biên tập Tạp chí Quốc tế về *Quản lý Đại dương và Vùng bờ biển*, ông không chỉ lên tiếng bảo vệ chủ quyền trước dư luận trong nước mà tại các diễn đàn Quốc tế ông cũng sẵn sàng lên tiếng, đóng góp bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương.

Hơn thế nữa, theo ông, bảo vệ chủ quyền của nước ta ở Biển Đông không phải chỉ trên mặt trận chính trị, luật pháp, ngoại giao mà phải đấu tranh bằng khoa học, bằng kinh tế biển. Ông thường nói đùa: “Chúng ta không thể phát triển kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo bằng đội quân thuyền thúng được, mà phải bằng khoa học - công nghệ tiên tiến”. Trong những năm làm nghiên cứu và Nhà quản lý Biển ông đã chủ trì tham gia hoạch định nhiều chính sách phát triển kinh tế biển.

Xin dùng lời ông Ngô Lực Tài, Nguyên Giám đốc Sở Giao thông Vận tải TP. HCM, thường vụ Hội Khoa học Kỹ thuật Biển Việt Nam, trong một cuốn sách, nói về ông để làm lời kết. Ông Tài nhận xét về PGS. TS. Nguyễn Chu Hồi như sau: “Là người hoạch định chiến lược có tầm nhìn và quan điểm kiên định,

những lập luận chắc chắn của anh thuyết phục được cả giới khoa học trong và ngoài nước. Tự tin nhưng rất khiêm tốn, chịu khó học hỏi những người đi trước. Thời điểm này tìm được một người dám nói, dám làm như anh quả thật là hiếm”.

4

Hơn 80 tuổi vẫn đau đáu chủ quyền biển, đảo quê hương

Ngôi nhà cấp 4 gần đường Bưởi, nhà ông già Dy, luôn có khách đến chơi, nhất là khi Biển Đông có sự kiện nổi sóng. Những khách đến chơi ấy thường là cánh nhà báo viết về Biển Đông. Từ ông già đã về hưu đến hơn 20 năm nay, ẩn dật trong con hẻm nhỏ nay ông đã được nhiều người biết đến hơn. Người dân nhận ra hình ảnh ông lão móm mém nhưng khẩu khí mạnh mẽ, rắn rỏi. Nhất là khi trò chuyện về vấn đề Biển Đông, khuôn mặt ông hồng hào, đầy sức sống, giọng nói khúc triết rõ ràng. Ông lão ấy là Nhà nghiên cứu Dương Danh Dy, Nguyên Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Quảng Châu (Trung Quốc).



Nhà nghiên cứu Dương Danh Dy

Năm nay, đã vượt qua tuổi xưa nay hiếm, bước sang tuổi hiếm hơn nữa (hơn 80 tuổi) nhưng ông già Dy vẫn giữ một tác

phong làm việc lớp trẻ cũng phải thua. Hàng ngày ngoài giờ đi tập thể dục, đi dạo nâng cao thể lực ông vẫn vào máy tính kỳ cạch đọc các bài bằng tiếng Trung Quốc để tìm hiểu xem Trung Quốc đang nói gì, làm gì?

Mỗi khi cánh phóng viên chúng tôi gọi đến hỏi về các sự kiện trên Biển Đông, ông đều nắm rất rõ và thể hiện quan điểm kịp thời. Ông kể: Sự kiện Trung Quốc in bản đồ hình lưỡi bò lên hộ chiếu, ngay tối hôm đó, một tờ báo đã gọi điện ngay cho ông và sáng hôm sau, trả lời của ông đã được hiển hiện trên tờ báo phát hành cả nước.

Ông vẫn thường phải bỏ tiền túi ra để in tài liệu. Ông rất vui khi kể về tình cảm của người dân đối với những người dám nói về Biển Đông. Ông kể: “Có lần tôi đi sửa máy in, cậu chủ của hàng in nhận ra tôi xuất hiện trên báo. Chúng tôi nói chuyện một lúc rồi cậu ấy bảo: “Cháu rất bức xúc trước hành động ngang ngược của Trung Quốc... Cảm ơn bác đã nói hộ chúng cháu. Và nói cho người dân hiểu về tình hình Biển Đông. Cháu không lấy tiền của bác”. Mặc dù số tiền không phải là nhiều, chỉ dưới 100 ngàn nhưng ông rất vui. Niềm vui nhỏ nhoi ấy là một sự động viên đáng kể với những người nghiên cứu Biển Đông như ông.

Mong muốn lớn nhất của ông là Nhà nước sớm tập hợp những nhà nghiên cứu kỳ cựu, đưa họ vào cơ quan nghiên cứu tầm Quốc gia để họ có được những cống hiến nhiều hơn cho Tổ quốc.

MỤC LỤC

• Lời giới thiệu	GS. VŨ KHIÊU	3
• Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam mãi mãi không thể cắt rời	TS. ĐINH CÔNG VĨ	5
• Bản đồ Trung Quốc 1904 không có Hoàng Sa, Trường Sa	TS. MAI HỒNG	27
• Giá trị khoa học của “Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ”	PHAN DUY KHA	39
• Dư luận sau khi TS. Mai Hồng trao tặng “Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ” cho Bảo tàng lịch sử Quốc gia Việt Nam	TS. ĐINH CÔNG VĨ	50
• Cơ duyên cho “Ông bản đồ”	HIỆP ĐỨC	55
• Hai người bạn trò chuyện về một tấm bản đồ	MAI NGỌC VŨ	58
• Lịch sử dạy ta qua những mâm cỗ cúng, tế vong linh binh lính Hoàng Sa - Trường Sa	PGS.TS. LÊ TRỌNG	62
• Công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc của thời các Chúa Nguyễn	NGUYỄN ĐẮC XUÂN	85
• Những bằng chứng đầy thuyết phục về chủ quyền biển đảo quê hương	BÙI PHÚC HẢI	89
• Khái lược lịch sử Biển Đông	HOÀNG QUỐC HẢI	109
• Những tư liệu lịch sử khẳng định chủ quyền không tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa	BÙI PHÚC HẢI	118
• Lý Sơn đảo tiền đồn canh giữ Hoàng Sa - Trường Sa	TỪ KHÔI	131
• Tiếng của non sông	TRẦN VĂN HẠC	143
• Những người con đất Việt “nặng lòng” với biển, đảo quê hương	VĂN CƯỜNG	147

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA LÀ MÁU THỊT VIỆT NAM

(NHIỀU TÁC GIẢ)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Giám đốc - Tổng biên tập

Tổ chức bản thảo:

BÙI PHÚC HẢI

Giám đốc Trung tâm Văn hóa Tràng An

Biên tập: **BAN BIÊN TẬP SÁCH CT-KT-XH**

Kỹ thuật trình bày: **TRUNG TÂM VĂN HÓA TRÀNG AN**

Sửa bản in: **TRUNG TÂM VĂN HÓA TRÀNG AN**

Thiết kế bìa: **TIỂU LÂM**

*

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Trụ sở chính: Số 9/90 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT Biên tập: 04.35772140 – 04.35772141

ĐT Phát hành: 04.35772138; **Fax:** 04.3579858

Email: nxb.tttt@mic.gov.vn; **Website:** nxbthongtintruyenthong.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 8A đường D2, phường 25,
quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.35127750 – 35127751; **Fax:** 08.35127751

Email: cnsq.nxbtttt@gov.vn

Chi nhánh TP. Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Toản, quận Hải Châu,
TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3897467; **Fax:** 0511.3843359

Email: cndn.nxbtttt@mic.gov.vn

In 1.000 cuốn, khổ 15x23.5cm, tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1246-2014/CXB/1-364/TTTT

Số quyết định xuất bản: 208/QĐ-NXB TTTT

In xong và nộp lưu chiểu quý III/2014.

“Tôi đã đọc nhiều về biển đảo của ta. Càng đọc, tôi càng thấy *Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam* là một cuốn sách tổng hợp theo hệ thống khá đầy đủ và rất có giá trị lịch sử, pháp lý về chủ quyền biển đảo quê hương. Cuốn sách này cần được phổ biến đến mọi người”.

Thiếu tướng, TS. Nhà văn **CHU PHÁC**

“Giá trị của cuốn sách *Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam* còn ở chỗ: nó mang tính phổ thông”.

PGS.TS. Sử học **PHẠM HỒNG TUNG**

“Trong tay ta có cả một khối tư liệu lịch sử, pháp lý vô cùng phong phú và chân xác về chủ quyền biển đảo thiêng liêng. Những nội dung quan trọng đó cần được phổ cập trong nhà trường và nói chung là phổ biến cho mọi người dân Việt Nam đều biết về hình hài Tổ quốc mình. Hơn nữa, còn làm tài liệu cho nhân dân thế giới biết được đâu là thực hư, phải trái”.

Nhà văn **HOÀNG QUỐC HẢI**



CÁC EM HỌC SINH Ở TRƯỜNG SA



TỔNG PHÁT HÀNH - TRUNG TÂM VĂN HOÁ TRẦN AN

ĐC: 54/171 Nguyễn An Ninh - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 3664 7143 - 3662 1060

Fax: 04 6284 1316

Mobile: 0912 344 084

Website: sachtrangan.com - sachtrangan.vn

Email: vanhoatangan@gmail.com



ISBN: 978-604-80-0696-9



Giá: 75.000 đ